

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2866 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 22 tháng 11 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (lần 05)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 18/7/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2920/TTr-LĐTBXH ngày 10/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách (kèm theo Phụ lục 02 danh sách hỗ trợ người lao động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập tại Tờ trình số 2920/TTr-



LĐTBXH ngày 10/11/2021) và kinh phí hỗ trợ cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Châu Thành (lần 05), cụ thể như sau:

STT	Loại đối tượng	Đối tượng hỗ trợ (Phụ lục 02)			Đối tượng không hỗ trợ (Phụ lục 09)		
		Số lượng	Số tiền/người	Thành tiền	Số lượng	Số tiền/người	Thành tiền
1	Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (chính sách số 4 – mức 1.855.000 đồng/người hoặc 3.710.000 đồng/người). Trong đó:	1.162		4.216.415.000	28		59.360.000
	- Tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng	51	1.855.000	94.605.000	24	1.855.000	44.520.000
	- Tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên	1.111	3.710.000	4.121.810.000	4	3.710.000	14.840.000
2	Chính sách hỗ trợ bổ sung cho người lao động và trẻ em (chính sách số 7 – mức 1.000.000 đồng/người hoặc trẻ em). Trong đó:	297		297.000.000	3		3.000.000

- Người lao động đang mang thai	20	1.000.000	20.000.000			
- Người lao động đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi	277	1.000.000	277.000.000	3	1.000.000	3.000.000
Tổng cộng	1.459		4.513.415.000	31		62.360.000
Bằng chữ:	Bốn tỷ năm trăm mười ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng			Sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng		

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng theo thời gian quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn huyện và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn địa phương về quy trình thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh

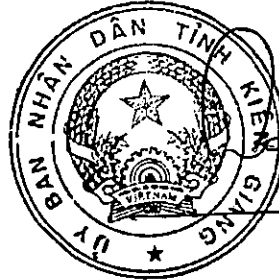
Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. H2

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tthuy, "HT".

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHỤ LỤC 02

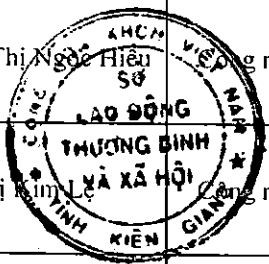
Danh sách đề nghị hỗ trợ do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 trên địa bàn huyện Châu Thành
(Kèm theo Tờ trình số 2920/TTr-LĐTĐTBXH ngày 10/11/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

1	CHI NHÁNH CÔNG TY CP KIÊN HÙNG - NHÀ MÁY BỘT CÁ KIÊN HÙNG							57.940.000			
1.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							51.940.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Chí Nguyễn	Công nhân	Không xác định thời hạn	01/02/2020	9116006764	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Chí Nguyễn, STK 108868340194, Ngân hàng VietinBank	371366883	
2	Nguyễn Thị Trúc Linh	Cán ghi	HĐLĐ 1 năm	01/07/2021	9121993200	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Trúc Linh, STK 104872312486, Ngân Hàng VietinBank	371903577	
3	Trương Ngọc Yến	Cán ghi	HĐLĐ 1 năm	01/07/2021	9122357580	07/08/2021	07/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trương Ngọc Yến, STK 103872312499, Ngân Hàng VietinBank	371918353	
4	Lê Bạch Đằng	Phó quản đốc	Không xác định thời hạn	01/01/2018	5397001536	10/08/2021	10/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Bạch Đằng, STK 105868340160, Ngân hàng VietinBank	370611180	
5	Nguyễn Văn Bè	Công nhân	HĐLĐ 3 năm	Mar-20	7413160590	13/08/2021	13/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Bè, STK 108868458291, ngân hàng VietinBank	371437957	

6	Nguyễn Văn Bạ	Công nhân	Không xác định thời hạn	Feb-20	9116006760	13/08/2021	13/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Bạ, STK 105868340203, ngân hàng VietinBank	371418555	
7	Danh Lạ	Công nhân	HĐLĐ 3 năm	Mar-21	9122557451	13/08/2021	13/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Lạ, STK 106870262068, ngân hàng VietinBank	371509558	
8	Lê Văn Lãm	Công nhân	Không xác định thời hạn	Aug-21	9116019120	13/08/2021	13/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Văn Lãm, STK 100868340208, ngân hàng VietinBank	371217380	
9	Bùi Văn Đàng	Công nhân	HĐLĐ 3 năm	Sep-21	9123663848	13/08/2021	13/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Đàng, STK 101869596653, ngân hàng VietinBank	370673588	
10	Bùi Hồng Diễm	Cán ghi	HĐLĐ 1 năm	Jul-21	9123295768	13/08/2021	13/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Bùi Hồng Diễm, STK 107871995247, ngân hàng VietinBank	371910436	
11	Huỳnh Ngọc Nhung	Cán ghi	HĐLĐ 1 năm	Jul-21	9124182845	13/08/2021	13/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Ngọc Nhung, STK 107873038356, ngân hàng VietinBank	371829030	
12	Cao Song Toàn	Công nhân	Không xác định thời hạn	Aug-21	9116019145	28/08/2021	28/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Cao Song Toàn, STK 109868340209, ngân hàng VietinBank	371513942	
13	Danh Phên	Công nhân	Không xác định thời hạn	Aug-20	9116007058	28/08/2021	28/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Phên, STK 103868340205, ngân hàng VietinBank	371252388	
14	Nguyễn Trường Thoại	Bảo trì	Không xác định thời hạn	01/08/2020	9116007060	29/08/2021	29/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Trường Thoại, STK 107868340183, ngân hàng VietinBank	370710375	
1.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							1.000.000			
Stt	Họ và tên		Thứ tự tại mục 1.1					Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú

1	Huỳnh Ngọc Nhung		11				1.000.000	Huỳnh Ngọc Nhung, STK 107873038356, ngân hàng VietinBank	371829030	
1.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						5.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 1.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Văn Bạ	6	Nguyễn Khải Nam	06/08/2019	Thị Tiến	1.000.000	1.000.000	Nguyễn Văn Bạ, STK 105868340203, ngân hàng VietinBank	371418555	
2	Danh Lạ	7	Danh Thị Trâm Em	29/11/2018	Châu Thị Tú	1.000.000	1.000.000	Danh Lạ, STK 106870262068, ngân hàng VietinBank	371509558	
3	Lê Văn Lắm	8	Lê Khánh Bằng	21/03/2016	Võ Thị The	1.000.000	1.000.000	Lê Văn Lắm, STK 100868340208, ngân hàng VietinBank	371217380	
4	Huỳnh Ngọc Nhung	11	Lê Huỳnh Kim Thư	27/02/2017	Lê Văn Chí	1.000.000	1.000.000	Huỳnh Ngọc Nhung, STK 107873038356, ngân hàng VietinBank	371829030	
5	Danh Phên	13	Danh Văn Thế	18/10/2019	Đương Thị Đành	1.000.000	1.000.000	Danh Phên, STK 103868340205, ngân hàng VietinBank	371252388	
II	CÔNG TY TNHH HÒA HIỆP						186.660.000			
2.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						170.660.000			

Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng) :	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Đạt	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	5102006576	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Tiến Đạt STK: 7713205119351, ngân hàng sacombank	273640311	
2	Đỗ Thị Hiền	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	5307005656	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đỗ Thị Hiền STK: 70125666513, ngân hàng sacombank	371328421	
3	Võ Thị Như Hạnh	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9108009820	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Võ Thị Như Hạnh STK 070125666424, ngân hàng sacombank	370506515	
4	Trương Thị Bích	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9108009825	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trương Thị Bích STK 070125658057, ngân hàng sacombank	370624468	
5	Danh Thị Cẩm Sương	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9108009829	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Cẩm Sương STK: 070125662844, ngân hàng sacombank	371173425	
6	Đỗ Thị Thuý Linh	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9108009830	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đỗ Thị Thuý Linh STK: 070125666173, ngân hàng sacombank	370987175	
7	Huỳnh Thị Lọt	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9108009834	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Lọt số tk 070125662895, ngân hàng sacombank	371456636	



8	Lâm Thị Ngọc Hiếu	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9109004658	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Ngọc Hiếu STK: 070125666351, ngân hàng sacombank	371484716	
9	Lê Thị Kim Lê	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9109004664	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Kim Lê STK: 070125666572, ngân hàng sacombank	370705772	
10	Thị Sary	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9109004667	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Sary STK: 070125666068, ngân hàng sacombank	371541725	
11	Châu Thị Xuân Liễu	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9109004668	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Châu Thị Xuân Liễu STK: 070125664480, ngân hàng sacombank	371254545	
12	Lê Thị Hồng Cẩm	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9109004674	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Hồng Cẩm STK: 070125666629, ngân hàng sacombank	370705690	
13	Bùi Thị Hồng Thiệp	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9109004784	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Bùi Thị Hồng Thiệp STK: 75010000526354, ngân hàng BIDV	370967412	
14	Thị Hiền	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9109004785	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Hiền STK: 070125666690, ngân hàng sacombank	371484561	
15	Thị Giàu	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9109004787	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Giàu STK: 070125665983, ngân hàng sacombank	371422770	
16	Trần Thị Kim Cương	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9109004792	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Thị Kim Cương STK: 070125666432, ngân hàng sacombank	371529180	
17	Thị Trang'	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9110004428	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Trang STK: 070125661449, ngân hàng sacombank	370793302	

18	Phan Thị Thúy Nguyên	Kế toán TC	DÀI HẠN	01/01/2020	9110006978	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phan Thị Thúy Nguyên STK: 677704060006971, ngân hàng VIB	371261663	
19	Danh Thị Mộng Thu	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9111005951	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Mộng Thu STK: 070125666394, ngân hàng sacombank	371390155	
20	Nguyễn Hồng Loan	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9111005970	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hồng Loan STK: 070125666475, ngân hàng sacombank	371560991	
21	Huỳnh Thị Ngân	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9111005978	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Ngân STK: 070125662178, ngân hàng sacombank	371558463	
22	Thị Cảo	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9113006925	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Cảo STK: 070125666343, ngân hàng sacombank	371558397	
23	Nguyễn Đình Dương	nhân viên cơ điện	DÀI HẠN	01/01/2020	9114006845	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đình Dương, STK: 070125660752, ngân hàng sacombank	371546071	
24	Thị Lành	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9114007045	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Lành STK: 070125666378, ngân hàng sacombank	371093778	
25	Nguyễn Hồng Lal	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9115006993	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hồng Lal STK: 070125657611, ngân hàng sacombank	370967244	
26	Thị Đồng	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9115006994	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Đồng STK: 070125659886, ngân hàng sacombank	371191255	
27	Thị Chúc	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9115007196	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Chúc số TK 070125666270, ngân hàng sacombank	371173716	

28	Thị Mỹ Ngân	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9116006733	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Mỹ Ngân STK: 070125666564, ngân hàng sacombank	371659404	
29	Tăng Thị Kim Thơ	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9116006734	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Tăng Thị Kim Thơ STK: 070125666599, ngân hàng sacombank	371724720	
30	Danh Thị Cẩm Tiên	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9116007035	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Cẩm Tiên STK: 070125662550, ngân hàng sacombank	372593844	
31	Danh Thị Duyên	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9116007036	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Duyên STK: 070125661708, ngân hàng sacombank	371755583	
32	Tăng Thị Hồng Nhung	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9116017771	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Tăng Thị Hồng Nhung STK: 070125665185, ngân hàng sacombank	371621290	
33	Bùi Văn Linh	Nhân viên cơ điện	DÀI HẠN	01/01/2020	9122178130	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Linh STK: 0103736889, ngân hàng ĐÔNG Á	371225683	
34	Thị Dành	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9122247777	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Dành STK: 070125655546, ngân hàng sacombank	371568004	
35	Thị Hiệu	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9122258511	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Hiệu STK: 07115014682, ngân hàng sacombank	371829467	
36	Thị Bé Ngọc	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9122279945	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Bé Ngọc số TK : 070125666416, ngân hàng sacombank	371757677	
37	Thị Phượng	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9122291459	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Phượng STK: 070125666785, ngân hàng sacombank	371680693	

38	Thị Bé Sáu	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9122311418	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Bé Sáu STK: 070125656208, ngân hàng sacombank	371659451	
39	Danh Thanh Hoàng	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9122318670	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000		371328375	Nhận tiền mặt
40	Thị Chúc Ly	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9122331801	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thị Chúc Ly STK: 070125666696, ngân hàng sacombank	371100247	
41	Nguyễn Thị Thuy	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9122349817	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thuy STK: 070125666556, ngân hàng sacombank	371560759	
42	Danh Thị Mộng Dũ	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9122353815	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Mộng Dũ STK: 070125666701, ngân hàng sacombank	371541878	
43	Danh Thị Thu Duyên	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9123418285	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Thu Duyên STK: 070059386611, ngân hàng sacombank	371472147	
44	Nguyễn Thành Trung	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9124045280	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thành Trung STK: 070125655821, ngân hàng sacombank	371144419	
45	Lê Minh Thuận	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9124045281	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Minh Thuận STK: 070105466186, ngân hàng sacombank	371446953	
46	Phạm Ngọc Quý	Công nhân	DÀI HẠN	01/01/2020	9124047333	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phạm Ngọc Quý STK: 070125663735, ngân hàng sacombank	370970933	
2.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							16.000.000			

Stt	Họ và tên người nhận tại SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH KIÊN GIANG	Số tiền hỗ trợ	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Đình Dương	23	Nguyễn Diệu Anh	07/08/2018	Nguyễn Đình Dương	371546071	1.000.000	Nguyễn Đình Dương, STK 070125660752, ngân hàng sacombank	371546071	
2	Danh Thị Duyên	31	Huỳnh Nhã Yến	11/05/2018	Danh Thị Duyên	371755583	1.000.000	Danh Thị Duyên STK 070125661708, ngân hàng sacombank	371755583	
3	Thị Cèo	22	Dương Thị Minh Thư	24/07/2017	Thị Cèo	371558397	1.000.000	Thị Cèo STK: 070125666343, ngân hàng sacombank	371558397	
4	Danh Thị Cẩm Sương	5	Đường Thành Đạt	28/07/2019	Danh Thị Cẩm Sương	371173425	1.000.000	Danh Thị Cẩm Sương STK: 070125662844, ngân hàng sacombank	371173425	
5	Phan Thị Thúy Nguyên	18	Nguyễn Phan Khánh An	08/10/2019	Phan Thị Thúy Nguyên	371261663	1.000.000	Phan Thị Thúy Nguyên STK: 677704060006971, ngân hàng VIB	371261663	
6	Danh Thị Thu Duyên	43	Danh Hoàng Thắng	11/08/2019	Danh Thị Thu Duyên	371472147	1.000.000	Danh Thị Thu Duyên STK: 070059386611, ngân hàng sacombank	371472147	
7	Bùi Thị Hồng Thiệp	13	Đặng Thị Ngọc Như	28/10/2018	Bùi Thị Hồng Thiệp	370967412	1.000.000	Bùi Thị Hồng Thiệp STK: 75010000526354, ngân hàng BIDV	370967412	
8	Danh Thanh Hoàng	39	Danh Trần Phương Nhi	09/02/2016	Danh Thanh Hoàng	371328375	1.000.000		371328375	

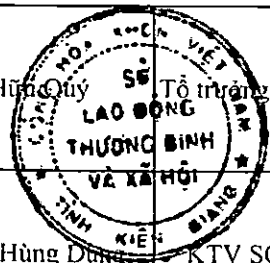
9	Lâm Thị Ngọc Hiếu	8	Nguyễn Lâm Trọng Lý	04/10/2018	Lâm Thị Ngọc Hiếu	371484716	1.000.000	Lâm Thị Ngọc Hiếu STK: 070125666351, ngân hàng sacombank	371484716	
10	Thị Đồng	26	Danh Hoàng Đăng	14/09/2020	Thị Đồng	371191255	1.000.000	Thị Đồng STK: 070125659886, ngân hàng sacombank	371191255	
11	Thị Đồng	26	Danh Hoàng Thiên	31/10/2016	Thị Đồng	371191255	1.000.000	Thị Đồng STK: 070125659886, ngân hàng sacombank	371191255	
12	Thị Mỹ Ngân	28	Danh Minh Tú	11/01/2017	Thị Mỹ Ngân	371659404	1.000.000	Thị Mỹ Ngân STK: 070125666564, ngân hàng sacombank	371659404	
13	Thị Sary	10	Thị Nhà Ái	14/02/2017	Thị Sary	371541725	1.000.000	Thị Sary STK: 070125666068, ngân hàng sacombank	371541725	
14	Thị Hiền	14	Nguyễn Hùng Anh	04/09/2018	Nguyễn Hùng Anh	371484561	1.000.000	Thị Hiền STK: 070125656690, ngân hàng sacombank	371484561	
15	Tăng Thị Hồng Nhung	32	Tăng Thị Kiều Như	10/06/2016	Tăng Thị Hồng Nhung	371621290	1.000.000	Tăng Thị Hồng Nhung STK: 070125665185, ngân hàng sacombank	371621290	
16	Tăng Thị Kim Thơ	29	Lê Kim Thoa	10/08/2018	Tăng Thị Kim Thơ	371724720	1.000.000	Tăng Thị Kim Thơ STK: 070125666599, ngân hàng sacombank	371724720	
III	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ Ô TÔ KIÊN GIANG						245.020.000			
3.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						230.020.000			

Stt		Phòng ban, Họ và Tên Thương binh và xã hội	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Võ Thị Trúc Lan	Quyền Giám đốc điều hành	12 tháng	01/02/2021	9210017814	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Võ Thị Trúc Lan- 237155785-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	331548299	
2	Trần Văn Hón	Trưởng phòng Kinh doanh	Không xác định	01/11/2020	9216016827	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Trần Văn Hón- 151832253-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	371505579	
3	Lê Thị Khánh Như	Phó phòng Kinh doanh	Không xác định	01/11/2020	9216016828	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Lê Thị Khánh Như- 151832261-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	363826266	
4	Bùi Hoàng Ngọc Mai	Sale Admin	24 tháng	01/05/2021	9121803908	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Bùi Hoàng Ngọc Mai- 0932992122-Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Kiên Giang	371798608	
5	Dương Thị Thu Ngọc	Nhân viên Phụ kiện	12 tháng	01/08/2021	9123021524	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Dương Thị Thu Ngọc- 217630533-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371764431	
6	Nguyễn Trung Phát	Thủ Kho xe	12 tháng	01/02/2021	9116016341	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Trung Phát- 237155637-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371584406	

7	Lý Đăng Khoa	GVĐTNB	12 tháng	01/05/2021	9121636303	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Lý Đăng Khoa- 181648473-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371680825	
8	Danh Thu Thảo	Tư vấn bán hàng	12 tháng	01/12/2020	9122796761	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Danh Thu Thảo- 166200997-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371721336	
9	Lê Thị Thùy Trang	Tư vấn bán hàng	12 tháng	21/01/2021	9123366213	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Lê Thị Thùy Trang- 166201152-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	362468895	
10	Cao Thị Đào Vân	Tư vấn bán hàng	12 tháng	01/05/2021	9122248513	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Cao Thị Đào Vân- 181648438-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371909696	
11	Nguyễn Hoàng Tấn	Tư vấn bán hàng	12 tháng	01/08/2021	8622557786	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Tấn- 181648497-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371639404	
12	Trần Thị Thanh Nhã	Tư vấn bán hàng	12 tháng	01/02/2021	9123826105	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Trần Thị Thanh Nhã- 188312721-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371775516	
13	Hứa Quốc Thái	Tư vấn bán hàng	12 tháng	01/01/2021	9122311790	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Hứa Quốc Thái- 209628759-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371853428	
14	Trần Ngọc Nữ	Tư vấn bán hàng	12 tháng	01/01/2021	9121887311	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Trần Ngọc Nữ- 209629728-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371950459	

15	Huỳnh Minh Hưởng	Tư vấn bán hàng	12 tháng	01/07/2021	9122962832	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Huỳnh Minh Hưởng-0918641105-Ngân hàng TMCP Quân Đội-CN Kiên Giang	371763642	
16	Trần Đăng Khoa	Tư vấn bán hàng	12 tháng	01/07/2021	9122000765	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Trần Đăng Khoa-962066880-Ngân hàng TMCP Quân Đội-CN Kiên Giang	371717232	
17	Đoàn Minh Thống	Trưởng phòng Dịch vụ	12 tháng	01/05/2021	7930162975	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Đoàn Minh Thống - 242565967-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	023505452	
18	Trần Quốc Khánh	Phó phòng Dịch vụ	Không xác định	01/01/2021	9216019482	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Trần Quốc Khánh-152282378-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	352331445	
19	Nguyễn Quang Trung	Quản đốc	Không xác định	16/09/2017	9215000255	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Quang Trung-151832571-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	94086000101	
20	Tạ Thành Lực	GVĐTNB-CVKT	Không xác định	01/12/2020	9216016831	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Tạ Thành Lực-151832709-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	363746951	
21	Danh Mến	Cố vấn dịch vụ	24 tháng	01/05/2020	9122103689	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Danh Mến-181648872-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371349942	
22	Danh Tiền	Cố vấn dịch vụ	12 tháng	01/03/2021	9122450459	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Danh Tiền-209629399-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371885688	

23	Nguyễn Hoàng Giang	Cố vấn dịch vụ	36 tháng	01/05/2020	9520891368	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Giang- 163511223-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN, Cần Thơ	385599008	
24	Trịnh Quốc Đạt	Tổ trưởng BDN	36 tháng	01/11/2019	9122638648	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Trịnh Quốc Đạt- 166201233-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	371707827	
25	Trần Văn Ôn	KTV BDN	36 tháng	01/11/2019	9122111059	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Trần Văn Ôn- 166201217-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	371725938	
26	Nguyễn Văn Úc	KTV BDN	12 tháng	01/12/2020	9122061277	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Úc- 188314333-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371822398	
27	Nguyễn Văn Ngọc	KTV BDN	12 tháng	01/10/2020	9123817276	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Ngọc- 217630584-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371856398	
28	Phan Tuấn Anh	Tổ trưởng Tổ CS xe	12 tháng	01/12/2020	9123143975	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Phan Tuấn Anh- 0842133919-Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Kiên Giang	371120316	
29	Trần Hàn Lâm	KTV Làm đẹp xe	12 tháng	01/08/2021	9122181414	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Trần Hàn Lâm- 209628279-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371969023	
30	Lê Quốc Anh	KTV Làm đẹp xe	12 tháng	01/04/2021	9121686695	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Lê Quốc Anh- 237155677-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371912156	

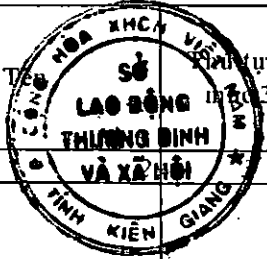


31	Phạm Hữu Quý	Tổ trưởng SCC	36 tháng	01/01/2019	9122450998	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Phạm Hữu Quý-151832768-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	371632365	
32	Hoàng Hùng Dũng	KTV SCC	12 tháng	01/05/2021	9321492944	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Hoàng Hùng Dũng-181675152-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	363851118	
33	Dương Bá Hoàn	KTV SCC	12 tháng	01/06/2021	9122287766	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Dương Bá Hoàn-166201241-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371797850	
34	Phạm Thị Yến Linh	Lễ tân dịch vụ	12 tháng	01/05/2021	9122942294	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Yến Linh-209629337-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371875587	
35	Lê Hoàng Ân	Option	12 tháng	01/11/2020	9122045051	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Lê Hoàng Ân-188314325-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371717155	
36	Đặng Hữu Trí	Option	12 tháng	01/08/2021	9320866180	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Đặng Hữu Trí-209631048-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	363877073	
37	Trần Giá	Thủ kho Phụ tùng	12 tháng	01/08/2021	8724120220	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Trần Giá-181675071-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	341662250	
38	Dương Thị Thu Nga	Nhân viên Bảo hiểm	12 tháng	01/08/2021	9122991259	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Dương Thị Thu Nga-217630541-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371764430	

39	Nguyễn Trung Tĩnh	Tổ trưởng tổ đồng	Không xác định	01/12/2020	9216016833	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Trung Tĩnh- 151832857-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	331666785	
40	Nguyễn Ngọc Thương	KTV đồng	36 tháng	01/05/2019	8622116601	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Thương- 151832897-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	331804221	
41	Mai Đình Dư	KTV đồng	Không xác định	01/12/2020	9123706425	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Mai Đình Dư- 209629388-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371858660	
42	Nguyễn Hải Bằng	Tổ trưởng tổ sơn	Không xác định	17/05/2021	9216025518	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Hải Bằng- 151833004-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	092095000838	
43	Danh Vũ	Tổ trưởng tổ nền	36 tháng	01/11/2019	9122253813	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Danh Vũ-163508998- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371778947	
44	Đặng Quốc Duy	KTV sơn	12 tháng	01/08/2021	9122485694	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Đặng Quốc Duy- 181648422-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371751009	
45	Lê Tấn Khang	KTV sơn	12 tháng	01/08/2021	9116003025	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Lê Tấn Khang- 181648414-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371829902	
46	Võ Duy Khánh	KTV sơn	12 tháng	01/08/2021	9123800390	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Võ Duy Khánh- 209629364-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371815386	

47	Lê Thanh Phú	Kế toán	12 tháng	01/02/2021	9122481326	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Lê Thanh Phú- 237155831-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371869400	
48	Nguyễn Thị Nguyên	Quyền Kế toán trưởng	12 tháng	09/04/2021	7908180040	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Nguyên - 7199868868868-Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Kiên Giang	372121428	
49	Chiêm Mỹ Huyền	Kế toán tổng hợp	36 tháng	01/10/2020	9116016858	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Chiêm Mỹ Huyền- 151833187-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371693924	
50	Nguyễn Thị Tây Thi	Nhân viên Kế toán	36 tháng	01/02/2021	9121717470	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tây Thi- 151833195-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371739995	
51	Đặng Thị Trúc Lợi	Nhân viên Kế toán	24 tháng	01/06/2021	9121736508	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Đặng Thị Trúc Lợi- 217630614-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371779945	
52	Lê Ngọc Thảo	Nhân viên Kế toán	12 tháng	01/12/2020	9111007293	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Lê Ngọc Thảo- 0949412941-Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Kiên Giang	371229611	
53	Võ Thị Thu Cúc	Nhân viên Kế toán	12 tháng	01/05/2021	7214017139	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Võ Thị Thu Cúc- 0902445268-Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Kiên Giang	372020552	
54	Thị Thảo Nguyên	Nhân viên CSKH	12 tháng	01/01/2021	9122626720	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Thị Thảo Nguyên- 167750869-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371707729	

55	Đỗ Kim Ngọc	Nhân viên CSKH	12 tháng	01/08/2021	9121757740	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Đỗ Kim Ngọc- 188314668-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371548678	
56	Đặng Thái Át	IT - MKT	36 tháng	01/11/2019	8912008935	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Đặng Thái Át- 166201195-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	351704931	
57	Châu Ngọc Cẩm	Phó phòng HCNS	36 tháng	01/05/2020	9122373343	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Châu Ngọc Cẩm- 181648368-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371672226	
58	Thị Út	Nhân viên HCNS	Không xác định	01/06/2020	9123395641	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Thị Út-167750842- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371804296	
59	Văn Thị Mỹ	Nhân viên HCNS	36 tháng	01/06/2021	9122740031	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Văn Thị Mỹ- 181675136-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371945372	
60	Lưu Vũ Thành	Tài xế	36 tháng	01/12/2019	9123474538	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Lưu Vũ Thành- 166201028-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371166154	
61	Mã Hồng Huệ	Nhân viên tạp vụ	Không xác định	01/07/2021	9121793315	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Mã Hồng Huệ- 188312756-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	370994687	
62	Võ Thị Lụa	Nhân viên tạp vụ	12 tháng	01/07/2021	5306001795	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	Võ Thị Lụa- 217630557-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	370831055	
3.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							15.000.000			



Stt	Họ và Tên người lao động	Số hồ sơ tại Trung tâm	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	Võ Thị Trúc Lan	1	Trần Phúc Huy	10/11/2016	Trần Văn Tính	094087000132	1.000.000	Võ Thị Trúc Lan-237155785-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	331548299	
2	Lê Thị Thùy Trang	9	Nguyễn Hoàng Thiện Nhân	01/08/2020	Nguyễn Hoàng Nam	371348929	1.000.000	Lê Thị Thùy Trang-166201152-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	362468895	
3	Huỳnh Minh Hưởng	15	Huỳnh Mai Cát Tường	09/09/2020	Mai Thị Như Ý	371781793	1.000.000	Huỳnh Minh Hưởng-0918641105-Ngân hàng TMCP Quân Đội-CN Kiên Giang	371763642	
4	Danh Mến	21	Danh Minh Đức	24/01/2020	Thị Hồng Trâm	371558785	1.000.000	Danh Mến-181648872-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371349942	
5	Trịnh Quốc Đạt	24	Trịnh An Nhiên	02/01/2019	Thị Phương Dung	371698290	1.000.000	Trịnh Quốc Đạt-166201233-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	371707827	
6	Trần văn Ôn	25	Trần Nguyễn Bích Nghi	17/03/2020	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	371778999	1.000.000	Trần văn Ôn-166201217-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Cần Thơ	371725938	
7	Mai Đình Dư	41	Mai Nguyễn Hoàng Dinh	03/03/2017	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	371249166	1.000.000	Mai Đình Dư-209629388-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371858660	

8	Chiêm Mỹ Huyền	49	Nguyễn Quang Tường Quân	14/01/2021	Nguyễn Quang Trung	362265258	1.000.000	Chiêm Mỹ Huyền- 151833187-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371693924	
9	Nguyễn Thị Tây Thi	50	Đào Trọng Hải	15/08/2019	Đào Trọng Hiếu	371314332	1.000.000	Nguyễn Thị Tây Thi- 151833195-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371739995	
10	Nguyễn Thị Tây Thi	50	Đào Trọng Huy	25/03/2021	Đào Trọng Hiếu	371314332	1.000.000	Nguyễn Thị Tây Thi- 151833195-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371739995	
11	Lê Ngọc Thảo	52	Nguyễn Lê Minh Trí	11/08/2017	Nguyễn Văn Tú	370991500	1.000.000	Lê Ngọc Thảo- 0949412941-Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Kiên Giang	371229611	
12	Võ Thị Thu Cúc	53	Danh Võ Thanh Toàn	24/05/2016	Danh Thanh Tuấn	371230015	1.000.000	Võ Thị Thu Cúc- 0902445268-Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Kiên Giang	372020552	
13	Võ Thị Thu Cúc	53	Danh Võ Thanh Tuyền	08/02/2020	Danh Thanh Tuấn	371230015	1.000.000	Võ Thị Thu Cúc- 0902445268-Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Kiên Giang		
14	Đặng Thái Ất	56	Đặng Nguyễn Trung Kiên	08/02/2019	Nguyễn Kim Chi	372125769	1.000.000	Đặng Thái Ất- 166201195-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	351704931	
15	Lưu Vũ Thành	60	Lưu Trường Giang	12/09/2016	Vũ Thị Hoài Thương	371493002	1.000.000	Lưu Vũ Thành- 166201028-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-CN Kiên Giang	371166154	
IV	CÔNG TY TNHH SX TMDV CƠ ĐIỆN LẠNH ĐÔNG LÂM						5.710.000			

4.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							3.710.000			
Stt	Họ và Tên	Đơn vị (Ban, phòng, xưởng, nhóm việc)	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Võ Thị Kim Thoa	Kế toán	Không thời hạn	01/6/2020	5307006530	10/7/2021	Từ 10/7/2021 đến hết 10/8/2021	3.710.000	Võ Thị Kim Thoa - 0091000508000 Ngân hàng Vietcombank Kiên Giang	321034326	
4.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							2.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 4.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Võ Thị Kim Thoa	1	Nguyễn Võ Thủy Lâm	15/8/2019	Nguyễn Văn Đông	371628181	1.000.000	Võ Thị Kim Thoa - 0091000508000 Ngân hàng Vietcombank Kiên Giang	321034326		
2	Võ Thị Kim Thoa	1	Nguyễn Võ Đông Lâm	17/8/2021	Nguyễn Văn Đông	371628182	1.000.000	Võ Thị Kim Thoa - 0091000508000 Ngân hàng Vietcombank Kiên Giang	321034326		
V	DNTN HUỆ KHẢ DUYÊN							53.230.000			
5.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							48.230.000			

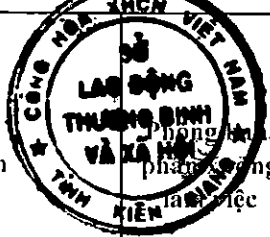
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Nam	Văn phòng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9114011176	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Nam . TK : 0091000580345 . Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Rạch Sỏi	371246485	
2	Hứa Văn Chôi	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9123664878	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Hứa Văn Chôi. TK : 7709205093748. Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank)	370983400	
3	Lâm Sơn Hải	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9108009504	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Lâm Sơn Hải . TK : 070124265000 . Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín (Sacombank)	370887324	
4	Lê Hoài Ân	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9122973498	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Lê Hoài Ân . TK : 7703236311116 . Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank)	371389147	
5	Lê Thị Bé Ngoan	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9114011179	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Bé Ngoan. TK : 22345563 . Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long Chi nhánh Rạch Giá - Phòng Giao dịch Bến Nhứt	371586715	
6	Nguyễn Văn Giang	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9108009509	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Giang . TK : 0701255911114. Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín (Sacombank)	371072170	



7	Nguyễn Văn Hiệp	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9124063905	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hiệp. TK : 070100774273 . Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín (Sacombank)	371774268	
8	Nguyễn Văn Tí	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9121740421	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tí. TK : 103868820543. Ngân hàng công thương (Viettinbank)	371557210	
9	Tôn Thị Quyên	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9122937514	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	DNTN HUỆ KHẢ DUYÊN . TK 0091000655328 . Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Rạch Sỏi	371224065	
10	Trần Thế Nguyên	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9123525075	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Trần Thế Nguyên. TK : 070112019101. Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín (Sacombank)	371823973	
11	Trần Thị Chi	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9108009505	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	DNTN HUỆ KHẢ DUYÊN . TK 0091000655328 . Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Rạch Sỏi	371371063	
12	Trần Thị Thảo	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9123326349	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thảo. TK : 0091000548613. Ngân hàng ngoại thương (Vietcombank)	371227385	
13	Trần Văn Phiến	Phân xưởng	Không xác định thời hạn	01/09/2019	9114011177	01/09/2021	01/09/2021-30/09/2021	3.710.000	Trần Văn Phiến . TK : 070101861439 . Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín (Sacombank)	371439389	
5.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							5.000.000			

Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 5.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lê Hoài Ân	4	Lê Nguyễn An Phước	07/02/2017	Nguyễn Lam Ngọc	371162487	1.000.000	Lê Hoài Ân . TK : 7703236311116 . Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank)	371389147	
2	Lê Thị Bé Ngoan	5	Đào Lê Bảo Vy	04/02/2016	Đào Tiến Đạt	371299957	1.000.000	Lê Thị Bé Ngoan. TK : 22345563 . Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long Chi nhánh Rạch Giá - Phòng Giao dịch Bến Nhứt	371586715	
3	Trần Thị Thảo	12	Nguyễn Ngọc Ánh Duyên	05/05/2017	Nguyễn Hùng Hậu	371399501	1.000.000	Trần Thị Thảo. TK : 0091000548613. Ngân hàng ngoại thương (Vietcombank)	371227385	
4	Trần Văn Phiến	13	Trần Đặng Nhã Uyên	28/10/2016	Đặng Thị Lộc Kim	371539937	1.000.000	Trần Văn Phiến . TK : 070101861439 . Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín (Sacombank)	371439389	
5	Trần Văn Phiến	13	Trần Đặng Quốc Thái	21/04/2020	Đặng Thị Lộc Kim	371539937	1.000.000	Trần Văn Phiến . TK : 070101861439 . Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín (Sacombank)	371439389	
VI	CÔNG TY TNHH NÔNG THỦY HẢI SẢN KIM NGỌC						8.420.000			
6.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						7.420.000			



											
Stt	Họ và Tên	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
1	Trần Văn Giác	Quản lý	Không xác định thời hạn	02/2014	9114006811	18/7/2021	18/7/2021-29/09/2021	3.710.000	Trần Văn Giác, STK: 060093646099 Sacombank quận 8	371296858	
2	Nguyễn Thị Phăng	Kế toán	Không xác định thời hạn	08/2016	9116013062	18/7/2021	18/7/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Phăng, STK: 070039757931 Sacombank CN Kiên Giang	371243821	
6.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						1.000.000				
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 6.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	Nguyễn Thị Phăng	3	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	08/4/2017	Nguyễn Văn Tuấn	371248155	1.000.000	Nguyễn Thị Phăng, STK: 070039757931 Sacombank CN Kiên Giang	371243821		
VII	CÔNG TY TNHH MTV NGUYỄN THUẬN						16.840.000				
7.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						14.840.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú

1	Nguyễn Kim Ngon	Kế toán	Không xác định thời hạn	01/2020	9122813987	19/7/2021	19/7/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Ngon, STK: 8615097 ACBBank CN KG	371269833	
2	Lý Hữu Nhân	Kế toán thuế	Không xác định thời hạn	01/2020	9122886059	19/7/2021	19/7/2021-29/09/2021	3.710.000	Lý Hữu Nhân, STK: 770020529494 Agribank CN KG	371922346	
3	Ngô Thanh Đăng	TP Kinh doanh	Không xác định thời hạn	01/2018	9113006782	19/7/2021	19/7/2021-29/09/2021	3.710.000	Ngô Thanh Đăng, STK: 070085564488 Sacombank CN KG	371265360	
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	NV Kinh doanh	Không xác định thời hạn	01/2018	7414193397	19/7/2021	19/7/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hồng Nhung, STK: 7700205275792 Agribank CN KG	371535238	
7.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							1.000.000			
Stt	Họ và tên			Thứ tự tại mục 7.1			Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú	
1	Nguyễn Thị Hồng Nhung			5			1.000.000	Nguyễn Thị Hồng Nhung, STK: 7705205275792 Agribank CN KG	371535238		
7.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 7.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Nguyễn Kim Ngon	02	Nguyễn Cơ Minh	19/12/2020	Nguyễn Quốc Thuận	371879149	1.000.000	Nguyễn Kim Ngon, STK: 8615097 ACBBank CN KG	371269833		
VIII	CÔNG TY TNHH THUỶ SẢN AOKI							729.755.000			
8.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							706.755.000			

Stt	Họ và tên	Phòng ban, Vị trí công việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trần Đàm Minh Tâm	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2020	5301002557	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Trần Đàm Minh Tâm,101005516909,VietinBank CN Kiên Giang	370632646	
2	Mai Thanh Hồ	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011512	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Mai Thanh Hồ,0071003548935,V CB CN Sông Thần	371193571	
3	Nguyễn Vi Tân	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2019	9116000142	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Vi Tân,0091000672701,V CB CN Kiên Giang	371726988	
4	Huỳnh Thị Ái Di	Sản xuất	Dài hạn	1/12/2018	9116003619	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Ái Di,0091000635213,V CB CN Kiên Giang	371653709	
5	Phan Thanh Tân	Sản xuất	Dài hạn	1/4/2020	9122374708	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Phan Thanh Tân,245719119,ACB CN Kiên Giang	371829026	
6	Trần Văn Mến	Sản xuất	Dài hạn	1/4/2020	9122637058	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Trần Văn Mến,0091000677041, VCB CN Kiên Giang	371793177	
7	Lương Thị Ngà	Sản xuất	Dài hạn	1/10/2019	9123484450	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lương Thị Ngà,0091000672665, VCB CN Kiên Giang	371727382	
8	Nguyễn Đức Vũ	Văn phòng	Dài hạn	1/11/2020	8014051361	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Đức Vũ,1017726249,VCB CN Kiên Giang	361905567	
9	Trang Văn Suối	Văn phòng	Dài hạn	1/11/2014	9114011518	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Trang Văn Suối,0091000589628, VCB CN Kiên Giang	370575783	
10	Nguyễn Thị Đo	Văn phòng	Dài hạn	1/8/2019	9122407759	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Đo,0091000670386,V CB CN Kiên Giang	371001948	

11	Nguyễn Văn Ngà	Sản xuất	Dài hạn	1/1/2015	5307002670	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Ngà,0091000576113, VCB CN Kiên Giang	370798975	
12	Đinh Hữu Sương	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	5397003327	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Đinh Hữu Sương,0091000582155, VCB CN Kiên Giang	370420820	
13	Nguyễn Lê Quốc Khang	Sản xuất	Dài hạn	1/5/2017	5803002765	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Lê Quốc Khang,0091000576103, VCB CN Kiên Giang	371877176	
14	Thái Tấn Hiền	Sản xuất	Dài hạn	1/6/2016	9108010658	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Thái Tấn Hiền,0091000318536, VCB CN Kiên Giang	371029877	
15	Nguyễn Trung Thịnh	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011530	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Trung Thịnh,0091000589629, VCB CN Kiên Giang	370800748	
16	Thạch Mai Hoàng Tuấn	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011534	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Thạch Mai Hoàng Tuấn,0091000590454, VCB CN Kiên Giang	371139258	
17	Huỳnh Phú Sinh	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011801	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Phú Sinh,0091000589632, VCB CN Kiên Giang	371367192	
18	La Tùng Duy	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011802	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	La Tùng Duy,0091000122552, VCB CN Kiên Giang	371071063	
19	Danh Hia	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2015	5305003583	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Danh Hia,0091000588780, VCB CN Kiên Giang	370850587	
20	Đào Bá Thịnh	Sản xuất	Dài hạn	1/12/2015	5397003636	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Đào Bá Thịnh,0091000111668, VCB CN Kiên Giang	371228948	
21	Trương Văn Họn	Sản xuất	Dài hạn	1/4/2020	9111012820	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Trương Văn Họn,0091000679311, VCB CN Kiên Giang	371078031	
22	Lê Thị Việt Thanh	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9113006520	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Việt Thanh,0091000277313, VCB CN Kiên Giang	371483555	

23	Nguyễn Văn Lệnh	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011509	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Lệnh,0091000589615, VCB CN Kiên Giang	371304863	
24	Trần Thị Sinh	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011511	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Thị Sinh,0091000656004, VCB CN Kiên Giang	371641849	
25	Trần Phước Thịnh	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011540	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Phước Thịnh,0091000587402, VCB CN Kiên Giang	371616786	
26	Nguyễn Kim Tuyền	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011563	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Tuyền,0091000655994, VCB CN Kiên Giang	370745079	
27	Trần Thị Kim Thùy	Sản xuất	Dài hạn	1/11/2014	9114011595	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Thị Kim Thùy,0091000655997, VCB CN Kiên Giang	370501845	
28	Nguyễn Phương Thủy	Sản xuất	Dài hạn	1/9/2015	9115013106	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Phương Thủy,0091000622775, VCB CN Kiên Giang	371469739	
29	Nguyễn Thị Diễm Trang	Sản xuất	Dài hạn	1/9/2015	9115013107	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Diễm Trang,0091000656044, VCB CN Kiên Giang	371226330	
30	Nguyễn Thị Bé Tư	Sản xuất	Dài hạn	1/9/2015	9115013120	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bé Tư,0091000609649, VCB CN Kiên Giang	371739874	
31	Lê Thị Hằng	Sản xuất	Dài hạn	1/6/2016	9116006997	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Hằng,0091000655860, VCB CN Kiên Giang	370769811	
32	Huỳnh Thị Thu Mai	Sản xuất	Dài hạn	1/8/2016	9116007075	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Thu Mai,0091000656247, VCB CN Kiên Giang	371016400	
33	Lê Thị Diễm Hương	Sản xuất	Dài hạn	1/8/2018	9122397184	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Diễm Hương,0091000655962, VCB CN Kiên Giang	371717452	
34	Giảng Thị Ngân	Sản xuất	Dài hạn	1/4/2020	9122987576	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Giảng Thị Ngân,0091000679287, VCB CN Kiên Giang	366253077	

35	Cao Kim Liễu	Văn phòng	Dài hạn	1/11/2014	5301002485	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Cao Kim Liễu,0091000589623, VCB CN Kiên Giang	365028466	
36	Nguyễn Quốc Nhân	Bảo quản	Dài hạn	1/5/2016	9114007081	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Nhân,0091000656017, VCB CN Kiên Giang	301269605	
37	Nguyễn Hồng Anh	Bảo quản	Dài hạn	1/1/2015	9115006738	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Hồng Anh,0091000656107, VCB CN Kiên Giang	371529272	
38	Nguyễn Văn Ba	Bảo quản	Dài hạn	1/3/2016	9116006811	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Ba,0091000656544,V CB CN Kiên Giang	370786036	
39	Võ Văn Bé	Bảo quản	Dài hạn	1/4/2016	9116006886	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Võ Văn Bé,0091000656368,V CB CN Kiên Giang	371123354	
40	Lê Văn Hoi	Bảo quản	Dài hạn	1/5/2016	9116006935	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Văn Hoi,0091000656055,V CB CN Kiên Giang	370625493	
41	Lê Văn Ớ	Bảo quản	Dài hạn	1/5/2016	9116006940	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Văn Ớ,0091000656019,VC B CN Kiên Giang	371364005	
42	Nguyễn Văn Điện	Bảo quản	Dài hạn	1/9/2016	9116007119	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Điện,0091000656536, VCB CN Kiên Giang	371395119	
43	Nguyễn Ngọc Linh	Bảo quản	Dài hạn	1/3/2017	9116017839	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Linh,0091000656022, VCB CN Kiên Giang	370323848	
44	Tạ Lê Minh Kiên	Bảo quản	Dài hạn	1/3/2017	9116017840	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Tạ Lê Minh Kiên,0091000656060, VCB CN Kiên Giang	371370529	
45	Lê Minh An	Bảo quản	Dài hạn	1/3/2017	9116017841	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Minh An,0091000656539,V CB CN Kiên Giang	370928027	
46	Trần Hải Phong	Bảo quản	Dài hạn	1/3/2017	9116017842	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Trần Hải Phong,0091000656443 ,VCB CN Kiên Giang	370807404	
47	Trương Nhật Di	Bảo quản	Dài hạn	1/4/2017	9116017920	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Trương Nhật Di,0091000656538,V CB CN Kiên Giang	371757021	

48	Khuru Văn Tấn	Bảo quản	Dài hạn	1/4/2017	9116017921	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Khuru Văn Tấn, 0091000656063, VCB CN Kiên Giang	371309399	
49	Nguyễn Chí Linh	Bảo quản	Dài hạn	1/7/2017	9116019042	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Chí Linh, 0091000656056, VCB CN Kiên Giang	351995798	
50	Danh Muội	Bảo quản	Dài hạn	1/7/2017	9116019058	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Muội, 0091000656535, VCB CN Kiên Giang	371724024	
51	Lương Văn Dũng	Bảo quản	Dài hạn	1/8/2017	9116024174	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lương Văn Dũng, 0091000656010, VCB CN Kiên Giang	371101190	
52	Đỗ Văn Cường	Bảo quản	Dài hạn	1/6/2020	9122194024	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Đỗ Văn Cường, 0091000684648, VCB CN Kiên Giang	370869778	
53	Dương Thành Đăng	Bảo quản	Dài hạn	1/12/2020	9122289689	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Dương Thành Đăng, 0091000629664, VCB CN Kiên Giang	371799062	
54	Nguyễn Văn Phấn	Bảo quản	Dài hạn	1/5/2019	9123569667	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Phấn, 0091000663627, VCB CN Kiên Giang	370844190	
55	Trần Thanh Sang	Bảo quản	Dài hạn	1/7/2017	9110002889	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Thanh Sang, 0091000656012, VCB CN Kiên Giang	370882252	
56	Đỗ Trọng Hải	Bảo quản	Dài hạn	1/3/2016	9116006808	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Đỗ Trọng Hải, 0091000656047, VCB CN Kiên Giang	150935385	
57	Nguyễn Văn Mão	Bảo quản	Dài hạn	1/3/2016	9116006812	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Mão, 0091000656106, VCB CN Kiên Giang	371302621	
58	Mai Văn Hai	Bảo quản	Dài hạn	1/4/2016	9116006895	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Mai Văn Hai, 0091000656011, VCB CN Kiên Giang	370737307	
59	Nguyễn Ủi Hết	Bảo quản	Dài hạn	1/4/2016	9116006897	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Ủi Hết, 0091000656005, VCB CN Kiên Giang	370859386	
60	Huỳnh Văn Chiễn	Bảo quản	Dài hạn	1/5/2016	9116006938	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Chiễn, 0091000656532, VCB CN Kiên Giang	371302054	

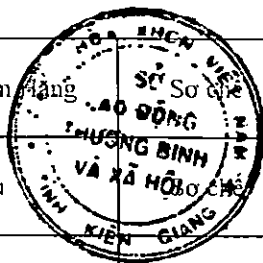
61	Nguyễn Hoàng Trung	Bảo quản	Dài hạn	1/5/2016	9116006944	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Trung, 0091000656049, VCB CN Kiên Giang	370905745	
62	Lê Thanh Tùng	Bảo quản	Dài hạn	1/5/2016	9116006945	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thanh Tùng, 0091000656053, VCB CN Kiên Giang	370597992	
63	Huỳnh Văn Nhã	Bảo quản	Dài hạn	1/3/2017	9116017843	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Nhã, 0091000656051, VCB CN Kiên Giang	371809433	
64	Trương Minh	Bảo quản	Dài hạn	1/11/2017	9122147771	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trương Minh, 0091000656013, VCB CN Kiên Giang	371392763	
65	Trương Văn Lâm	Bảo quản	Dài hạn	1/11/2017	9122198978	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trương Văn Lâm, 0091000656015, VCB CN Kiên Giang	371034027	
66	Danh Tấn	Bảo quản	Dài hạn	1/12/2018	9122250746	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Tấn, 0091000661303, VCB CN Kiên Giang	370951440	
67	Danh Minh	Bảo quản	Dài hạn	1/6/2020	9122306517	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Minh, 75010000490680, BIDV CN Kiên Giang	371918843	
68	Dương Thành Quang	Bảo quản	Dài hạn	1/6/2020	9122333309	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Dương Thành Quang, 0091000638113, VCB CN Kiên Giang	371756947	
69	Danh Hương	Bảo quản	Dài hạn	1/11/2017	9122350403	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Hương, 0091000656014, VCB CN Kiên Giang	371506457	
70	Trần Thương	Bảo quản	Dài hạn	1/11/2019	9122351139	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Thương, 0091000673728, VCB CN Kiên Giang	370806475	
71	Tổng Hoà Kháng	Bảo quản	Dài hạn	1/11/2017	9123449946	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Tổng Hoà Kháng, 0091000656490, VCB CN Kiên Giang	371123383	
72	Nguyễn Văn Lâm	surimi	Dài hạn	1/9/2017	8923582692	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Lâm, 0091000656006, VCB CN Kiên Giang	352382355	

73	Phạm Minh Kiệt	surimi	Dài hạn	1/3/2017	9114006976	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Phạm Minh Kiệt,0091000656073, VCB CN Kiên Giang	371445932	
74	Huỳnh Thị Loan	surimi	Dài hạn	1/11/2014	9114011527	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Cẩm Loan,0091000590448, VCB CN Kiên Giang	371263534	
75	Lê Thành Tánh	surimi	Dài hạn	1/1/2015	9115006746	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thành Tánh,1018802986,VC B CN Kiên Giang	371257593	
76	Lê Văn Lượm	surimi	Dài hạn	1/2/2015	9115006802	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Văn Lượm,0091000656036 ,VCB CN Kiên Giang	273124189	
77	Cao Văn Hiền	surimi	Dài hạn	1/5/2016	9116006941	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Cao Văn Hiền,0091000656048, VCB CN Kiên Giang	371855208	
78	Danh Xác	surimi	Dài hạn	1/12/2016	9116014798	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Xác,0091000656091,V CB CN Kiên Giang	371209166	
79	Nguyễn Hữu Vẹn	surimi	Dài hạn	1/6/2020	9122121289	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Hữu Vẹn,0091000684394, VCB CN Kiên Giang	371758813	
80	Nguyễn Văn Vàng	surimi	Dài hạn	1/4/2021	9122346477	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Vàng,0091000683406, VCB CN Kiên Giang	371546499	
81	Nguyễn Hữu Phước	surimi	Dài hạn	1/1/2019	9122532325	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Hữu Phước,0091000659885 ,VCB CN Kiên Giang	371719320	
82	Thị Bích Diễm	surimi	Dài hạn	1/10/2020	9123192005	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Thị Bích Diễm,1013548732,VC B CN Kiên Giang	371569548	
83	Huỳnh Văn Khanh	surimi	Dài hạn	1/10/2020	9123255393	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Khanh,1012859950,V CB CN Kiên Giang	371295604	
84	Lâm Văn Trường	surimi	Dài hạn	1/10/2020	9123575365	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lâm Văn Trường,1013569849,V CB CN Kiên Giang	371954788	
85	Trương Hoài Anh	surimi	Dài hạn	1/10/2019	9124175171	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trương Hoài Anh,0091000670323, VCB CN Kiên Giang	371063265	

86	Phạm Văn Vê	cấp đông	Dài hạn	1/10/2020	7916394345	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Phạm Văn Vê, 070109551412, sac ombank-CN RACH SỞI	371593232	
87	Nguyễn Văn Kiêm	cấp đông	Dài hạn	1/11/2014	9114011535	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Kiêm, 0091000643359, VCB CN Kiên Giang	371053683	
88	Đinh Quang Hường	cấp đông	Dài hạn	1/11/2014	9114011537	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Đinh Quang Hường, 009100065609 4, VCB CN Kiên Giang	370510914	
89	Lê Văn Sang	cấp đông	Dài hạn	1/11/2014	9114011555	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Văn Sang, 0091000656550, VCB CN Kiên Giang	371207985	
90	Lê Hoàng Phúc	cấp đông	Dài hạn	1/5/2015	9115006984	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Hoàng Phúc, 0091000656086, VCB CN Kiên Giang	371818544	
91	Danh Thanh Tuấn	cấp đông	Dài hạn	1/11/2015	9115014142	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Danh Thanh Tuấn, 0091000656080, VCB CN Kiên Giang	371607319	
92	Danh Toàn	cấp đông	Dài hạn	1/3/2016	9116006807	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Danh Toàn, 0091000656088, VCB CN Kiên Giang	371796456	
93	Võ Quốc Thống	cấp đông	Dài hạn	1/7/2017	9116019061	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Võ Quốc Thống, 0091000656082, VCB CN Kiên Giang	371209885	
94	Danh Rich	cấp đông	Dài hạn	1/9/2018	9121668393	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Danh Rich, 0091000656097, VCB CN Kiên Giang	371566558	
95	Trần Văn Hoàng	cấp đông	Dài hạn	1/12/2018	9122257994	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Trần Văn Hoàng, 009100066247 2, VCB CN Kiên Giang	371226351	
96	Danh Hèo	cấp đông	Dài hạn	1/10/2020	9122341558	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Danh Hèo, 0091000603182, VCB CN Kiên Giang	371430384	
97	Nguyễn Thanh Tùng	cấp đông	Dài hạn	1/10/2017	9123319604	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Tùng, 0091000656093, VCB CN Kiên Giang	371422211	

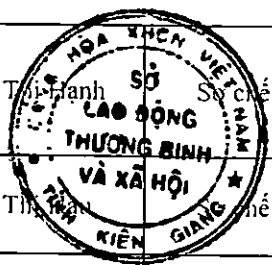
98	Danh Hoàn Na	cấp đông	Dài hạn	1/10/2017	9123319752	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Hoàn Na,0091000656105,V CB CN Kiên Giang	371104739	
99	Trần Văn Ty	cấp đông	Dài hạn	1/6/2020	9123337647	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Văn Ty,0091000684716,V CB CN Kiên Giang	371829893	
100	Lê Hoàng Hưng	cấp đông	Dài hạn	1/4/2020	9123394956	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Hoàng Hưng,0091000682084, VCB CN Kiên Giang	371794406	
101	Lê Thanh Bình	cấp đông	Dài hạn	1/10/2020	9123914593	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thanh Bình,1012792773,VC B CN Kiên Giang	371592053	
102	Đỗ Quốc Qui	cấp đông	Dài hạn	1/6/2020	9422393948	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Đỗ Quốc Qui,0091000684715,V CB CN Kiên Giang	365332553	
103	Lê Tấn Sử	cấp đông	Dài hạn	1/6/2018	5397001735	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Tấn Sử,0091000576097,V CB CN Kiên Giang	370510913	
104	Bùi Thị Dự	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2016	9116007115	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Bùi Thị Dự,0091000656223,V CB CN Kiên Giang	370936883	
105	Bùi Thị Hồng	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2016	9116006951	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Bùi Thị Hồng,0091000655807, VCB CN Kiên Giang	370202009	
106	Bùi Thị Là	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011544	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Bùi Thị Là,0091000655772,V CB CN Kiên Giang	371592600	
107	Cao Tuyết Phượng	Sơ chế	Dài hạn	1/7/2019	9122276415	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Cao Tuyết Phượng,009100066665 0,VCB CN Kiên Giang	370887112	
108	Đặng Kim Giao	Sơ chế	Dài hạn	1/4/2016	9116006893	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Đặng Kim Giao,0091000656203, VCB CN Kiên Giang	370630891	
109	Đặng Thị Kim Thịnh	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011548	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Đặng Thị Kim Thịnh,0091000655773 ,VCB CN Kiên Giang	371483195	
110	Dương Kim Cẩm	Sơ chế	Dài hạn	1/8/2016	9116007080	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Dương Kim Cẩm,0091000656480, VCB CN Kiên Giang	371093310	

111	Dương Thị Kiều	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011547	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Dương Thị Kiều,0091000656262, VCB CN Kiên Giang	371155321	
112	Dương Thị Kiều	Sơ chế	Dài hạn	1/4/2018	9123882229	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Dương Thị Kiều,0091000655871, VCB CN Kiên Giang	371401630	
113	Hồng Kim Tho	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2016	9116006952	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Hồng Kim Tho,0091000655740,V CB CN Kiên Giang	370928352	
114	Hồng Quýt	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2017	9123273298	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Hồng Quýt,0091000656437, VCB CN Kiên Giang	370751870	
115	Huỳnh Thị Gấm	Sơ chế	Dài hạn	1/8/2019	8721945172	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Gấm,050051533061,S acombank CN Bình Thuận	341549210	
116	Huỳnh Thị Thắm	Sơ chế	Dài hạn	1/8/2016	9116007077	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Thắm,0091000656655, VCB CN Kiên Giang	370887317	
117	Lê Ngọc Diệp	Sơ chế	Dài hạn	1/3/2017	9116017850	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Ngọc Diệp,0091000656244, VCB CN Kiên Giang	371641806	
118	Lê Ngọc Nhi	Sơ chế	Dài hạn	1/3/2017	9116017846	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Ngọc Nhi,0091000655887,V CB CN Kiên Giang	371834882	
119	Lê Thị Ánh Tuyết	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2020	9123356584	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Ánh Tuyết,109869843180, Vietinbank- CN Rạch Sỏi	372015793	
120	Lê Thị Bé Tám	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2016	9116006947	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Bé Tám,1013933247,VC B CN Kiên Giang	382230130	
121	Lê Thị Cẩm Tiên	Sơ chế	Dài hạn	1/4/2017	9116017927	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Cẩm Tiên,0091000656214, VCB CN Kiên Giang	371535399	
122	Lê Thị Hoàng	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2018	9123449668	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Hoàng,009100065620 8,VCB CN Kiên Giang	371940255	
123	Lê Thị Hồng Phúc	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011552	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Hồng Phúc,0091000656441, VCB CN Kiên Giang	371638587	



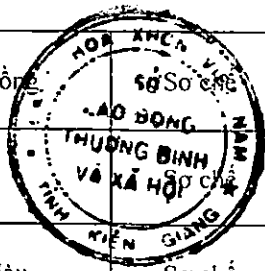
124	Lê Thị Kim Vàng	Sơ chế	Dài hạn	1/3/2017	9116017851	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Kim Vàng,0091000656217, VCB CN Kiên Giang	371641807	
125	Lê Thị Sáu		Dài hạn	1/12/2017	9122320982	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Sáu,0091000656478,V CB CN Kiên Giang	371844192	
126	Lê Thị Thu Xương	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2015	9115013103	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Thu Xương,0091000655976,VCB CN Kiên Giang	370967829	
127	Lê Thị Thủy	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2017	9122313839	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Thủy,0091000655813, VCB CN Kiên Giang	371380774	
128	Lê Thị Vàng	Sơ chế	Dài hạn	1/3/2017	9116017847	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Vàng,107870842203, Vietinbank- CN Kiên Giang- Hôi Sở	371502452	
129	Lê Văn Bích	Sơ chế	Dài hạn	1/8/2017	9116019166	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Văn Bích,0091000656433, VCB CN Kiên Giang	376504452	
130	Lương Thị Thủy	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2015	9115013104	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lương Thị Thủy,0091000655767, VCB CN Kiên Giang	371206623	
131	Lương Thị Út Điệp	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2017	9116017963	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lương Thị Út Điệp,0091000655769, VCB CN Kiên Giang	371646133	
132	Lưu Thị Sanh	Sơ chế	Dài hạn	1/3/2018	9121772797	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lưu Thị Sanh,0091000656209, VCB CN Kiên Giang	371499470	
133	Lý Thuận Giang	Sơ chế	Dài hạn	1/2/2018	9122321806	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Lý Thuận Giang,0091000655956, VCB CN Kiên Giang	371529202	
134	Mai Thanh Ngân	Sơ chế	Dài hạn	1/3/2019	9122311729	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Mai Thanh Ngân,0091000655728, VCB CN Kiên Giang	371938137	
135	Ngô Thị Cẩm Liên	Sơ chế	Dài hạn	1/8/2016	9116007078	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Ngô Thị Cẩm Liên,0091000656267, VCB CN Kiên Giang	370745449	
136	Ngô Thị Kim Xuân	Sơ chế	Dài hạn	1/6/2017	9116019029	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Ngô Thị Kim Xuân,0091000655812, VCB CN Kiên Giang	371013198	

137	Nguyễn Bích Vân	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2018	9123943056	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Bích Vân, 0091000655765, VCB CN Kiên Giang	370989137	
138	Nguyễn Kim Chung	Sơ chế	Dài hạn	1/8/2017	9116019160	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Chung, 15473183, Kiên Long Bank CN Kiên Giang	371097838	
139	Nguyễn Kim Nga	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2016	9116007196	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Nga, 0091000656034, VCB CN Kiên Giang	370861279	
140	Nguyễn Kim Thúy	Sơ chế	Dài hạn	1/1/2018	9115013105	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Thúy, 0091000656657, VCB CN Kiên Giang	371197645	
141	Nguyễn Kim Út	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2017	9116017946	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Út, 0091000656252, VCB CN Kiên Giang	351328416	
142	Nguyễn Ngọc Tư	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2020	9122267993	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Tư, 0091000683255, VCB CN Kiên Giang	371364429	
143	Nguyễn Thành Tâm	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2019	9122315475	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thành Tâm, 0091000656654, VCB CN Kiên Giang	371100314	
144	Nguyễn Thị Bé Loan	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2021	9122330473	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bé Loan, 1017470666, VCB CN Kiên Giang	371541394	
145	Nguyễn Thị Bích	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011567	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bích, 0091000662016, VCB CN Kiên Giang	371422504	
146	Nguyễn Thị Bích Dư	Sơ chế	Dài hạn	1/8/2019	9122346395	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bích Dư, 0091000663468, VCB CN Kiên Giang	371522881	
147	Nguyễn Thị Diễm My	Sơ chế	Dài hạn	1/7/2021	7411269044	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Diễm My, 65210000620464, BIDV-CN Kiên Giang	352364240	
148	Nguyễn Thị Dôi	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011569	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Dôi, 0091000656392, VCB CN Kiên Giang	371432743	
149	Nguyễn Thị Giới Em	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2017	9123449647	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Giới Em, 0091000656382, VCB CN Kiên Giang	371651403	



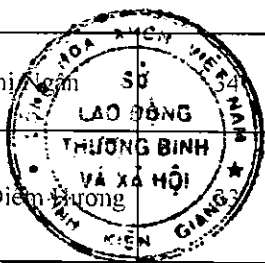
150	Nguyễn Thị Hạnh	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2020	9123827650	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hạnh, 105866824876, Vietinbank- CN Kiên Giang- Hôi Sở	371281769	
151	Nguyễn Thị Hậu	Sơ chế	Dài hạn	1/10/2016	9116007171	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hậu, 0091000656264, VCB CN Kiên Giang	371303366	
152	Nguyễn Thị Kim Út	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011573	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Út, 0091000656045, VCB CN Kiên Giang	371814203	
153	Nguyễn Thị Linh	Sơ chế	Dài hạn	1/4/2016	9116006898	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Linh, 0091000656633, VCB CN Kiên Giang	371017109	
154	Nguyễn Thị Luận	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2019	9122185022	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Luận, 0091000663409, VCB CN Kiên Giang	370636595	
155	Nguyễn Thị Lượm	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011574	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Lượm, 0091000655934, VCB CN Kiên Giang	371303067	
156	Nguyễn Thị Mạnh	Sơ chế	Dài hạn	1/4/2018	9122749449	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mạnh, 0091000656530, VCB CN Kiên Giang	370507460	
157	Nguyễn Thị Mạnh	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2017	9123570126	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mạnh, 0091000655872, VCB CN Kiên Giang	371055216	
158	Nguyễn Thị Mỹ	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2020	9124050671	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ, 1012842068, VCB CN Kiên Giang	372008415	
159	Nguyễn Thị Phương	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011576	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Phương, 0091000656231, VCB CN Kiên Giang	371324367	
160	Nguyễn Thị The	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011577	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị The, 0091000656210, VCB CN Kiên Giang	371529244	
161	Nguyễn Thị Trâm	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011579	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Trâm, 070038724272, s acombank-CN RACH SỎI	370738924	

162	Nguyễn Thị Tươi	Sơ chế	Dài hạn	1/10/2016	7414189376	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tươi, 0091000655768, VCB CN Kiên Giang	371303354	
163	Nguyễn Thị Út Lớn	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2015	9115013111	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Út Lớn, 1018805783, VCB CN Kiên Giang	371524624	
164	Nguyễn Thị Vàng	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2017	8924662537	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Vàng, 0091000655809, VCB CN Kiên Giang	351365936	
165	Nguyễn Thị Xương Mai	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2015	9115013112	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Xương Mai, 0091000655781, VCB CN Kiên Giang	371227727	
166	Nguyễn Văn Tho	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2018	9122269886	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tho, 0091000661068, VCB CN Kiên Giang	371187386	
167	Nguyễn Văn Thơm	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2015	9115013113	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thơm, 0091000656431, VCB CN Kiên Giang	370855714	
168	Phạm Mỹ Hoa	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2016	9116007195	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Phạm Mỹ Hoa, 0091000670398, VCB CN Kiên Giang	371273068	
169	Phạm Thị Phương	Sơ chế	Dài hạn	1/4/2018	9122332610	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Phạm Thị Phương, 0091000655941, VCB CN Kiên Giang	370989047	
170	Phạm Thị Thanh Xuân	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2016	9116007197	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Phạm Thị Thanh Xuân, 0091000656234, VCB CN Kiên Giang	371454397	
171	Phan Thị Nhiều	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011586	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Phan Thị Nhiều, 0091000655855, VCB CN Kiên Giang	371390866	
172	Phan Thị Thắm Bông	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2020	9123623395	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Phan Thị Thắm Bông, 107870605547, Vietinbank- CN Rạch Sỏi	371252250	
173	Phan Thị Thêm	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011589	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Phan Thị Thêm, 0091000656531, VCB CN Kiên Giang	370825800	
174	Phan Thị Thơm	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2019	9122113357	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Phan Thị Thơm, 0091000663432, VCB CN Kiên Giang	371252251	



175	Thị Cẩm Hồng	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2020	9122273316	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Thị Cẩm Hồng,0091000672219, VCB CN Kiên Giang	370780043	
176	Thị Huỳnh		Dài hạn	1/9/2015	9115013116	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Thị Huỳnh,0091000656204, VCB CN Kiên Giang	370906657	
177	Thị Kim Giàu	Sơ chế	Dài hạn	1/4/2018	9122368933	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Thị Kim Giàu,0091000656220, VCB CN Kiên Giang	371529746	
178	Thị Sâm Bô	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2015	9115013117	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Thị Sâm Bô,0091000655818,V CB CN Kiên Giang	371390553	
179	Thị Sinh	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2015	9115013118	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Thị Sinh,0091000656206,VCB CN Kiên Giang	370751947	
180	Thị Xương	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2016	9116007194	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Thị Xương,0091000656221,VCB CN Kiên Giang	370936681	
181	Trần Thị Mỹ Linh	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2020	9123416205	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Thị Mỹ Linh,0091000681290, VCB CN Kiên Giang	371229115	
182	Trần Thị Tám	Sơ chế	Dài hạn	1/7/2017	9116019063	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Thị Tám,0091000656213, VCB CN Kiên Giang	370793467	
183	Trần Thị Thắng	Sơ chế	Dài hạn	1/9/2015	9115013119	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Thị Thắng,0091000656524,VCB CN Kiên Giang	371103043	
184	Trần Thị Xuân	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011598	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Thị Xuân,0091000656410, VCB CN Kiên Giang	371472133	
185	Trương Thị Kiều	Sơ chế	Dài hạn	1/11/2014	9114011599	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trương Thị Kiều,0091000656245, VCB CN Kiên Giang	370780140	
186	Trương Thị Mến	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2020	9122197592	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Trương Thị Mến,0281001471425, VCB CN Bắc Bình Dương	370917284	
187	Võ Thị Bền	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2017	9116017956	19/7/2021	19/7/2021-20/9/2021	3.710.000	Võ Thị Bền,0091000655811,V CB CN Kiên Giang	371033506	

188	Vô Thị Kim Ngân	Sơ chế	Dài hạn	1/12/2020	9122364924	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Vô Thị Kim Ngân, 1013090583, VCB CN Kiên Giang	371486718	
189	Vô Thị Út	Sơ chế	Dài hạn	1/8/2017	9116019169	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Vô Thị Út, 0091000656434, VCB CN Kiên Giang	371667243	
190	Y Yết	Sơ chế	Dài hạn	1/5/2016	9116006948	19/7/2021	19/7/2021- 20/9/2021	3.710.000	Yết, 0091000656520, VCB CN Kiên Giang	371888634	
191	Trần Như Thảo	Văn phòng	Dài hạn	1/8/2019	7916425679	1/9/2021	01/9/2021- 28/9/2021	1.855.000	Trần Như Thảo, 0181002687815, VCB- CN Nam Sài	371265331	
8.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							2.000.000			
Stt	Họ và tên		Thứ tự tại mục 8.1				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú	
1	Nguyễn Thị Bích		145				1.000.000	Mai Thanh Ngân, 0091000655728, VCB CN Kiên Giang	371938137		
2	Mai Thanh Ngân		134				1.000.000	Nguyễn Thị Bích, 0091000662016, VCB CN Kiên Giang	371422504		
8.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							21.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 8.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Lương Thị Ngà	7	Diệp Hoàng An Nhiên	31/10/2020	Diệp Thanh Nam Vương	371693884	1.000.000	Lương Thị Ngà, 0091000672665, VCB CN Kiên Giang	371727382		
2	Trương Văn Hôn	21	Trương Thị Kim Tiên	29/8/2019	Giăng Thị Kiểm	371261284	1.000.000	Trương Văn Hôn, 0091000679311, VCB CN Kiên Giang	371078031		
3	Nguyễn Thị Bé Tư	30	Nguyễn Ngọc Hoài Anh	19/3/2017			1.000.000	Nguyễn Thị Bé Tư, 0091000609649, VCB CN Kiên Giang	371739874		



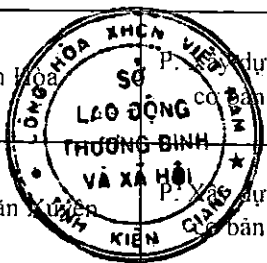
4	Giăng Thị Ngân		Đỗ Quốc Duy	29/11/2015	Đỗ Quốc Qui	365892553	1.000.000	Giăng Thị Ngân,0091000679287, VCB CN Kiên Giang	366253077	
5	Lê Thị Diễm Hương		Huỳnh Thịnh	27/5/2019	Huỳnh Văn Luận	371397349	1.000.000	Lê Thị Diễm Hương,0091000655962,VCB CN Kiên Giang	371717452	
6	Nguyễn Hồng Anh	37	Nguyễn Hồng Duyên	23/2/2020	Nguyễn Thị Mộng Vân	371592419	1.000.000	Nguyễn Hồng Anh,0091000656107, VCB CN Kiên Giang	371529272	
7	Lê Minh An	45	Lê Thị Ngọc Mai	8/4/2016	Lê Thị Mỹ Hạnh	370973902	1.000.000	Lê Minh An,0091000656539,V CB CN Kiên Giang	370928027	
8	Trương Nhật Di	47	Trương Nhật Huy	31/3/2021	Nguyễn Cẩm Thi	371940735	1.000.000	Trương Nhật Di,0091000656538,V CB CN Kiên Giang	371757021	
9	Danh Muội	50	Danh Phúc Thịnh	5/10/2017	Hồ Huỳnh Như	371757030	1.000.000	Danh Muội,0091000656535, VCB CN Kiên Giang	371724024	
10	Nguyễn Hoàng Trung	61	Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	23/10/2020	Huỳnh Thị Thuý Hà	371680238	1.000.000	Nguyễn Hoàng Trung,0091000656049 ,VCB CN Kiên Giang	370905745	
11	Trương Minh	64	Trương Nhật Duy	23/10/2020	Nguyễn Thị Cẩm Giang	371432745	1.000.000	Trương Minh,0091000656013, VCB CN Kiên Giang	371392763	
12	Huỳnh Thị Cẩm Loan	74	Nguyễn Phúc Thịnh	15/9/2020	Nguyễn Văn Kiêm	371053683	1.000.000	Huỳnh Thị Cẩm Loan,0091000590448, VCB CN Kiên Giang	371263534	
13	Cao Văn Hiền	77	Cao Văn Nhân	7/10/2019	Danh Thị Huệ	371284691	1.000.000	Cao Văn Hiền,0091000656048, VCB CN Kiên Giang	371855208	
14	Lê Thị Cẩm Tiên	121	Trần Lê Văn Tiến	29/2/2020	Trần Văn Truyền	371277462	1.000.000	Lê Thị Cẩm Tiên,0091000656214, VCB CN Kiên Giang	371535399	
15	Lê Thị Hoàng	122	Nguyễn Ngọc Yến	23/1/2020	Nguyễn Văn Nghi	371144068	1.000.000	Lê Thị Hoàng,0091000656208,VCB CN Kiên Giang	371940255	

16	Lê Thị Vàng	128	Nguyễn Kim Anh	21/1/2018	Nguyễn Tường Duy	371422100	1.000.000	Lê Thị Vàng, 107870842203, Vietinbank- CN-Kiên Giang- Hội Sở	371502452		
17	Lưu Thị Sanh	132	Lê Hoài Dương	8/6/2016	Lê Văn Đà	371191725	1.000.000	Lưu Thị Sanh, 0091000656209, VCB CN Kiên Giang	371499470		
18	Nguyễn Thị Bé Loan	144	Danh Gia Bảo	23/12/2016	Danh Trọng	371628560	1.000.000	Nguyễn Thị Bé Loan, 1017470666, VCB CN Kiên Giang	371541394		
19	Nguyễn Thị Diễm My	147	Bé Thị Khánh Thy	25/4/2018	Bé Ích Thịnh	372128165	1.000.000	Nguyễn Thị Diễm My, 65210000620464, BIDV-CN Kiên Giang	352364240		
20	Thị Kim Giàu	177	Danh Thị Kim Ngân	3/12/2016	Danh Cường	371029038	1.000.000	Thị Kim Giàu, 0091000656220, VCB CN Kiên Giang	371529746		
21	Trần Như Thảo	191	Trần Đức Anh	10/3/2021	Huỳnh Quốc Thái	351860231	1.000.000	Trần Như Thảo, 0181002687815, VCB- CN Nam Sài	371265331		
IX	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUẬN QUI						3.710.000				
9.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						3.710.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Huy	Nhân viên đo đạc	Xác định thời hạn	01/01/2021	9109005805	01/08/2021	01/08/2021 - 30/9/2021	3.710.000		370721783	Nhận tiền mặt
X	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TIÊU TÁN TRỌNG						14.840.000				
10.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						14.840.000				



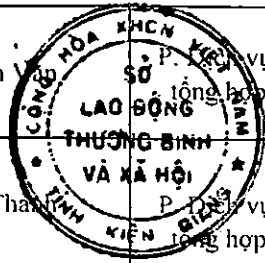
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng và xã hội làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Thắm	Nhân viên bán hàng	Xác định thời hạn	01/01/2021	9122985126	01/07/2021	01/07/2021 - 30/9/2021	3.710.000		371908626	Nhận tiền trực tiếp
2	Nguyễn Kim Loan	Nhân viên quản lý	Xác định thời hạn	01/01/2021	9123706038	01/07/2021	01/07/2021 - 30/9/2021	3.710.000		371621412	Nhận tiền trực tiếp
3	Nguyễn Thị Cẩm Luyến	Nhân viên bán hàng	Xác định thời hạn	01/01/2021	9122739118	01/07/2021	01/07/2021 - 30/9/2021	3.710.000		371816577	Nhận tiền trực tiếp
4	Bùi Thanh Hiền	Nhân viên bán hàng	Xác định thời hạn	01/01/2021	9123008305	01/07/2021	01/07/2021 - 30/9/2021	3.710.000		370795344	Nhận tiền trực tiếp
XI	CÔNG TY TNHH TMDV KIÊN GIANG THANH LỘC							436.680.000			
11.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							400.680.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Vũ Thị Hồng Duyên	P. Hành chính nhân sự	HĐLĐ chính thức	22/04/2021	9121990852	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Vũ Thị Hồng Duyên- 2980170044545- MBBank- CN Vinh Long	371882966	

2	Lê Thị Tuyết Như	P. Hành chính nhân sự	HĐLĐ chính thức	01/09/2020	9122365397	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Tuyết Như-105871220007-Vietin Chi nhánh Thành An Hà Nội	371757206	
3	Huỳnh Thị Huỳnh Như	P. Hành chính nhân sự	HĐLĐ chính thức	01/01/2021	9123808695	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Huỳnh Như-0181003567768-Vietcombank - CN Nam Sài-Gon	371718255	
4	Nguyễn Phong Nhã	P. Hành chính nhân sự	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123991878	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Phong Nhã-0091000639831-Vietcombank - CN Kien Giang	371284384	
5	Nguyễn Văn Trọng	X. Gia công quảng cáo	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116001251	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Trọng-005364760001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371291296	
6	Nguyễn Văn Hiền	X. Gia công quảng cáo	HĐLĐ chính thức	01/08/2020	9109005011	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hiền-004881650001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370997283	
7	Nguyễn Sơn Bình	X. Gia công quảng cáo	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116001263	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Sơn Bình-005298610001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370804484	
8	Ngô Văn Dễ	X. Gia công quảng cáo	HĐLĐ chính thức	21/01/2021	9114006965	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Ngô Văn Dễ-070044200404-Sacombank - CN Kien Giang	371395861	
9	Quách Trọng Trí	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/10/2020	9122351222	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Quách Trọng Trí-7715205036132-Agribank - CN Kien Giang	371191412	
10	Dương Văn Nhân	P. Xây dựng cơ bản	HĐLĐ chính thức	21/03/2020	9122352176	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Dương Văn Nhân-102869762473-Vietin Chi nhánh 4, TP. HCM	371546616	
11	Phạm Văn Điệp	P. Xây dựng cơ bản	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122268238	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phạm Văn Điệp-0091000646904-Vietcombank - CN Kien Giang	370634355	



12	Sầm Văn Hòa	P. Xây dựng cơ bản	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122333178	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Sầm Văn Hòa-024918090001-Lien Viet Post Bank - CN. Kien Giang	371390450	
13	Phạm Văn Xuyên	P. Xây dựng cơ bản	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122351154	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phạm Văn Xuyên-024918020001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371378062	
14	Nguyễn Ngọc Hiền	P. Xây dựng cơ bản	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123799063	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Hiền-208055267-VPbank - CN Kien Giang	371413677	
15	Trần Ngọc Đáng	P. Xây dựng cơ bản	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116001258	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Ngọc Đáng-005309500001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	363714238	
16	Trương Văn Không	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/07/2020	9122055407	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trương Văn Không-1015152436-Vietcombank - CN Kien Giang	371160817	
17	Trần Hoàng Thương	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122104527	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Hoàng Thương-033757600001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371464543	
18	Hồ Văn Chí	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9121978037	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Hồ Văn Chí-0091000650544-Vietcombank - CN Kien Giang	371522588	
19	Đặng Văn Phồng	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116004830	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Đặng Văn Phồng-016062720001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370843176	
20	Danh Ngọc Tâm	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/10/2020	7516214083	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Ngọc Tâm-038004280001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371754119	
21	Phan Trường Thành	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	7909153946	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phan Trường Thành-004974010001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371073130	

22	Trần Văn Sửu	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/07/2020	9114011543	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Văn Sửu- 13512497-ACB-CN Kien Giang	371529467	
23	Lê Văn Năng	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001849	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Văn Năng- 004974140001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371472783	
24	Danh Ngọc Tâm	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001850	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Ngọc Tâm- 005357010001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371754119	
25	Huỳnh Thanh Hùng	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001853	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Thanh Hùng- 004974130001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371074806	
26	Nguyễn Văn Tâm	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001854	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tâm- 004973940001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370967391	
27	Danh Diệt	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001856	01/08/2021	-01/8/2021-21/8/2021	1.855.000	Danh Diệt- 004974300001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371302919	
28	Nguyễn Hồng Hải	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001857	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Hồng Hải- 004974310001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370905637	
29	Đinh Văn Chấn	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001861	01/08/2021	-01/8/2021-21/8/2021	1.855.000	Đinh Văn Chấn- 004974190001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371158921	
30	Danh Tùng	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001862	01/08/2021	-01/8/2021-21/8/2021	1.855.000	Danh Tùng- 004974220001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371693183	
31	Nguyễn Văn Chen	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001863	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Chen- 004974210001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371568264	

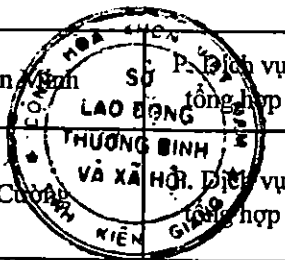


32	Võ Thành Văn	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9115001865	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Võ Thành Văn-004974090001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371549413	
33	Nguyễn Thanh Phong	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9115001866	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Phong-004974170001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371934543	
34	Bùi Văn Em	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9116000274	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Bùi Văn Em-004975990001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371302589	
35	Hồ Văn Tín	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9116001449	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Hồ Văn Tín-029248170001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371024331	
36	Phạm Trung Kiên	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9116002452	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phạm Trung Kiên-0091000626370-Vietcombank - CN Kien Giang	371276975	
37	Trần Văn Nam	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9116002608	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Văn Nam-006390110001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370855815	
38	Phan Trọng Nghĩa	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9116004149	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phan Trọng Nghĩa-0091000636943-Vietcombank - CN Kien Giang	370803866	
39	Cao Hữu Nghĩa	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9116004151	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Cao Hữu Nghĩa-0091000636944-Vietcombank - CN Kien Giang	370737458	
40	Trần Quốc Kiêm	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9122267217	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Quốc Kiêm-7713205092890-Agribank - CN Kien Giang	371297262	
41	Nguyễn Hoàng Hải	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	01/07/2020	9122323721	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Hải-0091000644902-Vietcombank - CN Kien Giang	371664987	

42	Nguyễn Văn Thanh	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/10/2020	9123610661	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thanh-35712870001-SCB-CN-Kien Giang	371918695	
43	Nguyễn Trường Hải	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001871	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Trường Hải-004976110001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371227878	
44	Phan Văn Tho	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001876	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phan Văn Tho-004976020001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370806634	
45	Hà Văn Sáu	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116000862	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Hà Văn Sáu-0091000616739-Vietcombank - CN Kien Giang	371093303	
46	Phạm Minh Tân	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122265630	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phạm Minh Tân-028858490001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371664653	
47	Huỳnh Tấn Thoại	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	15/04/2021	9122302060	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Tấn Thoại-0091000664153-Vietcombank - CN Kien Giang	371915393	
48	Nguyễn Thanh Khỏe	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122306433	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Khỏe-019638550001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371164161	
49	Lê Quốc Niên	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122364672	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Quốc Niên-024528970001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371641901	
50	Nguyễn Văn Thắng	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123449617	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thắng-019996970001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370987733	
51	Huỳnh Văn Phở	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123992808	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Phở-7709205072420-Agribank - CN Kien Giang	371929958	
52	Danh Phô	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9124191256	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Phô-107870324746-Vietin Kien Giang	371854308	

53	Võ Văn Lắm	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001847	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Võ Văn Lắm- 004974060001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371638431	
54	Trần Thị Mộng Thu	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123992807	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Trần Thị Mộng Thu- 7709205091220- Agribank - CN Kien Giang	371558074	
55	Nguyễn Văn Hôn	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123412407	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hôn- 100002617603-Quoc Dan - CN Kien Giang	371592610	
56	Nông Văn Châu	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116001262	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nông Văn Châu- 0091000662235- Vietcombank - CN Kien Giang	371193641	
57	Trần Kiến Quốc	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9111010888	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Trần Kiến Quốc- 006260120001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370967734	
58	Nguyễn Anh Cường	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116000244	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Anh Cường- 030288130001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371476113	
59	Bùi Phương Khương	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/05/2021	9122577036	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Bùi Phương Khương- 0091000626242- Vietcombank - CN Kien Giang	371752418	
60	Lý Văn Thương	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122576976	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lý Văn Thương- 0109961689- Dong A - CN Kien Giang	371489585	
61	Thị Kiều Linh	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122435335	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Thị Kiều Linh- 035198940001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371131550	
62	Lê Văn Út	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122491226	01/08/2021	-01/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	Lê Văn Út- 0091000678851- Vietcombank - CN Kien Giang	370950400	

63	Nguyễn Văn Hân	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9122527122	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hân-035198250001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370950998	
64	Lê Văn Giá	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123762845	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Văn Giá-0091000661919-Vietcombank - CN Kien Giang	371131687	
65	Phạm Văn Huỳnh	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9112011452	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phạm Văn Huỳnh-0091000502952-Vietcombank - CN Kien Giang	371346611	
66	Danh Trần Duy Cẩn	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	22/08/2020	9116017780	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Danh Trần Duy Cẩn-7713205062037-Agribank - CN Kien Giang	371647546	
67	Huỳnh Thanh Liêm	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9111007766	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Thanh Liêm-070101793662-Sacombank - CN Kien Giang	371239642	
68	Lê Thị Tú	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/08/2020	9115000839	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Tú-002105979999-Lien Viet Post Bank - CN Sai Gon	370857038	
69	Dương Chiến	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/04/2020	9121884123	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Dương Chiến-030196740001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371998651	
70	Đỗ Trường Giang	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	15/04/2021	9123133785	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Đỗ Trường Giang-1014762323-Vietcombank - CN Kien Giang	371792246	
71	Trương Văn Lăng	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/09/2020	9116001170	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trương Văn Lăng-0091000617872-Vietcombank - CN Kien Giang	371062603	
72	Hứa Văn Dũng	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/10/2020	9121633308	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Hứa Văn Dũng-103869208606-VietinBank- CN Kien Giang	370712112	



73	Trần Văn Minh	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	01/07/2020	9121665227	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Văn Minh-13542817-ACB-CN Kien Giang	371718319	
74	Lê Văn Cường	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9121815919	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Văn Cường-070094317043-Sacombank- CN Kien Giang	371480600	
75	Nguyễn Văn Hiền	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	01/09/2020	9123807931	26/08/2021	-26/8/2021-20/9/2021	1.855.000	Nguyễn Văn Hiền-0091000664651-Vietcombank - CN Kien Giang	370997283	
76	Phương Hoài Bảo	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2021	9113001872	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phương Hoài Bảo-108004370637-Vietinbank - CN Kien Giang	371006242	
77	Lê Kim Long	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9115001869	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Kim Long-004976000001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371246672	
78	Lưu Thuận	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9115014152	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lưu Thuận-032512720001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371246725	
79	Đào Văn Di	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9116000272	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Đào Văn Di-005287320001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371566409	
80	Lưu Nhật Khanh	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9116002611	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lưu Nhật Khanh-006343380001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371813860	
81	Trần Quốc Loán	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	15/05/2021	9121736109	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Quốc Loán-75010000626740-BIDV - CN Kien Giang	371601664	
82	Bạch Trọng Tín	P. Dịch vụ tổng hợp	HDLĐ chính thức	16/01/2020	9121683315	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Bạch Trọng Tín-0091000658666-Vietcombank - CN Kien Giang	371846668	

83	Trần Hoàng Phi	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123434443	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Hoàng Phi-018336810001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371317360	
84	Nguyễn Thanh Truyền	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9124151086	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Truyền-030344080001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371256044	
85	Huỳnh Thanh Sơn	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116000985	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Thanh Sơn-0091000612717-Vietcombank CN Kien Giang	371074396	
86	Bùi Văn Hải	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	12/11/2020	9116016322	01/08/2021	-01/8/2021-25/8/2021	1.855.000	Bùi Văn Hải-105003600852-Vietin Kien Giang	371421531	
87	Lê Thị Đây	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9112004794	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Thị Đây-023863270001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	385238537	
88	Nguyễn Thị Hiền	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9115001883	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hiền-004974280001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370585239	
89	Huỳnh Trung Nhân	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9121716217	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Trung Nhân-070100842791-Sacombank - CN Kien Giang	370791654	
90	Trần Minh Thuận	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/09/2020	9114008130	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Minh Thuận-0091000649386-Vietcombank - CN Kien Giang	371380949	
91	Nguyễn Văn Hân	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/07/2020	9122175946	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hân-31543833-KienLong Bank - CN Kien Giang	370841960	
92	Nguyễn Thanh Lân	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/07/2020	9122184704	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Lân-1015140830-Vietcombank - CN Kien Giang	371232518	

93	Nguyễn Trường Giang	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/07/2020	9122211280	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Trường Giang-1015129680-Vietcombank - CN Kiên Giang	370947688	
94	Nguyễn Văn Cảnh	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/10/2020	9122212392	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Cảnh-75010000467277-BIDV - CN Kiên Giang	370765210	
95	Trần Văn Thanh	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/07/2020	9122214437	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trần Văn Thanh-1015141125-Vietcombank - CN Kiên Giang	370733834	
96	Đinh Quốc Hùng	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/07/2020	9122244518	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Đinh Quốc Hùng-0121000873061-Vietcombank - CN Dong Nai	371901253	
97	Đinh Quang Huy	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/07/2020	9123333366	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Đinh Quang Huy-070114819539-Sacombank - CN Kiên Giang	371981612	
98	Nguyễn Văn Khánh	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/10/2020	9123881245	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Khánh-1016022899-Vietcombank - CN Kiên Giang	371758017	
99	Phạm Quang Nhơn	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	23/12/2020	7412315101	28/08/2021	-28/8/2021-20/9/2021	1.855.000	Phạm Quang Nhơn-0411000988488-Vietcombank - CN Bình Dương	371441263	
100	Phạm Văn Khỏe	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	7514008422	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phạm Văn Khỏe-029231630001-Lien Viet Post Bank - CN Kiên Giang	371225233	
101	Nguyễn Văn Mèo	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	01/03/2021	9122113436	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Mèo-34146733-Kienlongbank - CN Kiên Giang	371351762	
102	Trương Thanh Liêm	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	10/11/2020	9112003358	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Trương Thanh Liêm-060235808229-Sacombank CN TP HCM	370788893	

103	Nguyễn Văn Toàn	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9611003728	01/08/2021	-01/8/2021-21/8/2021	1.855.000	Nguyễn Văn Toàn- 004976120001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371169161	
104	Phan Đăng Khoa	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123016715	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Phan Đăng Khoa- 0111317403-Dong A - CN Kien Giang	371702446	
105	Lê Trương Vũ Hào	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9123043105	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Lê Trương Vũ Hào- 7703205086808- Agribank Vinh Thuan Kien Giang	371765754	
106	Nguyễn Hải Triều	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9222338573	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Hải Triều- 1806205093658- Agribank - CN Kien Giang	09209000157 1	
107	Nguyễn Văn Vũ	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9321000431	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Vũ- 229723766-VPbank - CN Kien Giang	363634934	
108	Nguyễn Chí Linh	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116001321	01/08/2021	-01/8/2021-15/8/2021	1.855.000	Nguyễn Chí Linh- 0091000620667- Vietcombank - CN Kien Giang	371640229	
109	Huỳnh Hoàng Nhi	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9222741005	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Hoàng Nhi- 0102261811-Dong A - CN Kien Giang	09108500003 3	
110	Châu Thị Ba Xuyên	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116001013	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Châu Thị Ba Xuyên- 004974250001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	364066695	
111	Võ Trí Văn	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116001259	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Võ Trí Văn- 005433180001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	341065069	
112	Huỳnh Văn Tèo	P. Dịch vụ tổng hợp	HĐLĐ chính thức	16/01/2020	9116017100	01/08/2021	-01/8/2021-20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Tèo- 108867173650- Vietinbank - CN Kien Giang	331559717	
11.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							36.000.000			

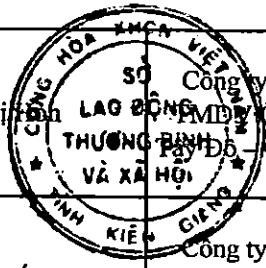
Stt	Họ và tên người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số tiền hỗ trợ	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số CMT/ Thẻ CCCD của vợ hoặc chồng	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2					
1	Nguyễn Ngọc Hiền	14	Nguyễn Quỳnh Lam	18/04/2017	Nguyễn Thị Ánh Hồng	371162087	1.000.000	Nguyễn Ngọc Hiền-208055267-VPbank - CN Kien Giang	371413677	
2	Ngô Văn Dề	8	Ngô Trần Kim Ngọc	14/10/2017	Trần Ngọc Hiền	341610318	1.000.000	Ngô Văn Dề-070044200404-Sacombank - CN Kien Giang	371395861	
3	Nguyễn Văn Thanh	42	Nguyễn Ngọc My	25/01/2021	Phạm Thị Ngọc Hân	372041561	1.000.000	Nguyễn Văn Thanh-35712870001-SCB- CN Kien Giang	371918695	
4	Danh Ngọc Tâm	20	Danh Ngọc Trần	31/03/2021	Nguyễn Thị Anh Thu	352277893	1.000.000	Danh Ngọc Tâm-038004280001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371754119	
5	Danh Tùng	30	Danh Thị Thúy Như	11/11/2016	Thị Ngọc Bích	371754133	1.000.000	Danh Tùng-004974220001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371693183	
6	Nguyễn Thanh Lên	92	Nguyễn Thanh Tường	06/03/2017	Nguyễn Thị Nhung	371351220	1.000.000	Nguyễn Thanh Lên-1015140830-Vietcombank - CN Kien Giang	371232518	
7	Trương Văn Không	16	Trương Thị Ngọc Vy	29/04/2017	Phan Thị Hồng Oanh	371777091	1.000.000	Trương Văn Không-1015152436-Vietcombank - CN Kien Giang	371160817	
8	Nguyễn Văn Khánh	98	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	10/12/2020	Nguyễn Thị Liên	371898667	1.000.000	Nguyễn Văn Khánh-1016022899-Vietcombank - CN Kien Giang	371758017	
9	Nguyễn Văn Khánh	98	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	15/04/2019	Nguyễn Thị Liên	371898667	1.000.000	Nguyễn Văn Khánh-1016022899-Vietcombank - CN Kien Giang	371758017	

10	Trương Văn Lăng	71	Trương Phúc Lâm	12/01/2019	Hứa Thị Bích Ly	371457940	1.000.000	Trương Văn Lăng- 0091000617872- Vietcombank - CN Kien Giang	371062603	
11	Nguyễn Văn Hiền	6	Nguyễn Ngọc Gia Nhi	23/04/2018	Nguyễn Thị Lan	371158713	1.000.000	Nguyễn Văn Hiền- 004881650001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370997283	
12	Trần Minh Thuận	90	Trần An Nhi	30/09/2017	Đặng Thị Tố Quyên	371395219	1.000.000	Trần Minh Thuận- 0091000649386- Vietcombank - CN Kien Giang	371380949	
13	Danh Ngọc Tâm	20	Danh Ngọc Chí	30/03/2020	Thạch Cẩm Lan	371187524	1.000.000	Danh Ngọc Tâm- 038004280001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371754119	
14	Hồ Văn Chí	18	Hồ Chí Thành	26/06/2017	Nguyễn Thị Ngọc Linh	371837737	1.000.000	Hồ Văn Chí- 0091000650544- Vietcombank - CN Kien Giang	371522588	
15	Hồ Văn Chí	18	Hồ Thiên Kim	18/01/2019	Nguyễn Thị Ngọc Linh	371837737	1.000.000	Hồ Văn Chí- 0091000650544- Vietcombank - CN Kien Giang	371522588	
16	Huỳnh Thanh Sơn	85	Huỳnh Hải Yến	24/02/2016	Nguyễn Thị Thu Hồng	371139359	1.000.000	Huỳnh Thanh Sơn- 0091000612717- Vietcombank CN Kien Giang	371074396	
17	Nguyễn Thanh Phong	33	Nguyễn Phương Như	25/01/2019	Lê Thủy Tiên	371100877	1.000.000	Nguyễn Thanh Phong- 004974170001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371934543	
18	Phạm Trung Kiên	36	Phạm Đăng Khoa	27/07/2018	Lê Ngọc Chi	371226487	1.000.000	Phạm Trung Kiên- 0091000626370- Vietcombank - CN Kien Giang	371276975	
19	Danh Diệt	27	Danh Đình	28/11/2017	Thị Kim Sáu	371100802	1.000.000	Danh Diệt- 004974300001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371302919	



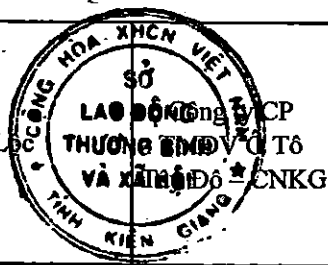
20	Võ Văn Lắm		Võ Huỳnh Anh	04/06/2020	Thị Tiền	371546987	1.000.000	Võ Văn Lắm-004974060001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371638431	
21	Nguyễn Văn Vũ	107	Nguyễn Minh Quân	18/10/2017	Văn Thị Cà Khá	371594842	1.000.000	Nguyễn Văn Vũ-229723766-VPbank - CN Kien Giang	363634934	
22	Nguyễn Văn Vũ	107	Nguyễn Thị Khánh Nhi	29/01/2016	Văn Thị Cà Khá	371594842	1.000.000	Nguyễn Văn Vũ-229723766-VPbank - CN Kien Giang	363634934	
23	Trần Hoàng Thương	17	Trần Trung Tín	27/07/2019	Phan Thị Nền	371424792	1.000.000	Trần Hoàng Thương-033757600001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371464543	
24	Dương Chiến	69	Dương Bách Xiên	15/02/2019	Phan Thị Nửa	371519018	1.000.000	Dương Chiến-030196740001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371998651	
25	Nguyễn Thanh Khỏe	48	Nguyễn Thanh Bình	25/04/2018	Lương Diễm Thúy	371235243	1.000.000	Nguyễn Thanh Khỏe-019638550001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371164161	
26	Nguyễn Thanh Khỏe	48	Nguyễn Thị Diễm Yến	21/08/2019	Lương Diễm Thúy	371235243	1.000.000	Nguyễn Thanh Khỏe-019638550001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371164161	
27	Nguyễn Thanh Truyền	84	Nguyễn Minh Khôi	07/06/2020	Trần Thị Kim Huyền	371054091	1.000.000	Nguyễn Thanh Truyền-030344080001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371256044	
28	Đào Văn Di	79	Đào Nguyễn Minh Ngọc	15/07/2021	Nguyễn Thị Hoàng Mỹ	371919774	1.000.000	Đào Văn Di-005287320001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	371566409	
29	Hà Văn Sáu	45	Hà Thị Trúc Quỳnh	16/02/2018	Thị Lan	371102100	1.000.000	Hà Văn Sáu-0091000616739-Vietcombank - CN Kien Giang	371093303	
30	Nguyễn Chí Linh	108	Nguyễn Lê Gia Hân	16/07/2018	Lê Thị Thảo	371722721	1.000.000	Nguyễn Chí Linh-0091000620667-Vietcombank - CN Kien Giang	371640229	

31	Nguyễn Trường Hải	43	Nguyễn Lê Bảo Nhi	20/05/2018	Lê Thị Hiệp	372123969	1.000.000	Nguyễn Trường Hải- 004976110001-Lien Viet Post Bank - CN Kiên Giang	371227878		
32	Phạm Quang Nhơn	99	Phạm Bảo Khiêm	31/11/2020	Đỗ Thúy Như	371705733	1.000.000	Phạm Quang Nhơn- 0411000988488- Vietcombank - CN Bình Duong	371441263		
33	Phan Đăng Khoa	104	Phan Huỳnh Vạn Phát	16/08/2021	Huỳnh Hồng Phúc	371736150	1.000.000	Phan Đăng Khoa- 0111317403-Dong A - CN Kien Giang	371702446		
34	Võ Trí Văn	111	Võ Trí Đạt	28/12/2017	Lê Thùy Trang	371166395	1.000.000	Võ Trí Văn-005433180001- Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	341065069		
35	Huỳnh Văn Tèo	112	Huỳnh Ngô Thủy Trâm	25/11/2019	Ngô Thùy Nhiên	371302033	1.000.000	Huỳnh Văn Tèo- 108867173650-Vietinbank - CN Kien Giang	331559717		
36	Trần Kiến Quốc	57	Trần Trúc Phương	08/10/2017	Trần Thị Kim Chi	370973054	1.000.000	Trần Kiến Quốc- 006260120001-Lien Viet Post Bank - CN Kien Giang	370967734		
XII	CÔNG TY CP TMDV Ô TÔ TÂY ĐÔ – CN KIÊN GIANG						89.620.000				
12.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						81.620.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nhan Phương Trinh	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9116018979	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Nhan Phương Diễm, STK: 108006507728 (Ngân hàng Vietinbank - CN1 -TPHCM)	371656559	Xác nhận qua điện thoại



2	Huỳnh Thị Hân	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9123816584	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Huỳnh Thị Hân, STK: 0091000061380 (Ngân hàng Vietcombank – CNKG)	370927225	Xác nhận qua điện thoại
3	Đỗ Thị Tuyền	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9122008836	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Huỳnh Thị Hân, STK: 0091000061380 (Ngân hàng Vietcombank – CNKG)	370909111	Xác nhận qua điện thoại
4	Phạm Văn Đà	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9213010101	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Phạm Văn Đà, STK: 0091000666902 (Ngân hàng Vietcombank – CNKG)	30089004455	Xác nhận qua điện thoại
5	Nguyễn Quốc Thái	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9116017806	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Nguyễn Quốc Thái STK: 0701 0408 7637 (Ngân hàng Sacombank – CNKG)	371796853	Xác nhận qua điện thoại
6	Tô Văn Tâm	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9116017809	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Tô Văn Tâm, STK: 1019318852 (Ngân hàng Vietcombank – CNKG)	371677695	Xác nhận qua điện thoại
7	Trần Phạm Ngọc Hà	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9116004375	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Trần Phạm Ngọc Hà, STK: 04015930901 (Ngân hàng TPbank – CNKG)	371445885	Xác nhận qua điện thoại
8	Từ Văn Trọng	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9116017807	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Thị Chăng, STK: 75010000188772 (ngân hàng BIDV - CNKG)	371377751	Xác nhận qua điện thoại
9	Danh Sóc Pha	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9116017803	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Danh Sóc Pha STK: 75010000521775 (Ngân hàng BIDV – CNKG)	371249846	Xác nhận qua điện thoại

10	Lê Vũ Phương	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9123451349	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Lê Thị Kim Minh, STK: 070063815460 (Ngân hàng Sacombank – CN Tân Hiệp).	371302329	Xác nhận qua điện thoại
11	Bùi Văn Đăng	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9122459444	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Nhận tiền trực tiếp	371649883	Xác nhận qua điện thoại
12	Trần Văn Quý	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9123179726	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Bùi Văn Đăng, STK: 160612681 (Ngân hàng VPbank – CNKG)	371780441	Xác nhận qua điện thoại
13	Tô Thái Sơn	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9116016591	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Tô Thái Sơn, STK: 106003767651 (Ngân hàng VietinBank – CN Rạch Sỏi)	371302238	Xác nhận qua điện thoại
14	Danh Tinh	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9116013329	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Thị Ánh Đào, STK: 105868189849 (Ngân hàng Vietinbank – CN Rạch Sỏi)	371364886	Xác nhận qua điện thoại
15	Danh Hoàng Nam	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9122308449	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Nguyễn Quốc Thái STK: 0701 0408 7637 (Ngân hàng Sacombank – CNKG)	371829229	Xác nhận qua điện thoại
16	Trần Văn Gia Bảo	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9222131782	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Trần Văn Gia Bảo, STK: 75010000571512 (Ngân hàng BIDV – CNKG)	92099003342	Xác nhận qua điện thoại
17	Huỳnh Hữu Nhân	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	10 tháng	01/03/2021	9215012926	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Huỳnh Hữu Nhân STK: 070055401029 (Ngân hàng Sacombank – CN Cần Thơ)	363637878	Xác nhận qua điện thoại



18	Cao Quan Lộc	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	10 tháng	01/03/2021	9321555240	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Cao Quan Lộc, STK: 01414260001 (Ngân hàng Tpbank – CN Cần Thơ)	363700742	Xác nhận qua điện thoại
19	Lê Phương Bắc	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9122905633	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Lê Phương Bắc STK: 00689611983 (Ngân hàng SCB – CNKG)	370935685	Xác nhận qua điện thoại
20	Danh Sang	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9116018977	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Danh Sang, STK: 070015252519 (Ngân hàng Sacombank – Rạch Sỏi)	371241377	Xác nhận qua điện thoại
21	Đỗ Thị Trúc Ly	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	01 năm	02/01/2021	9123823428	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Đỗ Thị Trúc Ly, STK: 0091000592820 (Ngân hàng Vietcombank – CNKG)	372116085	Xác nhận qua điện thoại
22	Lưu Quang Minh	Công ty CP TMDV Ô Tô Tây Đô – CNKG	9 tháng	01/04/2021	9123487431	19/07/2021	Từ 19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Tên TK: Lưu Quang Minh STK: 03231077001 (Ngân hàng TPBank CNKG)	371829385	Xác nhận qua điện thoại
12.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							8.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 12.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Huỳnh Hữu Nhân	17	Huỳnh Nguyễn Thiên Ân	03/11/2019	Nguyễn Thị Ngọc Vui	363851551	1.000.000	Tên TK: Huỳnh Hữu Nhân STK: 070055401029 (Ngân hàng Sacombank – CN Cần Thơ)			

2	Lê Vũ Phương	10	Lê Phương Minh Ngọc	13/08/2020	Lê Thị Kim Minh	371339684	1.000.000	Tên TK: Lê Thị Kim Minh, STK: 070063815460 (Ngân hàng Sacombank- CN Tân Hiệp)		
3	Lê Vũ Phương	10	Lê Thuận Phát	31/07/2015	Lê Thị Kim Minh	371339684	1.000.000	Tên TK: Lê Thị Kim Minh, STK: 070063815460 (Ngân hàng Sacombank- CN Tân Hiệp)		
4	Danh Sóc Pha	9	Danh Thị Phương Trúc	15/08/2018	Trương Phương Thúy	91186000721	1.000.000	Tên TK: Danh Sóc Pha STK: 75010000521775 (Ngân hàng BIDV – CNKG)		
5	Tô Thái Sơn	13	Tô Khánh Ngọc	02/10/2019	Trần Thị Kim Ngân	372083071	1.000.000	Tên TK: Tô Thái Sơn, STK: 106003767651 (Ngân hàng VietinBank - CN Rạch Sỏi)		
6	Từ Văn Trọng	8	Từ Thị Ánh Ngọc	26/07/2020	Thị Chăng	371100493	1.000.000	Tên TK: Thị Chăng, STK: 75010000188772 (ngân hàng BIDV - CNKG)		
7	Lê Phương Bắc	19	Lê Thế Thành	28/09/2017	Huỳnh Yến Trinh	371435958	1.000.000	Tên TK: Lê Phương Bắc STK: 00689611983 (Ngân hàng SCB – CNKG)		
8	Danh Sang	20	Danh Nguyễn Ngọc Châu	11/08/2019	Nguyễn Thị Thùy Dương	371931173	1.000.000	Tên TK: Danh Sang, STK: 070015252519 (Ngân hàng Sacombank – Rạch Sỏi)		
XIII	CÔNG TY TNHH TAE SUNG RẠCH GIÁ						-			

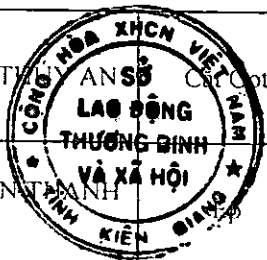
13.1	Đơn vị nhận người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							636.265.000			
Stt	Họ và tên người lao động	Chức vụ, công việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/Thẻ CCCD	Ghi chú
1	NGUYỄN KIỀU ANH	Tổng vụ	Xác định thời hạn	03/07/2020	9124028960	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN KIỀU ANH-105872742724-VIETINBANK CN KG	371782285	
2	NGUYỄN VĂN KIẾT	Bảo trì	Xác định thời hạn	09/08/2020	9123817272	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN KIẾT-105872307487-VIETINBANK CN KG	371705571	
3	TRẦN THỊ HỒNG TUỔI	Nhân sự	Xác định thời hạn	27/07/2020	9113001225	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN THỊ HỒNG TUỔI-104872307490-VIETINBANK CN KG	371229571	
4	NGUYỄN TUÔNG KHÁNH VY	QIP	Xác định thời hạn	03/08/2020	9123430060	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN TUÔNG KHÁNH VY-103872307491-VIETINBANK CN KG	371727692	
5	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Bảo trì	Xác định thời hạn	24/10/2020	9113001334	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THÀNH LUÂN-109872307495-VIETINBANK CN KG	371105173	
6	BÙI VĂN HƯỜNG	IT	Xác định thời hạn	01/10/2020	9122309341	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	BÙI VĂN HƯỜNG-100872307500-VIETINBANK CN KG	371093403	
7	NGUYỄN TRƯỞNG HỒNG NHUNG	Ép	Xác định thời hạn	21/09/2020	9122380130	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN TRƯỞNG HỒNG NHUNG-103872307510-VIETINBANK CN KG	371996248	

8	LÊ THỊ MỸ LINH	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	21/09/2020	9122478772	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ MỸ LINH- 101872307512- VIETINBANK CN KG	371482951	
9	LÝ HOÀNG SƯƠNG	Mài	Xác định thời hạn	21/09/2020	9122437002	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÝ HOÀNG SƯƠNG- 100872307513- VIETINBANK CN KG	371425002	
10	NGUYỄN CHÍ KHANG	Cán	Xác định thời hạn	21/09/2020	9122484594	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN CHÍ KHANG- 108872307515- VIETINBANK CN KG	371914622	
11	DANH THỊ YẾN NHI	Kế hoạch	Xác định thời hạn	21/09/2020	9123367618	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH THỊ YẾN NHI-105872307520- VIETINBANK CN KG	371829660	
12	DANH NHANH	Mài	Xác định thời hạn	21/09/2020	9116003833	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH NHANH- 107872307528- VIETINBANK CN KG	371795041	
13	HÌNH THỊ NGỌC CẨM	Kế hoạch	Xác định thời hạn	21/09/2020	8016011281	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	HÌNH THỊ NGỌC CẨM-103872307547- VIETINBANK CN KG	371541128	
14	NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN	Cán	Xác định thời hạn	21/09/2020	9122324175	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN- 101872307549- VIETINBANK CN KG	371886532	
15	TRẦN BÍCH THỦY	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	21/09/2020	9122368753	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN BÍCH THỦY- 102872307550- VIETINBANK CN KG	371520406	
16	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Mài	Xác định thời hạn	21/09/2020	7417081864	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN TUẤN KIẾT-100872307552- VIETINBANK CN KG	371713097	



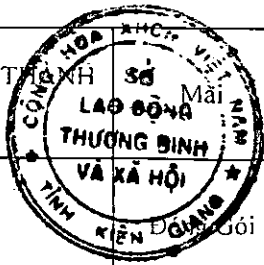
17	DANH THỊ XUYỀN		Xác định thời hạn	10/11/2020	7937900701	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH THỊ KIM XUYỀN-108872307554-VIETINBANK CN KG	371775625	
18	THỊ KIM XÂY	Y tế	Xác định thời hạn	14/10/2020	9112002481	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ KIM XÂY-104872307558-VIETINBANK CN KG	371422752	
19	NGUYỄN THU HƯƠNG	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	27/09/2020	7416120402	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THU HƯƠNG-100872307564-VIETINBANK CN KG	371771164	
20	THỊ THẨM	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	27/09/2020	9122315056	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ THẨM-108872307566-VIETINBANK CN KG	372034745	
21	TRẦN XUÂN NHÃ	Mài	Xác định thời hạn	27/09/2020	9122643542	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN XUÂN NHÃ-105872307572-VIETINBANK CN KG	371961337	
22	LÂM VĂN HỒ	Ép	Xác định thời hạn	27/09/2020	7516075701	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÂM VĂN HỒ-101872307576-VIETINBANK CN KG	371296952	
23	NGUYỄN VĂN LINH	Mài	Xác định thời hạn	27/09/2020	9122298000	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN LINH-100872307577-VIETINBANK CN KG	371918112	
24	THỊ MỸ LINH	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	27/09/2020	9121729318	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ MỸ LINH-103872307586-VIETINBANK CN KG	371909352	
25	TRẦN THỊ THANH CẨM	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	27/09/2020	9116018109	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN THỊ THANH CẨM-101872307588-VIETINBANK CN KG	371883569	
26	NGUYỄN NGỌC KÍNH	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	27/09/2020	9521160640	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN NGỌC KÍNH-100872307589-VIETINBANK CN KG	385838004	

27	THỊ BÍCH TIỀN	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	27/09/2020	9122373619	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ BÍCH TIỀN- 109872307592- VIETINBANK CN KG	371227892	
28	TRẦN THỊ THANH NGUYỄN	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	27/09/2020	9116007972	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN THỊ THANH NGUYỄN- 101872307606- VIETINBANK CN KG	371564805	
29	LÝ PHI LONG	Mài	Xác định thời hạn	27/09/2020	7414123534	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÝ PHI LONG- 109872307608- VIETINBANK CN KG	371727371	
30	NGUYỄN GIANG BÌNH	Ép	Xác định thời hạn	27/09/2020	9116020836	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN GIANG BÌNH-108872307612- VIETINBANK CN KG	371635363	
31	TRƯƠNG VĂN THUẬN	Kho	Xác định thời hạn	04/10/2020	9121651092	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRƯƠNG VĂN THUẬN- 102872307618- VIETINBANK CN KG	371601538	
32	NGUYỄN HOÀNG LUÂN	Mài	Xác định thời hạn	04/10/2020	9122303140	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN HOÀNG LUÂN- 107872307625- VIETINBANK CN KG	371755951	
33	PHẠM THỊ BÍCH NHƯ	Ép	Xác định thời hạn	04/10/2020	7415132106	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	PHẠM THỊ BÍCH NHƯ-104872307630- VIETINBANK CN KG	371677104	
34	NGUYỄN THỊ KIỀU	QC Cán	Xác định thời hạn	04/10/2020	9123409321	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ KIỀU- 108872307651- VIETINBANK CN KG	371859011	
35	DANH HOÀI NAM	Qc Bàn	Xác định thời hạn	05/11/2020	9122362367	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH HOÀI NAM- 104872412428- VIETINBANK CN KG	371909533	



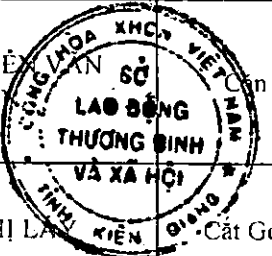
36	LÊ THỊ TH		Xác định thời hạn	05/11/2020	8724081061	06/8/2021	06/8/2021-22/8/2021	1.855.000	LÊ THỊ THỦY AN-102872412432-VIETINBANK CN KG	341924528	
37	NGUYỄN THANH HOA		Xác định thời hạn	05/11/2020	9122530105	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THANH HOA-107872412437-VIETINBANK CN KG	371537971	
38	HUỖNH THỊ XUÂN THẢO	Ép	Xác định thời hạn	05/11/2020	9121774322	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	HUỖNH THỊ XUÂN THẢO-108872412451-VIETINBANK CN KG	371713255	
39	ĐÀO TÂN TÀI	Dập	Xác định thời hạn	17/11/2020	9121698292	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	ĐÀO TÂN TÀI-102872496424-VIETINBANK CN KG	371411639	
40	DANH MÈN	Cán	Xác định thời hạn	17/11/2020	9116004983	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH MÈN-108872057173-VIETINBANK CN KG	371856155	
41	LÊ VĂN CƯỜNG	Dập	Xác định thời hạn	17/11/2020	9122454061	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ VĂN CƯỜNG-108872496430-VIETINBANK CN KG	372081636	
42	THỊ KIM LUYẾN	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	17/11/2020	9122417785	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ KIM LUYẾN-101872496440-VIETINBANK CN KG	371994738	
43	NGUYỄN VĂN TÀI ANH	Dập	Xác định thời hạn	17/11/2020	9123946524	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN TÀI ANH-106872496445-VIETINBANK CN KG	371477482	
44	LÂM HOÀNG TUẤN	Kế hoạch	Xác định thời hạn	11/01/2021	9116020799	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÂM HOÀNG TUẤN-104872496434-VIETINBANK CN KG	371563540	

45	NGUYỄN KIM NGỌC	Xịt Bụi	Xác định thời hạn	27/11/2020	9122093643	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN KIM NGỌC- 109872551484- VIETINBANK CN KG	372123995	
46	DANH THÁI	Mài	Xác định thời hạn	03/12/2020	9122293074	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH THÁI- 106872576693- VIETINBANK CN KG	371979502	
47	NGUYỄN THANH ĐIỀN	Cán	Xác định thời hạn	03/12/2020	7411281428	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THANH ĐIỀN-105872576694- VIETINBANK CN KG	371632884	
48	NGUYỄN VĂN NHIỀU	Ép	Xác định thời hạn	03/12/2020	8923940712	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN NHIỀU- 100872576699- VIETINBANK CN KG	351578242	
49	TRẦN LÊ HOÀNG ÂN	Lab	Xác định thời hạn	03/12/2020	9123220508	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN LÊ HOÀNG ÂN-104872576700- VIETINBANK CN KG	371518016	
50	DƯƠNG VĂN NAM	Vệ sinh	Xác định thời hạn	07/12/2020	9122442906	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DƯƠNG VĂN NAM- 103872576701- VIETINBANK CN KG	372120534	
51	THỊ KIM HIỀN	Đóng Gói	Xác định thời hạn	07/12/2020	9123972823	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ KIM HIỀN- 105872576709- VIETINBANK CN KG	371717178	
52	NGUYỄN TÂN TÀI	Mài	Xác định thời hạn	16/12/2020	9121996476	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN TÂN TÀI- 101872608523- VIETINBANK CN KG	371854780	
53	LÊ NGỌC VỊ	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	16/12/2020	9121697481	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ NGỌC VỊ- 102872608510- VIETINBANK CN KG	370833415	
54	TRẦN HOÀI BẢO	Mài	Xác định thời hạn	16/12/2020	9122346095	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN HOÀI BẢO- 104872307519- VIETINBANK CN KG	371938010	



55	NGUYỄN THÀNH TÀI	Mãi	Xác định thời hạn	16/12/2020	9123820926	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THÀNH TÀI-101872307509-VIETINBANK CN KG	371716883	
56	THỊ HỌC	Gỏi	Xác định thời hạn	16/12/2020	9122522631	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ HỌC-100868131891-VIETINBANK CN KG	371555788	
57	LÊ HUY HOÀNG	Mãi	Xác định thời hạn	16/12/2020	9123417856	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ HUY HOÀNG-106872608516-VIETINBANK CN KG	372007502	
58	LÊ THỊ HÂY	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	16/12/2020	9122190129	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ HÂY-101872608511-VIETINBANK CN KG	371588132	
59	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	16/12/2020	9123947759	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG-100872608512-VIETINBANK CN KG	371027364	
60	NGUYỄN THỊ NHIÊN	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	16/12/2020	9121765964	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ NHIÊN-104872608532-VIETINBANK CN KG	371083745	
61	NGUYỄN NHỰT HẢO	Bảo trì	Xác định thời hạn	08/01/2021	9121876782	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN NHỰT HẢO-101872608535-VIETINBANK CN KG	371734282	
62	NGUYỄN VĂN QUỐC	Cán	Xác định thời hạn	23/12/2020	9122369744	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN QUỐC-108872671615-VIETINBANK CN KG	371592422	
63	DANH HUỆ	Mãi	Xác định thời hạn	23/12/2020	9122572797	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH HUỆ-109872671626-VIETINBANK CN KG	371796224	

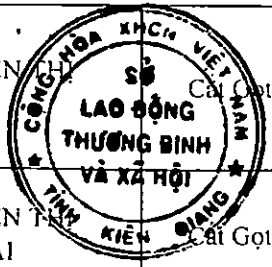
64	VÔ THỊ KIM CHI	Ép	Xác định thời hạn	23/12/2020	9121772807	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	VÔ THỊ KIM CHI- 100872671625- VIETINBANK CN KG	371675864	
65	LÊ THỊ TRÚC LINH	Kế toán	Xác định thời hạn	18/01/2021	9122438444	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ TRÚC LINH- 108872809364- VIETINBANK CN KG	371896021	
66	TRẦN THANH TÂN	Cán	Xác định thời hạn	03/01/2021	9122521205	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN THANH TÂN- 106872689935- VIETINBANK CN KG	371936565	
67	THỊ HUYNH	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	03/01/2021	9122306171	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ HUYNH- 103872689938- VIETINBANK CN KG	371520383	
68	TRƯƠNG THANH HẢI	Cán	Xác định thời hạn	03/01/2021	9222686516	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRƯƠNG THANH HẢI-102872689939- VIETINBANK CN KG	09208400136 5	
69	THỊ İA TÓ	Kho	Xác định thời hạn	03/01/2021	9122473788	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ İA TÓ- 109872689932- VIETINBANK CN KG	371868965	
70	HỒ THỊ THU NGUYỆT	Qc Bàn	Xác định thời hạn	13/01/2021	7929009104	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	HỒ THỊ THU NGUYỆT- 103872714973- VIETINBANK CN KG	372108391	
71	VÕ THỊ NGỌC PHƯỢNG	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	13/01/2021	7515129377	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	VÕ THỊ NGỌC PHƯỢNG- 104872714969- VIETINBANK CN KG	371606756	
72	TRẦN YẾN CHÂN	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	19/01/2021	9116005284	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN YẾN CHÂN- 108872742721- VIETINBANK CN KG	370807379	
73	THỊ ÚT HUYỀN	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	19/01/2021	7416294395	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ ÚT HUYỀN- 100872742717- VIETINBANK CN KG	371446481	

74	NGUYỄN VĂN NGOAN		Xác định thời hạn	26/01/2021	9122890584	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN NGOAN- 101872742730- VIETINBANK CN KG	371660648	
75	VÔ THỊ LÃY	Cát Gọt	Xác định thời hạn	01/03/2021	8723391094	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	VÔ THỊ LÃY- 100872847940- VIETINBANK CN KG	341755449	
76	THỊ SỐC KHA	Cát Gọt	Xác định thời hạn	01/03/2021	9111003281	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	THỊ SỐC KHA- 105872847945- VIETINBANK CN KG	371646331	
77	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	9122245732	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN TRUNG NGHĨA- 109872847953- VIETINBANK CN KG	371692397	
78	DANH DIỆU	Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	8015052941	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	DANH DIỆU- 101872847951- VIETINBANK CN KG	371672710	
79	THỊ BÍCH TRUYỀN	Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	8012007544	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	THỊ BÍCH TRUYỀN- 102872847950- VIETINBANK CN KG	371669373	
80	LÝ VĂN THANH	Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	9123204212	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	LÝ VĂN THANH- 109872847965- VIETINBANK CN KG	371858008	
81	VÔ VĂN CHÈN	Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	9116003878	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	VÔ VĂN CHÈN- 108872847966- VIETINBANK CN KG	371344910	
82	DANH CHEN	Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	9116004117	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	DANH CHEN- 103872847947- VIETINBANK CN KG	371486558	
83	NGUYỄN HOÀNG DIỆP	Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	9122978687	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN HOÀNG DIỆP-109872847938- VIETINBANK CN KG	371763454	

84	NGUYỄN VĂN NAM	Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	7516015884	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN NAM-105872847957-VIETINBANK CN KG	371441328	
85	DANH BÈN	Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	9123938460	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH BÈN-104872847960-VIETINBANK CN KG	371282358	
86	NGUYỄN VĂN TÀI	Mài	Xác định thời hạn	01/03/2021	7416118230	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN TÀI-100872847937-VIETINBANK CN KG	381671280	
87	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN	Qc Ép	Xác định thời hạn	01/03/2021	9116003099	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN-104872847946-VIETINBANK CN KG	371303173	
88	PHẠM ÚT HIỀN	Cán	Xác định thời hạn	04/03/2021	7412083582	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	PHẠM ÚT HIỀN-106872847995-VIETINBANK CN KG	371101826	
89	NGUYỄN VĂN HẦY	Cán	Xác định thời hạn	04/03/2021	9124116065	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN HẦY-102872848006-VIETINBANK CN KG	371885065	
90	LƯU THỊ TRÚC PHƯƠNG	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	04/03/2021	9121821152	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LƯU THỊ TRÚC PHƯƠNG-109872847992-VIETINBANK CN KG	372057383	
91	GIANG THỊ THỦY	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	04/03/2021	8911000268	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	GIANG THỊ THỦY-103872847998-VIETINBANK CN KG	351671586	
92	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Đóng Gói	Xác định thời hạn	04/03/2021	8621984477	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN-105872847996-VIETINBANK CN KG	331824764	
93	ĐẶNG CHÍ TÌNH	Ép	Xác định thời hạn	04/03/2021	9122503737	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	ĐẶNG CHÍ TÌNH-101872848007-VIETINBANK CN KG	371726898	

94	PHẠM THỊ NHI		Xác định thời hạn	04/03/2021	9123338557	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	PHẠM THỊ THẢO NHI-109872848009- VIETINBANK CN KG	371532804	
95	ĐẶNG TÂN KHUYẾN		Xác định thời hạn	04/03/2021	7513166631	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	ĐẶNG TÂN KHUYẾN- 103872847986- VIETINBANK CN KG	371186246	
96	DƯƠNG DIỄM MY	Qc Ép	Xác định thời hạn	04/03/2021	9122711114	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	DƯƠNG DIỄM MY- 109872848012- VIETINBANK CN KG	371793342	
97	TRƯƠNG HOÀNG LONG	Qc Bàn	Xác định thời hạn	04/03/2021	9122361630	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	TRƯƠNG HOÀNG LONG- 107872848001- VIETINBANK CN KG	371811425	
98	NGUYỄN THỊ YÊN	Qc Ép	Xác định thời hạn	06/03/2021	9122149948	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ YÊN- 104872307628- VIETINBANK CN KG	372065195	
99	ĐỖ HOÀI NAM	Mãi	Xác định thời hạn	06/03/2021	9121820216	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	ĐỖ HOÀI NAM- 104872847973- VIETINBANK CN KG	371895124	
100	MAI THỊ KIM DUYÊN	Cất Gọt	Xác định thời hạn	06/03/2021	9122979207	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	MAI THỊ KIM DUYÊN- 106872847968- VIETINBANK CN KG	371939168	
101	GIANG HƯƠNG HIẾU	Mãi	Xác định thời hạn	06/03/2021	9123865739	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	GIANG HƯƠNG HIẾU-107872847982- VIETINBANK CN KG	372091216	
102	PHẠM VĂN HÒA	Tài Xé	Xác định thời hạn	12/03/2021	9122302135	06/8/2021	06/8/2021- 20/9/2021	3.710.000	PHẠM VĂN HÒA- 104872883196- VIETINBANK CN KG	371446042	

103	NGÔ VĂN ĐỆ	Cán	Xác định thời hạn	13/03/2021	9122867544	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGÔ VĂN ĐỆ- 102872901422- VIETINBANK CN KG	371431183	
104	LÊ THÀNH TO	Cán	Xác định thời hạn	13/03/2021	7424122240	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THÀNH TO- 107872901402- VIETINBANK CN KG	371575076	
105	KHA THU THẢO	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	13/03/2021	7515059659	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	KHA THU THẢO- 104006089261- VIETINBANK CN ĐỒNG NAI	371544329	
106	NGUYỄN THỊ THOẠI MỸ	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	13/03/2021	9122386226	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ THOẠI MỸ- 105872901387- VIETINBANK CN KG	371975729	
107	KIM THỊ	Dập	Xác định thời hạn	13/03/2021	9122146860	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	KIM THỊ- 103872901421- VIETINBANK CN KG	371034494	
108	TRẦN CHÍ HẢI	Ép	Xác định thời hạn	13/03/2021	9222275587	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN CHÍ HẢI- 104872901388- VIETINBANK CN KG	09209100519 8	
109	LÊ THỊ THƠ	Kho	Xác định thời hạn	13/03/2021	9122942895	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ THƠ- 101872901408- VIETINBANK CN KG	371698904	
110	LÊ VĂN TOÀN	Mài	Xác định thời hạn	13/03/2021	9122214204	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ VĂN TOÀN- 107872901397- VIETINBANK CN KG	371865223	
111	NGUYỄN VŨ HẢI	Mài	Xác định thời hạn	13/03/2021	9121670949	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VŨ HẢI- 101872901411- VIETINBANK CN KG	371735541	
112	LÊ THỊ CHÚC LINH	Xịt Bụi	Xác định thời hạn	13/03/2021	7409008061	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ CHÚC LINH- 101872901423- VIETINBANK CN KG	371059168	

113	NGUYỄN LOAN		Xác định thời hạn	20/03/2021	7515044488	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ LOAN-108872926441-VIETINBANK CN KG	371766109	
114	NGUYỄN THỊ KIM HAI	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	20/03/2021	7409302414	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ KIM HAI-106872926443-VIETINBANK CN KG	352738449	
115	LÊ THỊ DIỆU	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	20/03/2021	9522007815	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ DIỆU-101872926450-VIETINBANK CN KG	385792396	
116	THỊ NU	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	20/03/2021	9123418293	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ NU-109872926440-VIETINBANK CN KG	371633091	
117	DANH THỊ CHUYỀN	Đóng Gói	Xác định thời hạn	20/03/2021	7515130953	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH THỊ CHUYỀN-105872926456-VIETINBANK CN KG	371787516	
118	TRẦN HOÀNG ANH	Qc Ép	Xác định thời hạn	20/03/2021	7416068134	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN HOÀNG ANH-103872926458-VIETINBANK CN KG	371748092	
119	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Qc Ép	Xác định thời hạn	20/03/2021	8925560574	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN HOÀNG QUÂN-102872926447-VIETINBANK CN KG	371862594	
120	LÊ HỮU NHÂN	Cán	Xác định thời hạn	27/03/2021	9121815660	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ HỮU NHÂN-105873005627-VIETINBANK CN KG	372070461	
121	TRẦN TUÂN TRƯỜNG	Cán	Xác định thời hạn	27/03/2021	9122053678	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN TUÂN TRƯỜNG-101873005621-VIETINBANK CN KG	371879572	

122	NGUYỄN ĐỨC THÁI SƠN	Cán	Xác định thời hạn	27/03/2021	9122345255	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN ĐỨC THÁI SƠN- 109873005635- VIETINBANK CN KG	371829131	
123	HÀ CHÍ LIÊM	Cán	Xác định thời hạn	27/03/2021	9124002179	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	HÀ CHÍ LIÊM- 109871571178- VIETINBANK CN KG	371721837	
124	TRẦN THỊ THU TRINH	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	27/03/2021	9122108182	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN THỊ THU TRINH- 103873005629- VIETINBANK CN KG	371925069	
125	TRƯƠNG HOÀNG CHANH	Dập	Xác định thời hạn	27/03/2021	7936209024	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRƯƠNG HOÀNG CHANH- 102873005645- VIETINBANK CN KG	371195478	
126	LÊ THỊ HOÀNG MAI	Nấu ăn	Xác định thời hạn	20/04/2021	7516039028	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ HOÀNG MAI-101867463845- VIETINBANK CN KG	370991108	
127	TRỊNH THỊ THÙY	Nấu ăn	Xác định thời hạn	20/04/2021	9123462504	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRỊNH THỊ THÙY- 106873005641- VIETINBANK CN KG	370791915	
128	LÊ THỊ TỎ QUYÊN	Qc Bàn	Xác định thời hạn	27/03/2021	9222774656	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ TỎ QUYÊN- 106873005626- VIETINBANK CN KG	362469747	
129	TRẦN ANH NHẬT	Ép	Xác định thời hạn	03/04/2021	9122179813	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN ANH NHẬT- 105873005654- VIETINBANK CN KG	372065383	
130	NGUYỄN TRƯỜNG TAM	Mài	Xác định thời hạn	03/04/2021	7711008482	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN TRƯỜNG TAM-107873005652- VIETINBANK CN KG	370988972	

131	CHÂU THỊ CẨM TIÊN		Xác định thời hạn	03/04/2021	9122206341	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	CHÂU THỊ CẨM TIÊN-103873005671-VIETINBANK CN KG	371932575	
132	LƯU THỊ KIM THÙY		Xác định thời hạn	03/04/2021	9122380880	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LƯU THỊ KIM THÙY-108873005649-VIETINBANK CN KG	371423609	
133	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Dập	Xác định thời hạn	10/04/2021	9124128193	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG-102873042650-VIETINBANK CN KG	371505713	
134	VÔ THỊ KHANG	Đóng Gói	Xác định thời hạn	10/04/2021	7515147637	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	VÔ THỊ KHANG-103873042647-VIETINBANK CN KG	371580996	
135	TRẦN BÍCH SON	Nấu ăn	Xác định thời hạn	03/05/2021	9122432092	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN BÍCH SON-109873042641-VIETINBANK CN KG	371252453	
136	TĂNG QUÍ TÌNH	Mãi	Xác định thời hạn	10/04/2021	7515141386	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TĂNG QUÍ TÌNH-102873042648-VIETINBANK CN KG	371566898	
137	LÊ VĂN HÀ	Mãi	Xác định thời hạn	10/04/2021	7413277388	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ VĂN HÀ-105873042645-VIETINBANK CN KG	371187464	
138	THỊ NGỌC QUYÊN	Kế hoạch	Xác định thời hạn	02/06/2021	9123484424	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ NGỌC QUYÊN-100873042652-VIETINBANK CN KG	371853213	
139	NGUYỄN THỊ ÚT MẾN	Xịt Bụi	Xác định thời hạn	10/04/2021	9122298828	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ ÚT MẾN-108873042654-VIETINBANK CN KG	371419893	
140	DANH THỪA	Kho	Xác định thời hạn	17/04/2021	9124098369	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH THỪA-100873069058-VIETINBANK CN KG	371191328	

141	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Nấu ăn	Xác định thời hạn	10/05/2021	9121813837	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN - 103873069055 - VIETINBANK CN KG	371299504	
142	DANH HOÀNG LINH	Kho	Xác định thời hạn	17/04/2021	9124180391	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH HOÀNG LINH - 102873069056 - VIETINBANK CN KG	371750327	
143	TRẦN VĂN HẾT	Cán	Xác định thời hạn	30/04/2021	7913324582	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN VĂN HẾT - 102873154511 - VIETINBANK CN KG	371510069	
144	NGÔ THỊ MỸ VY	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	17/05/2021	9121686652	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGÔ THỊ MỸ VY - 105873281745 - VIETINBANK CN KG	371601538	
145	HUỲNH THỊ TRANG	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	17/05/2021	9124128607	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	HUỲNH THỊ TRANG - 104873281746 - VIETINBANK CN KG	371949381	
146	ĐỖ THÀNH PHÁP	Kho	Xác định thời hạn	17/05/2021	7516158404	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	ĐỖ THÀNH PHÁP - 103873281747 - VIETINBANK CN KG	371789445	
147	TRƯƠNG VĂN CỬA	Mài	Xác định thời hạn	17/05/2021	9122200291	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRƯƠNG VĂN CỬA - 102873281748 - VIETINBANK CN KG	371679906	
148	LIÊU QUỐC PHÚ	Qc Ép	Xác định thời hạn	17/05/2021	9121814701	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LIÊU QUỐC PHÚ - 101873281749 - VIETINBANK CN KG	371960325	
149	HUỲNH THỊ NHƯ Ý	Qc Bàn	Xác định thời hạn	17/05/2021	9122483159	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	HUỲNH THỊ NHƯ Ý - 102873281750 - VIETINBANK CN KG	371975374	
150	BÙI VĂN NGÀI	Qc Bàn	Xác định thời hạn	17/05/2021	9122552169	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	BÙI VĂN NGÀI - 101873281751 - VIETINBANK CN KG	371839842	

151	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH		Xác định thời hạn	17/05/2021	9116002956	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH-104871120296-VIETINBANK CN KG	371348055	
152	NGUYỄN QUỲNH	ai Gọt	Xác định thời hạn	17/05/2021	9124120002	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THUY QUỲNH-108873281754-VIETINBANK CN KG	371214312	
153	HUỶNH TÂN TRIỆU	Giao hàng	Xác định thời hạn	21/05/2021	9122610292	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	HUỶNH TÂN TRIỆU-106873298763-VIETINBANK CN KG	371475939	
154	PHAN VĂN ĐÔ	Ép	Xác định thời hạn	21/05/2021	9124178742	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	PHAN VĂN ĐÔ-103873298766-VIETINBANK CN KG	371979755	
155	THỊ DẬY	Vệ sinh	Xác định thời hạn	21/05/2021	9122312122	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	THỊ DẬY-100873298772-VIETINBANK CN KG	370928619	
156	DANH NGỌC NGUYỄN	Dập	Xác định thời hạn	31/05/2021	9122438494	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH NGỌC NGUYỄN-101873387971-VIETINBANK CN KG	371986167	
157	HUỶNH QUỐC HUY	Dập	Xác định thời hạn	31/05/2021	9121661810	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	HUỶNH QUỐC HUY-109873387973-VIETINBANK CN KG	372019453	
158	LÊ VĂN HẬU	Ép	Xác định thời hạn	31/05/2021	7408195783	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ VĂN HẬU-107872926442-VIETINBANK CN KG	351730134	
159	NGUYỄN NGỌC DANH	Ép	Xác định thời hạn	31/05/2021	7516053546	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN NGỌC DANH-107873387975-VIETINBANK CN KG	371811308	

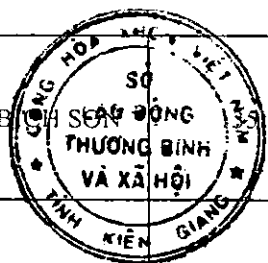
160	TRẦN PHI HÙNG	Ép	Xác định thời hạn	25/05/2021	7510164022	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN PHI HÙNG- 105006568176- VIETINBANK CN ĐỒNG NAI	372130460	
161	TRẦN VĂN MẠNH HÙNG	Ép	Xác định thời hạn	25/05/2021	7510134784	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN VĂN MẠNH HÙNG- 106873387976- VIETINBANK CN KG	351678739	
162	LÝ THỊ THẨM	Cắt Gọt	Xác định thời hạn	01/06/2021	9123095782	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÝ THỊ THẨM- 104872549344- VIETINBANK CN ĐỒNG NAI	371617515	
163	VÕ VĂN ĐỆ	Kho	Xác định thời hạn	25/05/2021	7913088935	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	VÕ VĂN ĐỆ- 107867320644- VIETINBANK CN ĐỒNG NAI	331761575	
164	VÕ VĂN ĐỆ ANH	Kho	Xác định thời hạn	05/05/2021	9123865389	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	VÕ VĂN ĐỆ ANH- 105873387977- VIETINBANK CN KG	372109011	
165	DANH THANH LONG	Mài	Xác định thời hạn	05/05/2021	9122333497	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	DANH THANH LONG- 104873387978- VIETINBANK CN KG	371626639	
166	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	Kho	Xác định thời hạn	01/06/2021	9123888394	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN THỊ TUYẾT MAI-105872671620- VIETINBANK CN KG	340879660	
167	TRẦN VĂN HƯỜNG	Mài	Xác định thời hạn	09/06/2021	9123458610	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	TRẦN VĂN HƯỜNG- 103873387981- VIETINBANK CN KG	371829185	
168	LÊ THỊ MỸ HUYỀN	Qc Bàn	Xác định thời hạn	04/06/2021	7516061925	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ THỊ MỸ HUYỀN- 107870292159- VIETINBANK CN ĐỒNG NAI	371759039	

169	NGUYỄN MINH BĂNG	Kế hoạch	Xác định thời hạn	04/06/2021	7515059876	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN MINH BĂNG-105006522746-VIETINBANK CN ĐỒNG NAI	291002559	
170	QUÁCH KHANH	Bảo Trì	Xác định thời hạn	04/06/2021	7516104057	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	QUÁCH KHANH-109867357642-VIETINBANK CN ĐỒNG NAI	371651332	
171	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	Qc Bàn	Xác định thời hạn	16/06/2021	7415125498	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG-108873419192-VIETINBANK CN KG	371814192	
172	LÊ HÀ HOÀI ĐỨC	Bảo Trì	Xác định thời hạn	23/06/2021	9122406637	06/8/2021	06/8/2021-20/9/2021	3.710.000	LÊ HÀ HOÀI ĐỨC-106873476317-VIETINBANK CN KG	371744840	
13.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							35.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 13.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	BÙI VĂN HƯƠNG	6	BÙI KIM NGÂN	01/11/2017	LÊ THỊ MỸ ÁI	371173333	1.000.000	BÙI VĂN HƯƠNG-100872307500-VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371093403		
2	LÊ THỊ MỸ LINH	8	LÝ LÊ KHÁNH NGỌC	05/08/2018	LÝ HOÀNG SƯƠNG	371425002	1.000.000	LÊ THỊ MỸ LINH-101872307512-VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371482951		
3	HÌNH THỊ NGỌC CẨM	13	VÕ HÌNH THIÊN	14/05/2017	VÕ VĂN HẬN	371347200	1.000.000	HÌNH THỊ NGỌC CẨM-103872307547-VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371541128		

4	THỊ KIM XÂY	18	DANH KIM HUYỀN ANH	07/04/2018	DANH AN NINH	371520896	1.000.000	THỊ KIM XÂY- 104872307558- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371422752	
5	THỊ MỸ LINH	24	ĐÀO NHẬT DUY	04/09/2019	ĐÀO TÂN TÀI	371411639	1.000.000	THỊ MỸ LINH- 103872307586- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371909352	
6	PHẠM THỊ BÍCH NHƯ	33	NGUYỄN PHẠM NGỌC MY	03/01/2017	NGUYỄN VĂN MUM	366064678	1.000.000	PHẠM THỊ BÍCH NHƯ-104872307630- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371677104	
7	HUỖNH THỊ XUÂN THẢO	38	LÝ HUỖNH GIA HUY	01/07/2019	LÝ TÂN ĐĂNG	371343091	1.000.000	HUỖNH THỊ XUÂN THẢO- 108872412451- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371713255	
8	NGUYỄN VĂN TÀI ANH	43	NGUYỄN NHẬT LONG	29/03/2017	NGUYỄN THỊ PHUỘNG HẰNG	371546920	1.000.000	NGUYỄN VĂN TÀI ANH-106872496445- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371477482	
9	NGUYỄN THANH ĐIỀN	47	NGUYỄN CÔNG KHANH	23/05/2020	NGUYỄN THỊ QUỲNH	271544465	1.000.000	NGUYỄN THANH ĐIỀN-105872576694- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371632884	
10	TRẦN LÊ HOÀNG ÂN	49	TRẦN HỒ BẢO LAM	30/09/2020	HỒ NGỌC SỬ	371655237	1.000.000	TRẦN LÊ HOÀNG ÂN-104872576700- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371518016	
11	THỊ KIM HIỀN	51	LƯƠNG CHÍ BẢO	28/10/2017	LƯƠNG MINH NGUYỄN	371102121	1.000.000	THỊ KIM HIỀN- 105872576709- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371717178	

12	NGUYỄN THỊ NHIÊN		NGUYỄN LÊ HỒNG SƠN	21/11/2018			1.000.000	NGUYỄN THỊ NHIÊN- 104872608532- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371083745	
13	VÔ THỊ NGỌC PHƯỢNG	71	ĐÀO ĐĂNG KHÔI	06/02/2017	ĐÀO NGỌC KHÁ	371205797	1.000.000	VÔ THỊ NGỌC PHƯỢNG- 104872714969- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371606756	
14	THỊ SỐC KHA	76	DANH BI	20/04/2019	DANH CHEN	371486558	1.000.000	THỊ SỐC KHA- 105872847945- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371646331	
15	NGUYỄN VĂN NAM	84	NGUYỄN ĐỨC THIÊN QUÂN	05/10/2017	ĐINH THỊ THÚY LY	371563589	1.000.000	NGUYỄN VĂN NAM-105872847957- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371441328	
16	DANH BÈN	85	DANH THỊ ÁI HÂN	25/07/2016	DANH THỊ TÁM HOA	371429899	1.000.000	DANH BÈN- 104872847960- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371282358	
17	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	87	NGÔ GIA BẢO	01/06/2018	NGÔ VĂN ĐỆ	371431183	1.000.000	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN-104872847946- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371303173	
18	LƯU THỊ TRÚC PHƯƠNG	90	HUỶNH LÊ TƯỜNG VY	06/12/2018	HUỶNH LÊ TUẤN	371548102	1.000.000	LƯU THỊ TRÚC PHƯƠNG- 109872847992- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	372057383	

19	GIANG HƯƠNG HIÊU	101	GIANG QUỐC KHAI	09/03/2019	TRẦN THỊ BẢO XUYỀN	371228191	1.000.000	GIANG HƯƠNG HIÊU-107872847982- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	372091216	
20	TRẦN CHÍ HẢI	108	TRẦN NGUYỄN HẢI HÒA	17/08/2020	NGUYỄN THỊ TÀI LINH	371614551	1.000.000	TRẦN CHÍ HẢI- 104872901388- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	092091005198	
21	NGUYỄN THỊ KIM HAI	114	LÊ NGUYỄN HỒNG ANH	31/08/2016	LÊ VĂN HẦU	351730134	1.000.000	NGUYỄN THỊ KIM HAI-106872926443- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	352738449	
22	DANH THỊ CHUYÊN	117	TRƯƠNG VĂN ĐẠT	19/06/2016	TRƯƠNG VĂN PHONG	372116656	1.000.000	DANH THỊ CHUYÊN- 105872926456- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371787516	
23	TRẦN THỊ THU TRÌNH	124	TRẦN TUẤN ANH	01/01/2020	TRẦN TUẤN TRƯỜNG	371879572	1.000.000	TRẦN THỊ THU TRÌNH- 103873005629- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371925069	
24	TRỊNH THỊ THÙY	127	LÊ THÙY LÂM	25/01/2016	LÊ THANH HIỀN	371012759	1.000.000	TRỊNH THỊ THÙY- 106873005641- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	370791915	
25	NGUYỄN TRƯỜNG TAM	130	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHU	07/11/2019	TRẦN THỊ KIM RAO	371167412	1.000.000	NGUYỄN TRƯỜNG TAM-107873005652- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	370988972	
26	VÕ THỊ KHANG	134	TĂNG KIM TUYẾT	20/08/2019	TĂNG QUÍ TÌNH	371566898	1.000.000	VÕ THỊ KHANG- 103873042647- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371580996	



27	TRẦN BÌNH		HỒ ÁI HÂN	21/05/2018	HỒ MINH HẢI	371357830	1.000.000	TRẦN BÌNH SƠN- 109873042641- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371252453	
28	DANH THỪA	140	DANH THỊ TUYẾT NHI	20/06/2019	DANH THỊ KIM VÂN	371607616	1.000.000	DANH THỪA- 100873069058- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371191328	
29	DANH THỪA	140	DANH HỮU TÍNH	23/08/2017	DANH THỊ KIM VÂN	371607616	1.000.000	DANH THỪA- 100873069058- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371191328	
30	TRẦN VĂN HẾT	143	TRẦN DIỆU TÂM	28/01/2019	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	091192002383	1.000.000	TRẦN VĂN HẾT- 102873154511- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371510069	
31	TRẦN VĂN HẾT	143	TRẦN DIỆU THIỆN	08/09/2016	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	091192002383	1.000.000	TRẦN VĂN HẾT- 102873154511- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371510069	
32	NGÔ THỊ MỸ VY	144	NGÔ GIA LONG	29/03/2017	NGÔ VĂN THỪA	371358817	1.000.000	NGÔ THỊ MỸ VY- 105873281745- VIETINBANK CHI NHÁNH KIÊN GIANG	371601538	
33	LÝ THỊ THẨM	162	TRẦN NHẬT HẢO	29/07/2019	TRẦN PHI HÙNG	372130460	1.000.000	LÝ THỊ THẨM- 104872549344- VIETINBANK CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	371617515	
34	LÊ THỊ MỸ HUYỀN	168	QUÁCH HÙNG	11/06/2017	QUÁCH KHANH	371651332	1.000.000	LÊ THỊ MỸ HUYỀN- 107870292159- VIETINBANK CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	371759039	

35	NGUYỄN MINH BẢNG	169	NGUYỄN MINH KHÔI	01/10/2019	KIỀU THỊ MỘNG KHA	363830242	1.000.000	NGUYỄN MINH BẢNG- 105006522746- VIETINBANK CHI NHANH TÂY NINH	291002559		
XIV	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN NT						691.250.000				
14.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						649.250.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Lê Thị Phấn	Công nhân cấp dưỡng	HĐLĐ không thời hạn	01/06/2017	9116019016	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Lê Thị Phấn, 75010000380745, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371621059	
2	Trần Văn Hoài	Công nhân bốc xếp	HĐLĐ không thời hạn	01/03/2017	9116017835	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371436146	Nhận trực tiếp
3	Huỳnh Nhị Kim	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	01/11/2015	9115014108	19/07/2021	19.07.2021 đến 31.08.2021	3.710.000	Huỳnh Nhị Kim, 1023517192, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371804329	
4	Võ Văn Tý	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	01/06/2017	9116019015	19/07/2021	19.07.2021 đến 31.08.2021	3.710.000		370975729	Nhận trực tiếp
5	Tiêu Văn Lến	Công nhân phục vụ	HĐLĐ xác định thời hạn	04/01/2019	9122732832	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371037076	Nhận trực tiếp
6	Trần Tấn Ty	Công nhân phục vụ	HĐLĐ xác định thời hạn	04/01/2019	9122627488	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371502034	Nhận trực tiếp
7	Ngô Văn Linh	Công nhân phục vụ	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2019	9122680047	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371555508	Nhận trực tiếp

8	Huỳnh Văn Tài	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122375309	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Huỳnh Văn Tài, 1023517153, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371954736	
9	Thị Thi	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/04/2013	9113006654	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371510417	Nhận trực tiếp
10	Thị Cẩm Ánh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/11/2015	9115014102	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371227234	Nhận trực tiếp
11	Thị Liên	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/11/2015	9115014105	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371430838	Nhận trực tiếp
12	Nguyễn Thị Đào	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2017	9116024182	19/07/2021	19.07.2021 đến 31.08.2021	3.710.000	Nguyễn Thị Đào, 9392581916, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kỳ Đồng	371579356	
13	Võ Thị Thúy Oanh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2018	9122335483	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Võ Thị Thúy Oanh, 1023515521, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371672232	
14	Thị Thuận	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2018	9122279077	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370983268	Nhận trực tiếp
15	Thị Mạnh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2018	9123822888	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370887599	Nhận trực tiếp
16	Thị Ngọc	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2018	9122294970	19/07/2021	19.07.2021 đến 31.08.2021	3.710.000	Thị Ngọc, 7709205146402, AGRIBANK - Chi nhánh Kiên Giang II	371886751	
17	Nguyễn Thị Bé Diễm	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2018	9123849177	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371357017	Nhận trực tiếp
18	Thị Việt	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	03/01/2019	9122312609	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371592967	Nhận trực tiếp
19	Phạm Thị Giang	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	05/01/2019	9114011854	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371669103	Nhận trực tiếp

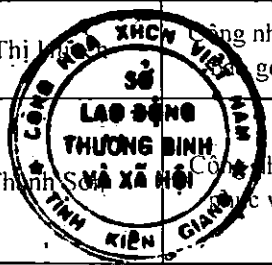
20	Quách Thị Phấn	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2019	9122801231	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Quách Thị Phấn, 1023517286, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	370980397	
21	Trần Thị Hồng Trang	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2019	9122763467	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Trần Thị Hồng Trang, 0091005505130, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371419165	
22	Thị Kim Huệ	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122780602	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Thị Kim Huệ, 7709205146142, AGRIBANK - Chi nhánh Kiên Giang II	371515710	
23	Trần Thị Mỹ Ly	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122772494	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370980601	Nhận trực tiếp
24	Trần Thị Cúc	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	7512027445	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371442495	Nhận trực tiếp
25	Trương Thị Được	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122686215	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371911530	Nhận trực tiếp
26	Ngô Thị Ngọc Bích	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122433654	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Ngô Thị Ngọc Bích, 7714205059527, AGRIBANK - Chi nhánh Bến Nhứt Kiên Giang II	371595884	
27	Danh Thị Cẩm Vân	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9123786316	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Danh Thị Cẩm Vân, ,	371250672	
28	Đỗ Thị Cẩm Tú	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/06/2020	9122777556	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Đỗ Thị Cẩm Tú, 7704205251654, AGRIBANK - Chi nhánh huyện An Biên Kiên Giang II	371240851	
29	Lê Thị Tho	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9122789065	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371090263	Nhận trực tiếp

30	Lê Thị Đan	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9122799188	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371280659	Nhận trực tiếp
31	Huỳnh Thị Mai	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9122732487	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Huỳnh Thị Tuyền Mai, 7704205100585, AGRIBANK - Chi nhánh huyện An Biên Kiên Giang II	371709773	
32	Đoàn Thị Mỹ Lệ	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/04/2013	9113006649	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371100123	Nhận trực tiếp
33	Đoàn Thị Vương	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/04/2013	9113006650	19/07/2021	19.07.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371621771	Nhận trực tiếp
34	Nguyễn Kim Sang	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/12/2014	9114011843	01/07/2021	01.07.2021 đến 31.08.2021	3.710.000	Nguyễn Kim Sang, 1023599000, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	370849810	
35	Nguyễn Thị Oanh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2008	9123447586	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370636555	Nhận trực tiếp
36	Huỳnh Trúc Trang	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2011	9111010914	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000		370226615	Nhận trực tiếp
37	Thị Nương	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2011	9111010929	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371024048	Nhận trực tiếp
38	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Nhân viên thống kê	HĐLĐ không thời hạn	08/01/2012	9112006934	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thanh Thùy, 75010000193493, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371090955	
39	Đặng Thị Hạnh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/04/2013	9113006652	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000		371331864	Nhận trực tiếp
40	Lý Thu Thủy	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/04/2013	9113006653	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000		371484769	Nhận trực tiếp

41	Huỳnh Thanh Huy	Nhân viên thống kê	HĐLĐ không thời hạn	01/04/2013	9113006663	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Huỳnh Thanh Huy, 75010000353349, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371422103	
42	Nguyễn Văn Nghĩa	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	01/12/2014	9114011853	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Nguyễn Văn Nghĩa, 9964183430, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kỳ Đồng	371814596	
43	Nguyễn Thị Chót	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/12/2014	9114011867	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000		370894822	Nhận trực tiếp
44	Thị Mỹ Linh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/12/2014	9114011862	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371798763	Nhận trực tiếp
45	Trương Thị Tiếng	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/12/2014	9114011864	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371574833	Nhận trực tiếp
46	Huỳnh Thị Bé Lan	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/12/2014	9114011858	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000		371226921	Nhận trực tiếp
47	Lê Hồng Gấm	Nhân viên thống kê	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2015	7413104750	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Lê Hồng Gấm, 75010000312854, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371419821	
48	Huỳnh Thị Bích	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/11/2015	9110004540	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371323124	Nhận trực tiếp
49	Nguyễn Ngọc Dung	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/11/2015	9115014122	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Dung, 1023516448, Vietcombank - PGD Rạch sỏi	371700426	
50	Mai Văn Vĩnh	Công nhân bao gói	HĐLĐ không thời hạn	01/11/2016	9116014757	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Mai Văn Vĩnh, 070108093216, Sacombank- Chi nhánh Kiên Giang	371851849	
51	Đặng Văn Bình	Công nhân tăng trọng	HĐLĐ không thời hạn	01/11/2016	9116014765	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371594148	Nhận trực tiếp

52	Huỳnh Thị Kim Hương	Nhà viên công nhân không kê	HĐLĐ không thời hạn	01/11/2016	9116014796	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Huỳnh Thị Kim Hương, 75010000357536, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371829363	
53	Trương Minh Kiên	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9122767560	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371721144	Nhận trực tiếp
54	Danh Ly Nguyên	Công nhân bốc xếp	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9122805646	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371065432	Nhận trực tiếp
55	Trần Thị Mỹ Trinh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9123487663	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370987448	Nhận trực tiếp
56	Ngô Thị Bích Tuyền	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9122714692	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000	Ngô Thị Bích Tuyền, 9366418641, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kỳ Đồng	370977100	
57	Đặng Thị Bé	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9122634803	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Đặng Thị Bé, 7709205146159, AGRIBANK - Chi nhánh Kiên Giang II	371262283	
58	Hà Thị Tuyền	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9122685081	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Hà Thị Tuyền, 7709205146165, AGRIBANK - Chi nhánh Kiên Giang II	371357188	
59	Nguyễn Thị Hằng Ny	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9123822883	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371538491	Nhận trực tiếp
60	Nguyễn Thị Loan	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9122706725	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371579222	Nhận trực tiếp
61	Nguyễn Thị Hồng Loan	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9122431708	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370975991	Nhận trực tiếp
62	Lê Út Chính	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9122660649	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Lê Út Chính, 9374322567, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kỳ Đồng	370975875	

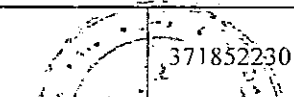
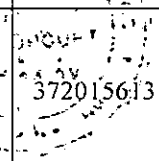
63	Phạm Văn Đê	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2018	9122628862	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Phạm Văn Đê, 1023517893, VIETCOMBANK, Chi nhánh Kiên Giang	371579353	
64	Vô Thị Thơm	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/03/2018	9123209543	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371198004	Nhận trực tiếp
65	Phạm Thị Sơn Ân	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/03/2018	9122617692	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Phạm Thị Sơn Ân, 7709205146215, AGRIBANK - Chi nhánh Kiên Giang II	371183580	
66	Trang Ngọc Diễm	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/03/2018	9122598539	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371294342	Nhận trực tiếp
67	Lê Thị Hằng	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/03/2018	9122113806	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371313173	Nhận trực tiếp
68	Phạm Văn An	Công nhân tăng trọng	HĐLĐ không thời hạn	01/03/2018	9122611037	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371239111	Nhận trực tiếp
69	Thái Thu Hà	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/05/2018	9122817296	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371107414	Nhận trực tiếp
70	Thị Mỹ Dung	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/05/2018	9122348306	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370983255	Nhận trực tiếp
71	Nguyễn Xuân Lai	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/05/2018	9123928154	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371173462	Nhận trực tiếp
72	Nguyễn Tuấn Vũ	Công nhân bao gói	HĐLĐ không thời hạn	01/05/2018	9123447587	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371538117	Nhận trực tiếp
73	Cao Văn Nguyễn	Công nhân bao gói	HĐLĐ không thời hạn	01/05/2018	9123928156	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371783123	Nhận trực tiếp
74	Phạm Thị Kiều Diễm	Nhân viên kế toán	HĐLĐ không thời hạn	01/05/2018	7914174623	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Phạm Thị Kiều Diễm, 75010000421705, BIDV chi nhánh Kiên Giang	385462863	



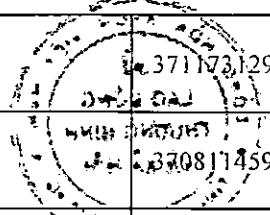
75	Danh Thị Lan	Công nhân gói	HĐLĐ không thời hạn	01/07/2018	9123986144	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371853926	Nhận trực tiếp
76	Trần Thanh Sơn	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2018	9122659268	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000	Trần Thanh Sơn, 1023525703, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371184225	
77	Nguyễn Thanh Tùng	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2018	9122629269	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370975761	Nhận trực tiếp
78	Trần Thị Nhớ	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2018	9122646086	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000	Trần Thị Nhớ, 9914531146, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kỳ Đồng	370992264	
79	Ngô Thị Mỹ Lan	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2018	7511173167	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370992344	Nhận trực tiếp
80	Trần Thanh Trường	Công nhân bao gói	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2018	9123492967	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371108966	Nhận trực tiếp
81	Trang Thanh Hòa	Nhân viên thống kê	HĐLĐ không thời hạn	01/09/2018	9123381580	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Trang Thanh Hòa, 75010000435894, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371741460	
82	Danh Chiên	Công nhân vận hành máy lạnh	HĐLĐ không thời hạn	01/09/2018	9123829078	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Danh Chiên, 75010000316704, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371503292	
83	Huỳnh Văn Long	Công nhân bốc xếp	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2018	9122564579	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Huỳnh Văn Long, 1023512197, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371896855	
84	Hồ Thị Linh	Công nhân bao gói	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2018	9123303267	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Hồ Thị Linh, 0871004212261, VIETCOMBANK - Chi nhánh Đồng Nai	371183731	

85	Trương Thị Khiêm	Công nhân bao gói	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2018	9122365040	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Trương Thị Khiêm, 1023562635, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371063788	
86	Nguyễn Thị Kim Lôi	Công nhân bao gói	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2018	9123924431	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371757989	Nhận trực tiếp
87	Nguyễn Lệ Chi	Công nhân bao gói	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2018	9122687682	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371252219	Nhận trực tiếp
88	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2019	9123322075	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371432586	Nhận trực tiếp
89	Võ Thị Bích	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/01/2019	9122821094	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371108920	Nhận trực tiếp
90	Huỳnh Thị Bé Tư	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	03/01/2019	9122783902	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Huỳnh Thị Bé Tư, 101874090122, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	370996328	
91	Ngô Kim Luyến	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	03/01/2019	9122770410	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Ngô Kim Luyến, 103874093072, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	370837608	
92	Nguyễn Thị Yên Lùng	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	04/01/2019	9122663244	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371429522	Nhận trực tiếp
93	Trần Văn Chí	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	04/01/2019	9122598073	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371184312	Nhận trực tiếp
94	Nguyễn Công Trình	Công nhân phục vụ	HĐLĐ không thời hạn	04/01/2019	9123299123	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Nguyễn Công Trình, 9822866662, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kỳ Đồng	371647712	
95	Nguyễn Thị Phượng	Công nhân bao gói	HĐLĐ không thời hạn	05/01/2019	9124133972	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371429545	Nhận trực tiếp

96	Lê Thị Lan	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	06/01/2019	9122797094	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Lê Thị Lan, 36491653, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long	371344625	
97	Ngô Thị Dung	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	06/01/2019	7413260488	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371183502	Nhận trực tiếp
98	Phan Thị Kim Ngân	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2019	9122776290	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371432694	Nhận trực tiếp
99	Nguyễn Thị Thủy	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2019	9122724696	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370753046	Nhận trực tiếp
100	Trương Ái Vân	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2019	9123253652	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000		371641110	Nhận trực tiếp
101	Triệu Cẩm My	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/08/2019	9122743445	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		372011484	Nhận trực tiếp
102	Nguyễn Thị Huyền	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/11/2019	9122690615	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000	Nguyễn Thị Huyền, 1023614204, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371538080	
103	Nguyễn Thị Thúy	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/12/2019	9124192849	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thúy, 7710205201832, AGRIBANK - Chi nhánh huyện An Minh KG II	370976073	
104	Trần Thị Hồng Xuyên	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/12/2019	9122928376	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Trần Thị Hồng Xuyên, 7713205112947, AGRIBANK - Chi nhánh huyện An Minh KG II	370997033	
105	Huỳnh Thị Bảo Trân	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/12/2019	9122758706	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Huỳnh Thị Bảo Trân, 36484263, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long	371344382	

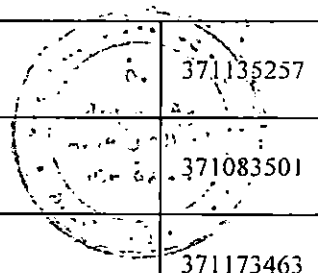
106	Lê Hung Yên	Công nhân phục vụ	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122829968	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371852230	
107	Huỳnh Minh Tuyền	Công nhân phục vụ	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122639832	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Huỳnh Minh Tuyền, 1023521230, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang		372015613
108	Lê Thị Xuân Mai	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122692470	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371239323	Nhận trực tiếp
109	Huỳnh Kim Soàn	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122305696	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370900421	Nhận trực tiếp
110	Dương Kim Thơ	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	7211031595	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000		370861396	Nhận trực tiếp
111	Trần Thị Ngân	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9123526987	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370931304	Nhận trực tiếp
112	Nguyễn Thị Lý	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122727401	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371344584	Nhận trực tiếp
113	Trần Kim Ba	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122345142	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370936389	Nhận trực tiếp
114	Tiêu Thị Mũi	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9123781076	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371037077	Nhận trực tiếp
115	Ngô Kim Oanh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122625066	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371251328	Nhận trực tiếp
116	Đoàn Thị Bé Vui	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122810525	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Đoàn Thị Bé Vui, 1023616746, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	355866458	
117	Nguyễn Thị Bạch Yến	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122699510	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371131292	Nhận trực tiếp

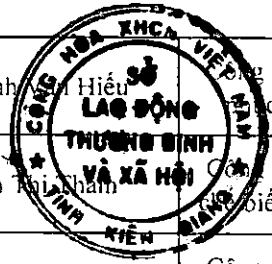
118	Thị Hoa	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122651791	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Thị Hoa, 36430953, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long	370975366	
119	Thị Phấn	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122616020	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371189698	Nhận trực tiếp
120	Thị Bạc	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9123764567	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Thị Bạc, 7714205059629, AGRIBANHK - Chi nhánh Bến Nhứt KG II	370928345	
121	Võ Thị Ngọc Diễm	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122403578	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370995015	Nhận trực tiếp
122	Thị Tuyết Mai	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122482854	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371712402	Nhận trực tiếp
123	Trần Kim Dị	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122548095	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370901868	Nhận trực tiếp
124	Thị Trang	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122381081	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000		371506421	Nhận trực tiếp
125	Huỳnh Thị Út	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122621634	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Huỳnh Thị Út, 1023522372, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371429049	
126	Nguyễn Thị Thu	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122633800	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu, 1023525401, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	370850166	
127	Thị Duyên	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122440912	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370758818	Nhận trực tiếp
128	Nguyễn Thị Nhân	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122541539	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Nguyễn Thị Nhân, 36437043, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long	371130109	

129	Thị Bích Vân	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122303653	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371173129	Nhận trực tiếp
130	Trần Thị Phương	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2020	9122584479	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370811459	Nhận trực tiếp
131	Thị Phương	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2020	9123978549	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Thị Phương, 070125648930, AGRIBANK - Chi nhánh Kiên Giang II	371814202	
132	Thị Bé Thương	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2020	7915067472	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Thị Bé Thương, 0091000675069, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371649950	
133	Thị Cẩm Diệp	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2020	9122348486	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371039318	Nhận trực tiếp
134	Lê Hồng Xuân	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2020	9123609710	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370834543	Nhận trực tiếp
135	Thị Noi	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2020	9122377373	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Thị Noi, 1023517023, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371905120	
136	Đặng Thị Liễu	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/06/2020	9123399732	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Đặng Thị Liễu, 1023516912, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	370907693	
137	Trần Kim Mai	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/06/2020	9122635458	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Trần Kim Mai, 36430563, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long	370753392	
138	Danh Quanh	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9116014759	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Danh Quanh, 029194090001, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371724172	
139	Nguyễn Thị Ly	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9122824397	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371966158	Nhận trực tiếp

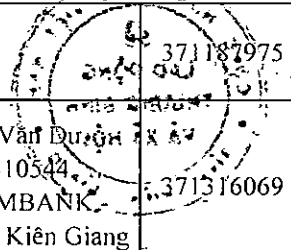


140	Trương Thị Mỹ Huyền	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9123447227	01/08/2021	01.08.2021 đến 31.08.2021	3.710.000	Trương Thị Mỹ Huyền, 1023598692, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	372095505	
141	Danh Thị Tiên	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9122257139	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Danh Thị Tiên, 7709205146425, AGRIBANK - Chi nhánh Kiên Giang II	371493741	
142	Thị SôNa	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9123352188	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370992896	Nhận trực tiếp
143	Thị Tho	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9123785747	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371357640	Nhận trực tiếp
144	Thị Thê	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9122606676	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371510755	Nhận trực tiếp
145	Phạm Thị Hồng	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9123945009	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Phạm Thị Hồng, 070120472990, Sacombank- - Chi nhánh Kiên Giang	371954123	
146	Nguyễn Thị Bích Liễu	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9123469966	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bích Liễu, ,	371222657	
147	Nguyễn Văn Hữu	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	7511172841	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hữu, 105868169159, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371579290	
148	Trần Thị Nhu	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9123476578	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371816088	Nhận trực tiếp
149	Trần Thị Thùy	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9122748139	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		372047191	Nhận trực tiếp
150	Nguyễn Thị Bé Ba	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	8023287019	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371323929	Nhận trực tiếp
151	Lý Minh Tú	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	7424372692	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371506119	Nhận trực tiếp

152	Lê Thanh Xuyên	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9123260161	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371135257	Nhận trực tiếp
153	Thị Sinh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9122740685	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371083501	Nhận trực tiếp
154	Nguyễn Hồng Tươi	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9123576628	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371173463	Nhận trực tiếp
155	Danh Thị Lan	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9111010926	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371475261	Nhận trực tiếp
156	Nguyễn Thị Nhiên	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9122409952	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371265075	Nhận trực tiếp
157	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9122841232	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371296861	Nhận trực tiếp
158	Hồ Thị Kiều Trang	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/03/2017	9116017838	01/08/2021	01.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371966621	Nhận trực tiếp
159	Phạm Văn Vạn	Công nhân nuôi tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2020	9121903633	02/08/2021	02.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371354367	Nhận trực tiếp
160	Lê Thị Trinh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/04/2013	9113006643	06/08/2021	06.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370321487	Nhận trực tiếp
161	Mai Thị Kim Hai	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/04/2013	9113006644	06/08/2021	06.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		371063489	Nhận trực tiếp
162	Nguyễn Hữu Thọ	Công nhân nuôi tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2021	9110002708	11/08/2021	11.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370939653	Nhận trực tiếp
163	Huỳnh Minh Dương	Công nhân bốc xếp	HĐLĐ không thời hạn	01/03/2018	9122296247	14/08/2021	14.08.2021 đến 20.09.2021	3.710.000		370983499	Nhận trực tiếp
164	Lê Tuyết Linh	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/05/2018	9123928144	17/08/2021	17.08.2021 đến 31.08.2021	1.855.000		371161512	Nhận trực tiếp
165	Dương Văn Thêm	Công nhân bốc xếp	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2011	9111010899	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371531278	Nhận trực tiếp



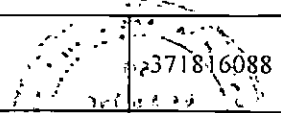
166	Huỳnh Văn Hiếu	Công nhân thợ nuôi tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2011	9111010903	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371506360	Nhận trực tiếp
167	Danh Thị Nhàn	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/10/2011	9111010931	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371290224	Nhận trực tiếp
168	Hồ Thị Em	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ không thời hạn	01/04/2013	9113006661	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		370826527	Nhận trực tiếp
169	Thị Nhang	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2018	9123822867	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	Thị Nhang, 1023653605, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371546530	
170	Nguyễn Thị Huệ	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2018	9123849158	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	Nguyễn Thị Huệ, 0091000587215, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371357216	
171	Liêu Thị Bích Tuyền	Công nhân chế biến tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2018	9124005836	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371129678	Nhận trực tiếp
172	Đỗ Thị Thi	Công nhân cấp dưỡng	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2018	9122828656	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	Đỗ Thị Thi, 75010000431670, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371107563	
173	Phạm Đức Tuấn	Nhân viên kỹ thuật nuôi tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2018	9121907286	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	Phạm Đức Tuấn, 75110000064444, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371337886	
174	Danh Chơn	Công nhân vận hành máy lạnh	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2018	9122302813	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	Danh Chơn, 75010000316759, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371573580	
175	Bùi Thị Bích Duyệt	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/10/2018	9122309747	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371886409	Nhận trực tiếp
176	Hứa Kim Mến	Công nhân nuôi tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2019	9123243810	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371670640	Nhận trực tiếp

177	Vu Văn Phát	Công nhân phục vụ	HĐLĐ xác định thời hạn	04/01/2019	9124124046	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		Nhận trực tiếp	
178	Thạch Văn Dư	Công nhân bốc xếp	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2019	9611003756	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	Thạch Văn Dư, 1023510544, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang		
179	Triệu Quốc Tính	Công nhân vận hành máy lạnh	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2019	9122784926	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	Triệu Quốc Tính, 75010000474994, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371783162	
180	Trang Lộc Thịnh	Công nhân vận hành máy lạnh	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2019	9510002724	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	Trang Lộc Thịnh, 75010000487114, BIDV chi nhánh Kiên Giang	385455435	
181	Huỳnh Thu Hà	Công nhân vệ sinh	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2019	9123659462	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371104233	Nhận trực tiếp
182	Nguyễn Minh Tuấn	Công nhân bốc xếp	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2019	9122363366	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371633733	Nhận trực tiếp
183	Huỳnh Ngọc Duy	Công nhân nuôi tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2019	9124184443	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371285183	Nhận trực tiếp
184	Danh Ra	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9122352969	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371938952	Nhận trực tiếp
185	Danh Quang	Tài xế xe 47 chỗ	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2020	9116005022	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		371075749	Nhận trực tiếp
186	Lê Văn Lân	Công nhân phục vụ	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9116019018	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	Lê Văn Lân, 1023513954, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371721087	
187	Nguyễn Văn Lượm Em	Công nhân nuôi tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	02/05/2021	7934466947	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000		351633897	Nhận trực tiếp

14.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai					3.000.000				
Stt	Họ và tên	Thứ tự tại mục 14.1				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú	
1	Lê Thị Lan	96				1.000.000	Lê Thị Lan, 36491653, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long	371344625		
2	Thị Noi	135				1.000.000	Thị Noi, 1023517023, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371905120		
3	Phạm Thị Hồng	145				1.000.000	Phạm Thị Hồng, 070120472990, Sacombank- - Chi nhánh Kiên Giang	371954123		
14.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em					39.000.000				
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 14.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	Nguyễn Ngọc Dung	49	Nguyễn Chí Hơ	17/11/2019	Nguyễn Văn Nguyên	371037176	1.000.000	Nguyễn Ngọc Dung, 1023516448, Vietcombank - PGD Rach soi	371700426	
2	Nguyễn Ngọc Dung	49	Nguyễn Ngọc Giao	26/10/2017	Nguyễn Văn Nguyên	371037176	1.000.000	Nguyễn Ngọc Dung, 1023516448, Vietcombank - PGD Rach soi	371700426	

3	Nguyễn Thị Phương	95	Danh Thị Huỳnh Như	25/03/2017	Danh Ngọc Hoàng Nam	371173894	1.000.000		371429545	Nhận trực tiếp
4	Trần Thị Cúc	24	Ngô Minh Hiếu	10/04/2017	Ngô Văn Linh	371555508	1.000.000		371442495	Nhận trực tiếp
5	Danh Chiên	82	Danh Hoàng Bách	06/07/2020	Thị Lệ	371573584	1.000.000	Danh Chiên, 75010000316704, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371503292	
6	Thị Bé Thương	132	Danh Thị Khánh Băng	19/10/2015	Thị Bé Thương	371649950	1.000.000	Thị Bé Thương, 0091000675069, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371649950	
7	Huỳnh Thị Kim Hương	52	Phan Huỳnh Duy Khang	25/09/2018	Phan Duy Khoa	371839198	1.000.000	Huỳnh Thị Kim Hương, 75010000357536, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371829363	
8	Trương Minh Khánh	53	Trương Đặng Anh Thư	27/09/2020	Đặng Thị Liên	371871092	1.000.000		371721144	Nhận trực tiếp
9	Huỳnh Văn Long	83	Huỳnh Minh Tiến	23/02/2020	Nguyễn Thị Ngọc Xuyến	372020107	1.000.000	Huỳnh Văn Long, 1023512197, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371896855	
10	Phạm Thị Giang	19	Nguyễn Thị Kim Thư	06/11/2020	Nguyễn Văn Nghĩa	371811596	1.000.000		371669103	Nhận trực tiếp
11	Phạm Thị Giang	19	Nguyễn Thị Kim Cương	25/01/2017	Nguyễn Văn Nghĩa	371811596	1.000.000		371669103	Nhận trực tiếp
12	Danh Thị Lan	155	Danh Thị Mai Anh	20/09/2017	Danh Túy	371475244	1.000.000		371475261	Nhận trực tiếp
13	Ngô Thị Mỹ Dung	97	Trần Yến Oanh	16/07/2017	Trần Thanh Thúy	371037063	1.000.000		371183502	Nhận trực tiếp

14	Lê Hồng Gấm	47	Trần Lê Bảo Kim	19/08/2016	Trần Trường Khanh	371564439	1.000.000	Lê Hồng Gấm, 75010000312854, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371419821	
15	Lê Hồng Gấm	47	Trần Lê Bảo Thi	19/06/2018	Trần Trường Khanh	371564439	1.000.000	Lê Hồng Gấm, 75010000312854, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371419821	
16	Dương Văn Thêm	165	Dương Minh Tý	18/08/2016	Phan Thị Bích Tiền	371531278	1.000.000		371531278	Nhận trực tiếp
17	Đoàn Thị Bé Vui	116	Đặng Thị Khánh Thu	28/05/2016	Đặng Quốc Khánh	371163754	1.000.000	Đoàn Thị Bé Vui, 1023616746, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	355866458	
18	Phạm Thị Kiều Diễm	74	Trần Tuệ An	21/02/2019	Trần Văn Lợi	371595657	1.000.000	Phạm Thị Kiều Diễm, 75010000421705, BIDV chi nhánh Kiên Giang	385462863	
19	Danh Quanh	138	Danh Thị Thúy Quỳnh	17/01/2021	Thị Bích Thuận	371918328	1.000.000	Danh Quanh, 029194090001, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371724172	
20	Trần Thị Hồng Trang	21	Lê Gia Bảo	25/04/2018	Lê Văn Dân	370989997	1.000.000	Trần Thị Hồng Trang, 0091005505130, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371419165	
21	Danh Chiên	82	Danh Duy Thắng	13/06/2018	Thị Lệ	371573581	1.000.000	Danh Chiên, 75010000316704, BIDV chi nhánh Kiên Giang	371503292	
22	Thị Phượng	131	Sơn Thị Bé Tư	26/02/2016	Sơn Danh Chết	371573581	1.000.000	Thị Phượng, 070125648930, AGRIBANK - Chi nhánh Kiên Giang II	371814202	

23	Trần Thị Nhu	148	Lê Minh Nhật	31/07/2018	Lê Tịnh Bao	372118138	1.000.000		371816088	Nhận trực tiếp
24	Nguyễn Công Trình	94	Nguyễn Ngọc Bích	14/08/2016	Huỳnh Thị Tú Quyên	371799404	1.000.000	Nguyễn Công Trình, 9822866662, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kỳ Đồng	371647712	
25	Nguyễn Công Trình	94	Nguyễn Bích Trâm	19/06/2021	Huỳnh Thị Tú Quyên	371799404	1.000.000	Nguyễn Công Trình, 9822866662, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kỳ Đồng	371647712	
26	Huỳnh Thị Bảo Trân	105	Trần Huỳnh Ngọc Hân	05/08/2020	Trần Văn Tính	371339576	1.000.000	Huỳnh Thị Bảo Trân, 36484263. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long	371344382	
27	Thị Trang	124	Thị Tú Trân	27/12/2017	Danh Long	370987461	1.000.000		371506421	Nhận trực tiếp
28	Nguyễn Thị Kim Lôi	86	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	23/09/2020	Nguyễn Vũ Luân	366210156	1.000.000		371757989	Nhận trực tiếp
29	Thị Cẩm Ánh	10	Danh Thị Hân Hân	15/12/2017	Danh Kện	370983273	1.000.000		371227234	Nhận trực tiếp
30	Nguyễn Thị Yến Lùng	92	Phạm Hoàng Bách	24/02/2017	Phạm Văn An	371239111	1.000.000		371429522	Nhận trực tiếp
31	Trần Thị Nhó	78	Huỳnh Kim Anh	26/07/2016	Huỳnh Văn Cường	371063370	1.000.000	Trần Thị Nhó, 9914531146, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kỳ Đồng	370992264	
32	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	157	Nguyễn Minh Nhật	31/12/2015	Nguyễn Văn Đây	371117021	1.000.000		371296861	Nhận trực tiếp
33	Hồ Thị Kiều Trang	158	Nguyễn Hồ Kiều Thơ	16/07/2020	Nguyễn Văn Khánh	371710117	1.000.000		371966621	Nhận trực tiếp

34	Nguyễn Thị Huyền	152	Trần Kim Long	21/12/2016	Trần Thanh Sơn	371184225	1.000.000	Nguyễn Thị Huyền, 1023614204, VIETCOMBANK - Chi nhánh Kiên Giang	371538080		
35	Lê Thanh Xuyên	152	Lê Khánh Băng	04/10/2018	Trần Thị Thu Lan	371530665	1.000.000		371135257	Nhận trực tiếp	
36	Lê Thanh Xuyên	152	Lê Thị Kim Xuyên	11/02/2016	Trần Thị Thu Lan	371530665	1.000.000		371135257	Nhận trực tiếp	
37	Huỳnh Thị Bích	48	Danh Minh Thiện	06/04/2018	Danh Minh	371227240	1.000.000		371323124	Nhận trực tiếp	
38	Danh Thị Tiền	141	Danh Minh Thắng	06/04/2016	Danh Tường	371503391	1.000.000	Danh Thị Tiền, 7709205146425, AGRIBANK - Chi nhánh Kiên Giang II	371493741		
39	Thị Bích Vân	129	Danh Thị Bích Kiều	29/11/2015	Danh Triệu	370967295	1.000.000		371173129	Nhận trực tiếp	
XV	CÔNG TY TNHH HẢI SẢN NGÔI SAO TƯƠI SÁNG						413.550.000				
15.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						389.550.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Phạm Thị Hương	Ban QL	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019065	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 100874151281 - Vietinbank - CN KG	02218700215 2	
2	Trần Minh Trí	Ban QL	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019066	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 105874151247 - Vietinbank - CN KG	370704836	
3	Tăng Thái Sễn	Ban QL	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019075	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070061348989 - Sacombank - CN Kiên Giang	365784727	

4	Trang Kim Phần	Kế toán	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019069	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070076814080 - Sacombank - KG	371508030	
5	Lâm Thanh Tuyền	Kế toán	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019070	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 105873995752 - Vietinbank - CN KG	371377278	
6	Phạm Đức Anh	HACCP	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9112004447	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 0091000569652 - Vietcombank - CN KG	371256444	
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	HACCP	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2019	9113001112	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 0091000506914 - Vietcombank - KG	371229655	
8	Phạm Ngọc Châm	Thống kê	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2017	9116019076	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371575341	
9	Nguyễn T Hoài Thương	Thống kê	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019081	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 108874009113 - Vietinbank - CN KG	371799181	
10	Nguyễn T Tuyết Mai	Thống kê	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9123828505	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070125244945 - Sacombank	371213136	
11	Lê Kim Diễm	Thống kê	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2013	9113001035	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 75010000487789 - BIDV	371508654	
12	Thị Vàng	Thống kê	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9122289825	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070125595901 - Sacombank	371641958	
13	Đặng Thị Linh	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019072	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070105838891 - Sacombank - CN Kiên Giang	385787620	
14	Huỳnh Thuý Ngọc	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9122377073	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371566929	
15	Thị Thái	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9122436859	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 100874151215 - Vietinbank - CN KG	371530942	
16	Nguyễn T Kim Tuyền	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9122254975	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 102874151213 - Vietinbank - CN KG	370967323	
17	Thị Kim Dung	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9122261756	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 101874151214 - Vietinbank - CN KG	371629633	

18	Lê Thị Huyền	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122368043	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 103874151209 - Vietinbank - CN KG	371303362	
19	Nguyễn Thị Huyền	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9116002549	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 108874151283 - Vietinbank - CN KG	371666064	
20	Trần Thị Mỹ Xuân	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9124006279	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 109874151282 - Vietinbank - CN KG	385371684	
21	Thị Nhân	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019106	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 104874151211 - Vietinbank - CN KG	371886648	
22	Đặng Thị Kiều Trang	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019073	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070062146999 - Sacombank	371373553	
23	Dương Thị Mai	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019086	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 100874151254 - Vietinbank - CN KG	370507375	
24	Thị Đẹp	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9122258802	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 109874151255 - Vietinbank - CN KG	371227887	
25	Thị Kim Chi	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9122292507	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371039623	
26	Lâm Thị Lón	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019101	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 100874151279 - Vietinbank - CN KG	370887133	
27	Phạm T Thanh Nguyệt	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9122245300	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070125065821 - Sacombank - CN Tân Hiệp KG	371695274	
28	Nguyễn Thị Muôn	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019105	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 108874151256 - Vietinbank - CN KG	371938434	
29	Phạm Thị Thủy	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9123896947	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	370944178	
30	Nguyễn Thy Thy	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122214760	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070125024775 - Sacombank - Tân Hiệp - KG	370995526	
31	Nguyễn Thị Phương	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9122324925	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 106874151258 - Vietinbank - CN KG	370549821	

32	Trần Mộng Nghi	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9122371820	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 105874151259 - Vietinbank - CN KG	370829910	
33	Trần Thị Màu	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9122314587	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 106874151260 - Vietinbank - CN KG	371364887	
34	Lê Thị Bích Tuyền	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122168040	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 35982483 - KienLongbank	371759740	
35	Lê Thị Cẩm Hải	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122289273	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 104874151262 - Vietinbank - CN KG	372003789	
36	Trần Văn Đê	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2019	9124158558	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371173841	
37	Lê Văn Mẫn	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2019	9122371426	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371777802	
38	Nguyễn Thái Nhon	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9123947054	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 108874151271 - Vietinbank - CN KG	370950753	
39	Danh Toàn	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9122261757	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 105874151274 - Vietinbank - CN KG	371144959	
40	Nguyễn V.Vũ Phương	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2019	8925348410	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 65110001886466 - BIDV - CN Bình Phước	352358470	
41	Danh Chí Khang	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9122289363	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 101874151201 - Vietinbank - CN KG	371886983	
42	Danh Hiếu	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2000	9122480888	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 106874151273 - Vietinbank - CN KG	371749917	
43	Châu Ngọc Vũ	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019096	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371592731	
44	Nguyễn Đức Chính	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9123319624	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 0091000576152 - Vietcombank - CN Kiên Giang	371085148	
45	Danh Hạnh	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019095	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070115696775 - Sacombank - CN Kiên Giang	371729692	

46	Châu Thành Tâm	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9122312729	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 109874151228 - Vietinbank - CN KG	371506330	
47	Danh Nãi	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2019	9122258644	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371529706	
48	Đặng Văn Năm	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9116003856	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 108874151229 - Vietinbank - CN KG	371751070	
49	Danh Huỳnh Đức	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9123806074	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TL: 108872200062 - Vietinbank - CN. RS KG	371853339	
50	Phạm Văn Quỳnh	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	2220660496	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 104874151275 - Vietinbank - CN KG	101020380	
51	Trịnh Hoàng Cương	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T6/2020	9122367651	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 0109077838 - Ngân hàng Đông Á - CN RS KG	371456213	
52	Phương Văn Lực	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T6/2020	9123909674	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 101874151280 - Vietinbank - CN KG	370745284	
53	Nguyễn Thị Mụm	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019090	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 102874151277 - Vietinbank - CN KG	370855597	
54	Nguyễn Quang Phúc	HACCP	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9115006257	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 0091000280322 - Vietcombank - CN Kiên Giang	371176999	
55	Hồ Văn Bé	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122249226	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 7713205110987 - Agribank - CN RS Kiên Giang	371118331	
56	Thái Mến	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9123720803	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 103874151276 - Vietinbank - CN KG	371074981	
57	Nguyễn Văn Vũ	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122366444	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	370928531	
58	Nguyễn Chí Cường	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122297740	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 29827213 - KienLongbank - KG	371996908	
59	Danh Nhựt Gi	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2018	9122364608	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 0110815467 - Đông Á Bank - KG	371918887	

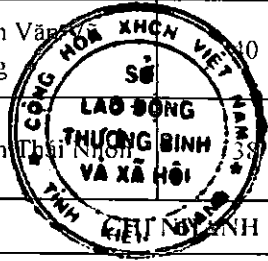
60	Danh Dương	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122361171	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371992903	
61	Danh Thế Vũ	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9116007106	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 104874151248 - Vietinbank - CN KG	370817336	
62	Danh Tâm	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122258645	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371756495	
63	Mai Có	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122177729	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 103874151249 - Vietinbank - CN KG	370990645	
64	Nguyễn Thị Cẩm Hậu	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122094424	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 7716205116654 - Agribank - CN RS KG	371858628	
65	Ngô Mỹ Kim	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122314270	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 105874151210 - Vietinbank - CN KG	371754681	
66	Nguyễn Thị Khánh Trần	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9121787207	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 104874151208 - Vietinbank - CN KG	371334807	
67	Thị Bích Vân	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	7915150626	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 109874151216 - Vietinbank - CN KG	371568817	
68	Lê Thị Phương	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122401262	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 050112310328 - Sacombank - CN Bình Phước	371534387	
69	Thị Hồng	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122302051	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 103874151263 - Vietinbank - CN KG	371829784	
70	Quách Thị Bích	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122510946	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371502380	
71	Lê Thái Mỹ	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9123610479	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 108874151268 - Vietinbank - CN KG	372046278	
72	Dương Thị Quyên	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9124092942	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 102874151264 - Vietinbank - CN KG	372030608	
73	Danh Thị Bé Hậu	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122321776	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 101874151265 - Vietinbank - CN KG	372077575	

74	Danh Thị Hợp	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122300244	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 109874151267 - Vietinbank - CN KG	372034224	
75	Dương Thị Trúc Ly	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9123820290	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 1019121017 - Vietcombank - CN. RS KG	371918079	
76	Thị Đồng	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122247976	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 105874151261 - Vietinbank - CN KG	371227986	
77	Danh Thị Chúc Mai	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019067	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070107812820 - Vietcombank - Châu Thành-KG	370751229	
78	Trần Anh Kiệt	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9122305294	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 0152100002185008 - OCBbank - KG	370983788	
79	Thị Dệ	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019078	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 109874151230 - Vietinbank - CN KG	371829033	
80	Danh Ron	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9113006707	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 108874151217 - Vietinbank - CN KG.	371641213	
81	Danh Chí Linh	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019079	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 107874151218 - Vietinbank - CN KG	371755253	
82	Huỳnh Thanh Lâm	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	5307003886	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 102874151200 - Vietinbank - CN KG	370629897	
83	Danh Hoài	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T7/2017	9116019099	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 107874151220 - Vietinbank - CN KG	371756012	
84	Trương Thanh Toàn	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T1/2018	9123827005	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 104874151223 - Vietinbank - CN KG	371738642	
85	Danh Thị Bế Hà	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T12/2018	9123827010	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070107812820 - Sacombank - CN Kiên Giang	371621534	
86	Nguyễn Văn Tiến	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2019	9123890534	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 060125772431 - Sacombank - TMCP Sài Gòn Thương tín	330925675	
87	Nguyễn Thị Tài	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T8/2019	9123890535	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 101874151278 - Vietinbank - CN KG	331061757	

88	Danh Ngọc Duyên	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122007882	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 070108908600 - Sacombank - CN. Châu Thành KG	372086500	
89	Danh Hiền	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122371747	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 102874151225 - Vietinbank - CN KG	371853533	
90	Danh Lượn	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9123461080	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 107874151245 - Vietinbank - CN KG	372108300	
91	Thị Thanh Ngân	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122468726	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 107874151232 - Vietinbank - CN KG	372030645	
92	Thị Thắm	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9123485651	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 106874151233 - Vietinbank - CN KG	371992082	
93	Trương Thị Mỹ Duyên	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9123288326	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 104874151235 - Vietinbank CN KG	372034242	
94	Thị Diễm	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122349923	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 100874151239 - Vietinbank - CN KG	371918958	
95	Thị Thu Nguyệt	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122335398	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	372041952	
96	Danh Mỹ Anh	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122287773	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 102874151240 - Vietinbank - CN KG	372077324	
97	Thị Chúc	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122277735	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 101874151241 - Vietinbank - CN KG	371607769	
98	Thị Như	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122370507	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 103874151236 - Vietinbank - CN KG	372041934	
99	Nguyễn Thị My	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9123940915	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 100874151242 - Vietinbank - CN KG	372034211	
100	Võ Thị Mộng Ni	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122305298	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 108874151231 - Vietinbank - CN KG	371456481	
101	Danh Diệu	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122249347	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 101874151226 - Vietinbank - CN KG	372086720	

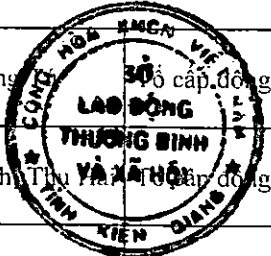
102	Danh Chí	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122289364	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 106874151219 - Vietinbank - CN KG	372086656	
103	Trương Thanh	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T5/2021	9122249836	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 103874151224 - Vietinbank - CN KG	371738641	
104	Danh Tím	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T4/2020	9122354358	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	Nhận tiền mặt	371456984	
105	Nguyễn Thành Đông	Công nhân	Chính thức- Xác định Thời hạn	T6/2021	9122306524	19/07/2021	19/07/2021 -> 30/09/2021	3710000	TK: 109874151270 - Vietinbank - CN KG	371529732	
15.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							3.000.000			
Stt	Họ và tên		Thứ tự tại mục 15.1					Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, - Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
1	Thị Vàng		12					1.000.000	TK: 070125595901 - Sacombank	371641958	
2	Thị Dệ		79					1.000.000	TK: 109874151230 - Vietinbank - CN KG	371829033	
3	Thị Bích Vân		67					1.000.000	TK: 109874151216 - Vietinbank - CN KG	371568817	
15.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							21.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 15.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	Phạm Thị Hương	1	Phạm Lâm Công Lập	19/12/2018	Lin De An	E61556293	1.000.000	TK: 100874151281 - Vietinbank - CN KG	02218700215 2		

2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7	Nguyễn Thiện Trí	20/10/2018	Nguyễn Đức Anh	371370666	1.000.000	TK: 0091000506914 - Vietcombank - KG	371229655	
3	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7	Nguyễn Ngọc Hóa	15/10/2020	Nguyễn Đức Anh	371370666	1.000.000	TK: 0091000506914 - Vietcombank - KG	371229655	
4	Huỳnh Thuý Ngọc	14	Huỳnh Gia Phước	17/04/2021	Huỳnh Minh Đức	371378208	1.000.000	Nhận tiền mặt	371566929	
5	Nguyễn Đức Chính	44	Nguyễn Ngô Như Ngọc	11/08/2017	Ngô Nhật Tân	371098573	1.000.000	TK: 0091000576152 - Vietcombank - KG	371085148	
6	Danh Hạnh	45	Danh Thị Ngọc Hào	17/11/2017	Huỳnh Thị Cẩm	372573725	1.000.000	TK: 070175696775 - Sacombank - KG	371729692	
7	Châu Thành Tâm	46	Châu Diễm Trang	29/10/2016	Võ Thị Huỳnh Như	352489180	1.000.000	TK: 109874151228 - Vietinbank - CN KG	371506330	
8	Danh Nâu	47	Danh Thị Cẩm Nhung	28/12/2019	Lê Thị Cẩm Nhi	363899546	1.000.000		371529706	
9	Đặng Văn Tâm	48	Đặng Trí Quân	16/08/2020	Lâm Thị Trúc Ly	371814862	1.000.000	TK: 108874151229 - Vietinbank - CN KG	371751070	
10	Danh Chí Linh	82	Danh Hoàng Khải	20/04/2021	Thị Thuý Trang	371979545	1.000.000	TK: 107874151218 - Vietinbank - CN KG	371755253	
11	Danh Ron	81	Danh Giàu	10/08/2020	Danh Thị Mạnh	371754836	1.000.000	TK: 108874151217 - Vietinbank - CN KG	371641213	
12	Danh Thị Bé Hà	85	Hồ Thị Tú Trinh	09/03/2016	Hồ Hoàng Gập	371216724	1.000.000	TK: 070107812820 - Sacombank - KG	371621534	
13	Thị Chúc	98	Trần Đức Lợi	22/11/2016	Trần Văn Nhã	372523497	1.000.000	TK: 101874151241 - Vietinbank - CN KG	371607769	
14	Tăng Thái Sên	3	Tăng Uyển Đình	25/11/2017	Lê Diễn Kỳ	371730390	1.000.000	TK: 070061348989 - Sacombank - RS - KG	365784727	
15	Tăng Thái Sên	3	Tăng Đình Triết	19/12/2019	Lê Diễn Kỳ	371730390	1.000.000	TK: 070061348989 - Sacombank - RS - KG	365784727	
16	Dương Thị Trúc Ly	76	Danh Thị Thuý Dục	17/07/2018	Danh Hiếu	371749917	1.000.000	TK: 1019121017 - Vietcombank	371918079	
17	Thị Hồng	69	Danh Thị Kim Thu	29/08/2016	Danh Liên	371520956	1.000.000	TK: 103874151263 - Vietinbank - CN KG	371829784	
18	Dương Thị Quyên	72	Nguyễn Hoàng Duy	28/09/2019	Nguyễn Hoàng Anh	371844150	1.000.000	TK: 102874151264 - Vietinbank - CN KG	372030608	
19	Lê Thị Huyền Trân	18	Nguyễn Ngọc Lan Khuê	07/09/2016	Nguyễn Văn Toàn	371292448	1.000.000	TK: 103874151209 - Vietinbank - CN KG	371303362	



20	Nguyễn Văn Phương		Nguyễn Lê Hoài Thương	11/03/2018	Lê Thanh Thủy	371641871	1.000.000	TK: 65110001886466 - BIDV - CN. Bình Dương	352358470		
21	Nguyễn Thái Nguyên		Nguyễn Thành Phát	08/03/2020	Trần Thị Thu Thủy	371227927	1.000.000	TK: 108874151271 - Vietinbank - CN KG	370950753		
XVI	CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG - NHÀ MÁY THANH LỘC							602.790.000			
16.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							552.790.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Lê Huyền Trang	Phòng công nghệ	Không thời hạn	01/2018	9109002798	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lê Huyền Trang, 101005045370, Vietinbank	370991321	
2	Thị Mỹ Huyền	Tổ QC	Không thời hạn	12/2019	9122470112	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Mỹ Huyền, 100868791295, Vietinbank	371609164	
3	Nguyễn Mai Khởi Thiện	Tổ QC	Không thời hạn	01/2021	9116017952	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Mai Khởi Thiện, 108870274082, Vietinbank	371351012	
4	Bùi Thị Hồng Thắm	Tổ thống kê	Không thời hạn	12/2019	9121642150	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Bùi Thị Hồng Thắm, 101868791243, Vietinbank	371846608	
5	Ngô Thị Vân	Tổ thống kê	Không thời hạn	04/2021	5307007393	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Vân, 104002913718, Vietinbank	172377224	
6	Nguyễn Bá Nhị	Thủ Kho	Không thời hạn	01/2018	9116002568	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Bá Nhị, 108006857976, Vietinbank	371554962	
7	Võ Thị Thủy	Tổ vệ sinh	Không thời hạn	01/2021	9122355808	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Võ Thị Thủy, 101870274037, Vietinbank	371302222	

8	Trương Thị Hằng	Tổ vệ sinh	Không thời hạn	07/2021	9122258557	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trương Thị Hằng, 103871344948, Vietinbank	370503546	
9	Nguyễn Thị Tông	Tổ vệ sinh	Không thời hạn	04/2021	9108003442	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tông, 107005045416, Vietinbank	370679660	
10	Trần Văn Chiêu	Tổ nguyên liệu	Không thời hạn	01/2021	9122838425	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trần Văn Chiêu, 109870274054, Vietinbank	371743823	
11	Võ Văn Như	Tổ nguyên liệu	Không thời hạn	04/2021	9115000315	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Võ Văn Như, 101002913735, Vietinbank	371738292	
12	Danh Ngọc	Tổ nguyên liệu	Không thời hạn	04/2021	9116000325	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Ngọc, 109002913737, Vietinbank	371093484	
13	Ong Văn Hoàng	Tổ Ngâm Quay	Không thời hạn	01/2021	9121791191	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Ong Văn Hoàng, 101870274064, Vietinbank	371166739	
14	Trịnh Vũ Điều	Tổ Ngâm Quay	Không thời hạn	01/2021	9123471051	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trịnh Vũ Điều, 101870274217, Vietinbank	371141960	
15	Danh Nhót	Tổ Ngâm Quay	Không thời hạn	07/2021	9122269114	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Nhót, 100871344953, Vietinbank	371422733	
16	Danh Quí	Tổ Ngâm Quay	Không thời hạn	04/2021	9122335406	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Quí, 108867455544, Vietinbank	371938542	
17	Trần Quốc Tinh	Tổ cấp đông 1	Không thời hạn	01/2018	9110002890	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trần Quốc Tinh, 100002913776, Vietinbank	371364679	
18	Danh Phương	Tổ cấp đông 1	Không thời hạn	01/2021	9122337246	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Phương, 108869966055, Vietinbank	371853337	
19	Danh Thận	Tổ cấp đông 1	Không thời hạn	03/2020	9116002540	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Thận, 107003349673, Vietinbank	371045279	
20	Danh Thanh Sang	Tổ cấp đông 1	Không thời hạn	01/2021	9122699450	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Thanh Sang, 103870393341, Vietinbank	371884115	
21	Nguyễn Văn Xứng	Tổ cấp đông 1	Không thời hạn	07/2021	9114000548	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Xứng, 104871344959, Vietinbank	371370155	



22	Trần Quang	Tổ cấp đông 1	01 năm	06/2021	9114000887	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trần Quang Tú, 103873091542, Vietinbank	371073732	
23	Nguyễn Thị Thu	Tổ cấp đông 1	Không thời hạn	04/2021	9109002820	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Hai, 104005045391, Vietinbank	371191905	
24	Đặng Quốc Khánh	Tổ cấp đông 2	01 năm	06/2021	9122275226	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Đặng Quốc Khánh, 101873091544, Vietinbank	371191652	
25	Lê Hữu Nghị	Tổ cấp đông 2	Không thời hạn	01/2021	9116001514	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lê Hữu Nghị, 103870274075, Vietinbank	371520661	
26	Lê Thanh Toàn	Tổ cấp đông 2	Không thời hạn	12/2019	9122771410	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lê Thanh Toàn, 103868543505, Vietinbank	371689811	
27	Phạm Văn Mát	Tổ cấp đông 2	Không thời hạn	07/2021	9122305260	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Mát, 100871052356, Vietinbank	371529470	
28	Lê Thị Ngọc Hiền	Phân loại	Không thời hạn	01/2021	9122189731	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lê Thị Ngọc Hiền, 109870274093, Vietinbank	371654422	
29	Thị Ngọc Thương	Phân loại	Không thời hạn	01/2021	9122372060	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Ngọc Thương, 101870274091, Vietinbank	371546263	
30	Phạm Thị Thanh	Phân loại	Không thời hạn	01/2021	9124110467	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Thanh, 107870274101, Vietinbank	371473883	
31	Huỳnh Thị Tuyết Hoa	Phân loại	01 năm	04/2021	9113000396	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Tuyết Hoa, 105005045418, Vietinbank	370812423	
32	Phạm Ngọc Thà	Phân loại	01 năm	03/2021	9110000223	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Phạm Ngọc Thà, 101005249273, Vietinbank	371422239	
33	Thị Thời	Phân loại	01 năm	12/2020	9122549064	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Thời, 102872160381, Vietinbank	371693325	
34	Danh Đẹt	Phân loại	01 năm	07/2021	9122336787	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Đẹt, 102873291055, Vietinbank	371710980	
35	Võ Thị Mỹ Xuyên	Phân loại	Không thời hạn	04/2021	9116001621	19/07/2021	19/07/2021- >19/08/2021	3.710.000	Võ Thị Mỹ Xuyên, 108002913811, Vietinbank	371858223	

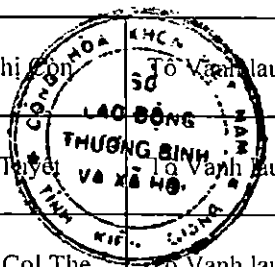
36	Đoàn Thị Ngọc Diệp	Phân loại	Không thời hạn	02/2019	9111000191	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Đoàn Thị Ngọc Diệp, 100003422517, Vietinbank	371100483	
37	Thị Mạnh	Phân loại	Không thời hạn	07/2021	9121814360	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Mạnh, 1078713450392, Vietinbank	371158419	
38	Võ Ngọc Vô	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9124184200	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Võ Ngọc Vô, 101870393343, Vietinbank	371529775	
39	Nguyễn Đức Tâm	Phòng sạch	Không thời hạn	04/2021	9115000317	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đức Tâm, 101002913750, Vietinbank	371777556	
40	Danh Út	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9122278476	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Út, 102870324726, Vietinbank	371461940	
41	Nguyễn Thái An	Phòng sạch	01 năm	07/2021	9123384148	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thái An, 108873291047, Vietinbank	372123976	
42	Danh Nhật Hào	Phòng sạch	01 năm	03/2021	9121824317	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Nhật Hào, 104872606656, Vietinbank	372114474	
43	Lê Thị Mỹ Nhân	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9111003551	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lê Thị Mỹ Nhân, 101870331353, Vietinbank	371641289	
44	Chiêm Thị Tú Trinh	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2018	9109005516	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Chiêm Thị Tú Trinh, 106002913837, Vietinbank	370885706	
45	Nguyễn Văn Nam	Phòng sạch	01 năm	10/2020	9321199969	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Nam, 108872002994, Vietinbank	364167192	
46	Lâm Thị Ngọc Quyền	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2018	9116002580	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Ngọc Quyền, 109003213727, Vietinbank	371950640	
47	Lâm Thị Hoàng	Phòng sạch	Không thời hạn	10/2019	9113000394	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Hoàng, 106872661461, Vietinbank	371378460	
48	Phạm Thị Đan	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9123476256	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Đan, 108870274140, Vietinbank	371930509	

49	Thị Cam	Phòng sạch	01 năm	07/2021	9114001118	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Cam, 101002913832, Vietinbank	371724488	
50	Nguyễn Thị Kim Thoa	Phòng sạch	Không thời hạn	04/2021	9116000333	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Thoa, 100002913858, Vietinbank	371868924	
51	Thị Út Hòa	Phòng sạch	Không thời hạn	07/2021	9122375456	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Út Hòa, 103871344987, Vietinbank	371529635	
52	Thị Thu Lan	Phòng sạch	Không thời hạn	07/2021	9122352271	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Thu Lan, 107870902428, Vietinbank	371641588	
53	Nguyễn Thị Gian	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2018	9108003660	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Gian, 101005045412, Vietinbank	371093342	
54	Thị Thanh Mai	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9122351052	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Thanh Mai, 104871052377, Vietinbank	372069134	
55	Đặng Thị Như Ý	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9122043762	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Như Ý, 106870274115, Vietinbank	372003166	
56	Thị Bé Tư	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9122307299	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Bé Tư, 108870274125, Vietinbank	371100847	
57	Lưu Thị Thủy Linh	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9124184206	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lưu Thị Thủy Linh, 102870393342, Vietinbank	371738614	
58	Thị Sinh	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9121755201	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Sinh, 104870274129, Vietinbank	371348134	
59	Lâm Thị Thiệt	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9122340391	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Thiệt, 105870274130, Vietinbank	370928614	
60	Nguyễn Thị Thủy	Phòng sạch	Không thời hạn	04/2021	9109005517	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thủy, 104002913854, Vietinbank	371422570	
61	Thị Kim Rạch	Phòng sạch	Không thời hạn	07/2021	9116004100	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Kim Rạch, 104871344998, Vietinbank	371456531	
62	Danh Thị Tiểu Yến	Phòng sạch	Không thời hạn	07/2021	9123781132	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Thị Tiểu Yến, 109871344993, Vietinbank	372059761	

63	Huỳnh Thị Mộng Bình	Phòng sạch	Không thời hạn	04/2021	9114001120	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Mộng Bình, 105002913841, Vietinbank	371738875	
64	Vũ Thị Tre	Phòng sạch	Không thời hạn	04/2021	9116002579	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Vũ Thị Tre, 101005045409, Vietinbank	371155478	
65	Kim Thị Thu Hiền	Phòng sạch	Không thời hạn	04/2021	9108003472	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Kim Thị Thu Hiền, 108005045402, Vietinbank	371052059	
66	Lê Tuyết Nhung	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2018	9115000327	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lê Tuyết Nhung, 109002913834, Vietinbank	371872997	
67	Lê Thị Diễm Lôi	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2018	9111003553	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lê Thị Diễm Lôi, 103002913828, Vietinbank	371677134	
68	Thị Mui	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2021	9122285312	19/07/2021	19/07/2021- >19/08/2021	3.710.000	Thị Mui, 100870605504, Vietinbank	371641483	
69	Thị Sương	Phòng sạch	01 năm	03/2021	9123436221	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Sương, 108872606652, Vietinbank	371756212	
70	Thị Bé Thương	Phòng sạch	01 năm	03/2021	9121958251	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Bé Thương, 106872606654, Vietinbank	372108797	
71	Thị Mỹ Nương	Phòng sạch	01 năm	03/2021	9123439078	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Mỹ Nương, 105872606655, Vietinbank	372141688	
72	Nguyễn Thị Cẩm	Phòng sạch	01 năm	07/2021	9122163673	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Cẩm, 103873291054, Vietinbank	370740553	
73	Trần Thị Thu Thảo	Phòng sạch	01 năm	10/2020	9122133622	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thu Thảo, 105872002997, Vietinbank	371259178	
74	Thị Tiên	Phòng sạch	01 năm	03/2021	9121816014	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Tiên, 100872466362, Vietinbank	371364913	
75	Thị Hà	Phòng sạch	01 năm	03/2021	9122351245	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Hà, 107872466365, Vietinbank	371934845	

76	Nguyễn Thị Phương Dung	Phòng sạch	Không thời hạn	01/2018	9122113419	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Phương Dung, 108868791297, Vietinbank	371901456	
77	Liêu Thị Cẩm Giang	Phòng sạch	01 năm	07/2021	9121736124	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Liêu Thị Cẩm Giang, 107873291050, Vietinbank	372103644	
78	Trương Thị Thùy Duyên	Phòng sạch	01 năm	07/2021	9123200102	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trương Thị Thùy Duyên, 104873291053, Vietinbank	372093522	
79	Trần Kim Phụng	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2018	9111000187	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trần Kim Phụng, 109002913874, Vietinbank	371546726	
80	Ngô Thị Kim Anh	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2018	9109002830	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Kim Anh, 102005045408, Vietinbank	371144195	
81	Võ Kim Yến	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2018	9116000342	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Võ Kim Yến, 103002913913, Vietinbank	371943223	
82	Nguyễn Thị Kiều Phương	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9109005503	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kiều Phương, 102002913901, Vietinbank	371400048	
83	Thị Ánh	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122784818	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Ánh, 108870605519, Vietinbank	372001132	
84	Hồ Thị Kim Khoa	Tổ Vành lau	Không thời hạn	03/2020	9123831179	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Hồ Thị Kim Khoa, 102869097753, Vietinbank	363886171	
85	Thạch Danh Vệ	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9124189898	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thạch Danh Vệ, 104870605537, Vietinbank	371822836	
86	Thị Út	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122297218	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Út, 102870274121, Vietinbank	371909757	
87	Thị Diễm	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122367775	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Diễm, 103870274227, Vietinbank	371972148	

88	Châu Thị Thu Hương	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122322192	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Châu Thị Thu Hương, 1008702741175, Vietinbank	370823690	
89	Nguyễn Hồng Kim Diệp	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9124174522	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hồng Kim Diệp, 1048702741195, Vietinbank	371529314	
90	Ngô Thị Viên	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122487422	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Viên, 105870274170, Vietinbank	370952552	
91	Thị Thu	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122265249	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Thu, 106870274166, Vietinbank	371303008	
92	Trần Thị Bé Ngoan	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122302288	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trần Thị Bé Ngoan, 101870274204, Vietinbank	371573413	
93	Danh Ngọc Thu Thủy	Tổ Vành lau	01 năm	01/2021	7412218791	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Ngọc Thu Thủy, 100872291430, Vietinbank	371370342	
94	Thị Thúy	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122362779	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Thúy, 103870393326, Vietinbank	370786387	
95	Nguyễn Văn Sĩ	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122310548	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Sĩ, 100870393331, Vietinbank	371414866	
96	Trịnh Kim Điền	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9121697675	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trịnh Kim Điền, 101870434164, Vietinbank	370599504	
97	Võ Cẩm Tiên	Tổ Vành lau	01 năm	12/2020	7912304208	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Võ Cẩm Tiên, 100872160383, Vietinbank	371588828	
98	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	Tổ Vành lau	Không thời hạn	07/2021	5398003012	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Thuận, 103870754922, Vietinbank	371127563	
99	Nguyễn Thị Mỹ Hoà	Tổ Vành lau	Không thời hạn	07/2021	5398002759	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Hoà, 104870754454, Vietinbank	371127603	
100	Nguyễn Thị Diễm	Tổ Vành lau	01 năm	01/2021	9122271892	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Diễm, 109872291429, Vietinbank	371623147	



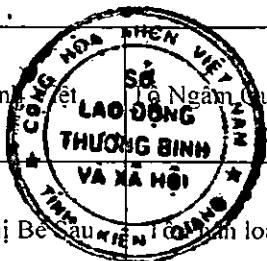
101	Nguyễn Thị Côn	Tổ Vành lau	Không thời hạn	07/2021	9122361569	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Côn, 102871345034, Vietinbank	371164160	
102	Phan Thị Tuyết	Tổ Vành lau	Không thời hạn	07/2021	9122185445	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Phan Thị Tuyết, 106871474841, Vietinbank	371153818	
103	Danh Thị Col The	Tổ Vành lau	01 năm	03/2021	9121792152	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Thị Col The, 105872466370, Vietinbank	370842200	
104	Thị Sà Quy	Tổ Vành lau	Không thời hạn	12/2019	7415154273	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Sà Quy, 109868543512, Vietinbank	371472346	
105	Nguyễn Thị Kim Mua	Tổ Vành lau	Không thời hạn	08/2019	9116000346	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Mua, 104002913881, Vietinbank	370973609	
106	Thị Nhân	Tổ Vành lau	Không thời hạn	03/2021	9123439423	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Nhân, 108870877678, Vietinbank	371607039	
107	Ông Thị Kim Tươi	Tổ Vành lau	Không thời hạn	08/2019	9116000347	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Ông Thị Kim Tươi, 101002913884, Vietinbank	371128039	
108	Ngô Thị Thiên Thanh	Tổ Vành lau	Không thời hạn	04/2021	9115000337	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Thiên Thanh, 103002913882, Vietinbank	370787620	
109	Thị Hiền	Tổ Vành lau	Không thời hạn	04/2021	9116004185	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Hiền , 104003349651, Vietinbank	370911520	
110	Đào Thị Tiêm	Tổ Vành lau	Không thời hạn	03/2021	9122250499	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Đào Thị Tiêm, 107871511015, Vietinbank	371659380	
111	Thị Mỹ Kiều	Tổ Vành lau	Không thời hạn	03/2021	9122315107	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Mỹ Kiều, 103871052380, Vietinbank	371853365	
112	Danh Thị Hồng	Tổ Vành lau	Không thời hạn	03/2021	9108010842	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Thị Hồng, 108871511014, Vietinbank	370894830	
113	Danh Thị Sứ	Tổ Vành lau	Không thời hạn	03/2021	9122252958	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Thị Sứ, 103871362695, Vietinbank	371472330	

114	Nguyễn Kim Chi	Tổ Vành lau	Không thời hạn	03/2021	5306001639	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Chi, 101002913787, Vietinbank	370973918	
115	Quách Thị Ngọc Như	Tổ Vành lau	01 năm	04/2021	9122346375	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Quách Thị Ngọc Như, 101872606661, Vietinbank	372108683	
116	Huỳnh Thị Kim Anh	Tổ Vành lau	01 năm	04/2021	9122299943	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Kim Anh, 109872714977, Vietinbank	372144646	
117	Võ Thị Trang	Tổ Vành lau	Không thời hạn	04/2021	9110005868	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Võ Thị Trang, 105002913729, Vietinbank	371733112	
118	Hồng Ngọc Huyền	Tổ Vành lau	01 năm	01/2021	9122312022	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Hồng Ngọc Huyền, 108872714978, Vietinbank	372086550	
119	Thạch Chiêm	Tổ Vành lau	Không thời hạn	07/2021	9122264693	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thạch Chiêm, 102870275609, Vietinbank	371865662	
120	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Tổ Vành lau	01 năm	06/2021	9124075065	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Giàu, 107003349658, Vietinbank	371794889	
121	Thị Sầu Riêng	Tổ Vành lau	Không thời hạn	07/2021	9122307397	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Sầu Riêng, 100870605517, Vietinbank	342072460	
122	Nguyễn Thị Loan	Tổ Vành lau	01 năm	06/2021	9116002573	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Loan, 103873091554, Vietinbank	370806447	
123	Nguyễn Thị Ngân	Tổ Vành lau	01 năm	06/2021	9110002909	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngân, 101873091556, Vietinbank	371595349	
124	Thị Mỹ Tiên	Tổ Vành lau	Không thời hạn	01/2021	9122460844	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Mỹ Tiên, 103870605526, Vietinbank	372022706	
125	Huỳnh Thị Kim Pha	Tổ Vành lau	Không thời hạn	02/2019	9116004169	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Kim Pha, 101003422516, Vietinbank	371191895	
126	Thị Quyển	Tổ Vành lau	Không thời hạn	07/2021	9122250456	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Quyển, 102870274228, Vietinbank	371797277	
127	Trịnh Kim Lài	Tổ Vành lau	Không thời hạn	07/2021	9123330326	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trịnh Kim Lài, 101871345023, Vietinbank	371601068	



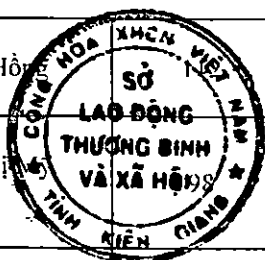
128	Nguyễn Thế Quân	01 năm	01/2021	9122177997	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thế Quân, 103872606669, Vietinbank	370847044	
129	Lưu Quốc Thống	Không thời hạn	12/2019	9124075062	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lưu Quốc Thống, 104868791398, Vietinbank	371685989	
130	Nguyễn Hữu Thanh	Tổ bảo vệ	Không thời hạn	9621957622	19/07/2021	19/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hữu Thanh, 100866907352, Vietinbank	380975484	
131	Phạm Thị Loan	Tổ Phân loại	Không thời hạn	9111000179	23/07/2021	23/07/2021- >17/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Loan, 102002913798, Vietinbank	351906246	
132	Huỳnh Thị Thu Thủy	Vanh lau	Không thời hạn	9121637064	01/08/2021	01/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Thu Thủy, 101867000683, Vietinbank	371076561	
133	Thị Hẹ	Phòng sạch	Không thời hạn	9122291903	02/08/2021	02/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Hẹ, 104003208451, Vietinbank	371430222	
134	Danh Thông	Tổ Ngâm Quay	Không thời hạn	9114000425	02/08/2021	02/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Thông, 101003213752, Vietinbank	371739356	
135	Huỳnh Kim Chi	Phân loại	Không thời hạn	9116002571	02/08/2021	02/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Huỳnh Kim Chi, 100002913928, Vietinbank	371429197	
136	Nguyễn Văn Dễ	Phòng sạch	Không thời hạn	9116000329	07/08/2021	07/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Dễ, 107002913779, Vietinbank	371155196	
137	Thị Kiêm Thành	Tổ Phân loại	Không thời hạn	9122326149	09/08/2021	09/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Kiêm Thành, 108871345038, Vietinbank	370815549	

138	Danh Sóc Kha	Tổ Phân loại	01 năm	01/2021	9122327985	10/08/2021	10/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Danh Sóc Kha, 107872291421, Vietinbank	370806919	
139	Ngô Hồng Phổ	Ban quản đốc	Không thời hạn	01/2018	9110002903	13/08/2021	13/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Ngô Hồng Phổ, 105002913717, Vietinbank	381406610	
140	Nguyễn Thị Đẹt	Phân loại	Không thời hạn	04/2021	9122332072	17/08/2021	17/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Đẹt, 101867456006, Vietinbank	371314422	
141	Thị Nhẹ	Phân loại	Không thời hạn	01/2021	9122370626	17/08/2021	17/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Nhẹ, 104003208451, Vietinbank	371430222	
142	Thị Nhanh	Phân loại	Không thời hạn	07/2021	9122367998	17/08/2021	17/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Thị Nhanh, 109871344966, Vietinbank	371456306	
143	Lê Thị Cẩm	Vanh lau	Không thời hạn	01/2021	9122720278	17/08/2021	17/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Lê Thị Cẩm, 103870274169, Vietinbank	371178862	
144	Trịnh Thị Liễu	Vanh lau	Không thời hạn	07/2021	9122239619	17/08/2021	17/08/2021- >17/09/2021	3.710.000	Trịnh Thị Liễu, 105871474842, Vietinbank	370716486	
145	Trương Thanh Hải	Tổ Ngâm Quay	Không thời hạn	01/2018	9113001767	23/07/2021	23/07/2021- >06/08/2021	1.855.000	Trương Thanh Hải, 103003044067, Vietinbank	370855407	
146	Nguyễn Văn Chiến	Tổ Ngâm Quay	Không thời hạn	01/2018	9111000178	23/07/2021	23/07/2021- >06/08/2021	1.855.000	Nguyễn Văn Chiến, 105002913744, Vietinbank	352234195	
147	Danh Cường	Tổ Ngâm Quay	Không thời hạn	01/2021	9121656166	23/07/2021	23/07/2021- >06/08/2021	1.855.000	Danh Cường, 106870393375, Vietinbank	371029038	



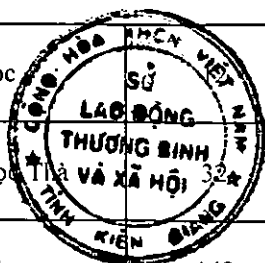
148	Châu Thành Việt	Tổ Phân loại	Không thời hạn	07/2021	9122249670	23/07/2021	23/07/2021->06/08/2021	1.855.000	Châu Thành Việt, 102871344963, Vietinbank	371303385	
149	Huỳnh Thị Bé Sáu	Tổ Phân loại	Không thời hạn	04/2021	5307007392	23/07/2021	23/07/2021->06/08/2021	1.855.000	Huỳnh Thị Bé Sáu, 109005045384, Vietinbank	370967987	
150	Đặng Nguyễn Nghi	Tổ Phân loại	Không thời hạn	04/2021	8922955342	23/07/2021	23/07/2021->06/08/2021	1.855.000	Đặng Nguyễn Nghi, 105869843169, Vietinbank	352619385	
151	Trần Thị Huệ	Tổ Phân loại	Không thời hạn	04/2021	5307007415	23/07/2021	23/07/2021->06/08/2021	1.855.000	Trần Thị Huệ, 101005045382, Vietinbank	370936979	
152	Võ Minh Trí	Tổ Phân loại	Không thời hạn	07/2021	9122165100	23/07/2021	23/07/2021->06/08/2021	1.855.000	Võ Minh Trí, 105871202529, Vietinbank	371588711	
153	Nguyễn Thị Thùy Dung	Tổ Phân loại	01 năm	06/2021	7911557838	23/07/2021	23/07/2021->06/08/2021	1.855.000	Nguyễn Thị Thùy Dung, 102002993769, Vietinbank	321434327	
154	Trần Thị Nhanh	Tổ Phân loại	01 năm	06/2021	5305003680	23/07/2021	23/07/2021->06/08/2021	1.855.000	Trần Thị Nhanh, 109005045414, Vietinbank	370667202	
16.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							6.000.000			
Stt	Họ và tên	Thứ tự tại mục 16.1						Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
1	Thị Sà Quy	104						1.000.000	Thị Sà Quy, 109868543512, Vietinbank	371472346	

2	Đào Thị Tiêm	110	1.000.000	Đào Thị Tiêm, 107871511015, Vietinbank	371659380					
3	Nguyễn Thị Phương Dung	76	1.000.000	Nguyễn Thị Phương Dung, 108868791297, Vietinbank	371901456					
4	Lê Thị Diễm Lôi	67	1.000.000	Lê Thị Diễm Lôi, 103002913828, Vietinbank	371677134					
5	Lâm Thị Ngọc Quyền	46	1.000.000	Lâm Thị Ngọc Quyền, 109003213727, Vietinbank	371950640					
6	Thị Mui	68	1.000.000	Thị Mui, 100870605504, Vietinbank	371641483					
16.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em			44.000.000						
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 16.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	120	Phạm Thị Ngọc Thảo	16/06/2020	Phạm Thanh Nam	371592730	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Giàu, 107003349658, Vietinbank	371794889	
2	Thị Mỹ Kiều	111	Lâm Thị Mỹ Tuyết	10/11/2018	Lâm Văn Hòa	371738880	1.000.000	Thị Mỹ Kiều, 103871052380, Vietinbank	371853365	
3	Thị Sầu Riêng	121	Nguyễn Thị Kim Chi	28/10/2020	Nguyễn Tiến Đạt	341838628	1.000.000	Thị Sầu Riêng, 100870605517, Vietinbank	342072460	
4	Nguyễn Thị Kim Mua	105	Lý Chí Quê	08/04/2017	Lý Thụy Duyên	370979243	1.000.000	Nguyễn Thị Kim Mua, 104002913881, Vietinbank	370973609	



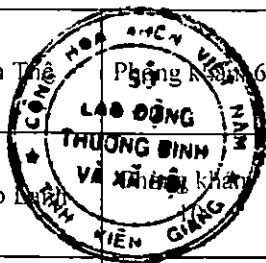
5	Danh Thị Hồng		Danh Thị Kiều Trâm	15/10/2017	Danh Uớt	371085728	1.000.000	Danh Thị Hồng, 108871511014, Vietinbank	370894830	
6	Nguyễn Thị Thuận		Bùi Nguyễn Khánh Duy	17/01/2018	Bùi Ngọc Linh	371980327	1.000.000	Nguyễn Thị Mỹ Thuận, 103870754922, Vietinbank	371127563	
7	Thị Quyên	126	Phan Văn Ken	05/09/2020	Phan Văn Đước	352193041	1.000.000	Thị Quyên, 102870274228, Vietinbank	371797277	
8	Trịnh Kim Lài	127	Đào Thị Như Quỳnh	01/09/2018	đào Tên	371411766	1.000.000	Trịnh Kim Lài, 101871345023, Vietinbank	371601068	
9	Đào Thị Tiêm	110	Danh Thị Ngọc Ái	23/01/2019	Danh Ngọc Quang	371054330	1.000.000	Đào Thị Tiêm, 107871511015, Vietinbank	371659380	
10	Ngô Thị Vân	5	Nguyễn Ngô Nhân Nghĩa	21/03/2018	Nguyễn Thanh Còn	371016595	1.000.000	Ngô Thị Vân, 104002913718, Vietinbank	172377224	
11	Nguyễn Kim Chi	114	Tổng Gia Hân	19/03/2019	Tổng Ngọc Anh Thụy	370998413	1.000.000	Nguyễn Kim Chi, 101002913787, Vietinbank	370973918	
12	Danh Ngọc Thu Thủy	93	Nguyễn Ái Quy	07/11/2016	Nguyễn Toàn Định	371229884	1.000.000	Danh Ngọc Thu Thủy, 100872291430, Vietinbank	371370342	
13	Lâm Thị Hoàng	47	Nguyễn Hoàng Ngọc Yến	09/07/2020	Nguyễn Văn Lộc	371546491	1.000.000	Lâm Thị Hoàng, 106872661461, Vietinbank	371378460	
14	Thị Hẹ	133	Danh Hữu Duy	21/02/2017	Danh Thông	371739356	1.000.000	Thị Hẹ, 104003208451, Vietinbank	371430222	
15	Thị Sương	69	Trần Văn Thanh	27/08/2019	Trần Văn Dũng	371865391	1.000.000	Thị Sương, 108872606652, Vietinbank	371756212	
16	Thị Hà	75	Danh Khánh	16/12/2017	Danh Mục	371100627	1.000.000	Thị Hà, 107872466365, Vietinbank	371934845	
17	Lê Thị Mỹ Nhân	43	Nguyễn Lê Ngọc Anh	02/10/2016	Nguyễn Văn Kha	371641567	1.000.000	Lê Thị Mỹ Nhân, 101870331353, Vietinbank	371641289	

18	Chiêm Thị Tú Trinh	44	Huỳnh Linh Đan	18/11/2020	Huỳnh Văn Đoàn	301334822	1.000.000	Chiêm Thị Tú Trinh, 106002913837, Vietinbank	370885706	
19	Kim Thị Thu Hiền	65	Nguyễn Kim Tuyền	06/01/2020	Nguyễn Thanh Mỹ	371303733	1.000.000	Kim Thị Thu Hiền, 108005045402, Vietinbank	371052059	
20	Thị Sinh	58	Huỳnh Hoàng Phúc	06/10/2016	Huỳnh Kiệt	371158763	1.000.000	Thị Sinh, 104870274129, Vietinbank	371348134	
21	Lưu Thị Thùy Linh	57	Võ Lưu Diễm	01/02/2017	Võ Ngọc Vô	371529775	1.000.000	Lưu Thị Thùy Linh, 102870393342, Vietinbank	371738614	
22	Thị Kim Rạch	61	Danh Hoàng Anh	08/09/2018	Danh Đảnh	371934751	1.000.000	Thị Kim Rạch, 104871344998, Vietinbank	371456531	
23	Nguyễn Bá Nhịn	6	Nguyễn Châu Bá Nghị	17/09/2020	Châu Thị Phụng	371675010	1.000.000	Nguyễn Bá Nhịn, 108006857976, Vietinbank	371554962	
24	Nguyễn Mai Khởi Thiện	3	Nguyễn Thanh Nguyệt Cát	21/03/2020	Phan Thị Kim ngân	371392870	1.000.000	Nguyễn Mai Khởi Thiện, 108870274082, Vietinbank	371351012	
25	Lê Thanh Toàn	26	Lê Hoàng Tuấn Anh	28/03/2020	Hoàng Mỹ Ngọc	371166132	1.000.000	Lê Thanh Toàn, 103868543505, Vietinbank	371689811	
26	Đặng Quốc Khánh	24	Đặng Gia Khương	30/04/2016	Trần Thị Hồng Nhung	371778989	1.000.000	Đặng Quốc Khánh, 101873091544, Vietinbank	371191652	
27	Nguyễn Thị Thu Hai	23	Trần Nguyễn Trí Đạt	19/03/2017	Trần Văn Chương	371133368	1.000.000	Nguyễn Thị Thu Hai, 104005045391, Vietinbank	371191905	
28	Danh Thận	19	Danh Thị Ngọc Duyên	03/09/2019	Thị Giào	371174146	1.000.000	Danh Thận, 107003349673, Vietinbank	371045279	
29	Nguyễn Văn Xứng	21	Nguyễn Ngọc Ngân	04/05/2018	Trần Kim Phụng	371546726	1.000.000	Nguyễn Văn Xứng, 104871344959, Vietinbank	371370155	
30	Võ Văn Như	11	Võ Phúc Thịnh	07/09/2018	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	371672272	1.000.000	Võ Văn Như, 101002913735, Vietinbank	371738292	



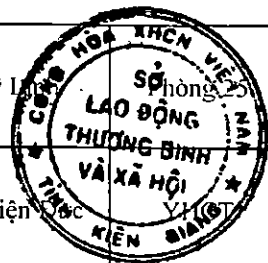
31	Danh Ngọc		Danh Thành Phát	04/06/2019	Rin So Phy	060761670	1.000.000	Danh Ngọc, 109002913737, Vietinbank	371093484	
32	Phạm Ngọc		Lê Hoàng Gia Bảo	08/03/2019	Lê Hoàng Đăng	371351026	1.000.000	Phạm Ngọc Thà, 101005249273, Vietinbank	371422239	
33	Thị Nhanh	142	Thị Ngọc Mai	29/04/2016	Danh Ra	371024352	1.000.000	Thị Nhanh, 109871344966, Vietinbank	371456306	
34	Thị Nhẹ	141	Danh Chí Khang	02/02/2016	Danh An	371633050	1.000.000	Thị Nhẹ, 104003208451, Vietinbank	371430222	
35	Thị Sầu Riêng	121	Nguyễn Thị Kim Thoa	18/03/2017	Nguyễn Tiến Đạt	341838628	1.000.000	Thị Sầu Riêng, 100870605517, Vietinbank Kiên Giang	342072460	
36	Thị Quyên	126	Phan Văn Ken	05/09/2020	Phan Văn Được	352193041	1.000.000	Thị Quyên, 102870274228, Vietinbank Kiên Giang	371797277	
37	Nguyễn Thị Thu Hai	23	Trần Nguyễn Lan Anh	28/09/2015	Trần Văn Chương	371133368	1.000.000	Nguyễn Thị Thu Hai, 104005045391, Vietinbank Kiên Giang	371191905	
38	Trịnh Vũ Điều	14	Trịnh Gia Linh	25/12/2017	Cao Thị Yến	371013271	1.000.000	Trịnh Vũ Điều, 101870274217, Vietinbank Kiên Giang	371141960	
39	Ngô Hồng Phở	139	Ngô Tiến Đạt	04/11/2020	Ngô Tuấn Anh	370948409	1.000.000	Ngô Hồng Phở, 105002913717, Vietinbank Kiên Giang	381406610	
40	Lê Huyền Trang	1	Nguyễn Lê Quốc Bình	16/08/2020	Nguyễn Văn Hậu	370929994	1.000.000	Lê Huyền Trang, 101005045370, Vietinbank Kiên Giang	370991321	
41	Danh Nhót	15	Danh Hoàng Mến	26/06/2021	Thị Hồng Xuân	372091129	1.000.000	Danh Nhót, 100871344953, Vietinbank Kiên Giang	371422733	

42	Danh Phương	18	Danh Gia Khánh	28/04/2021	Thị Ngọc Lan	372077641	1.000.000	Danh Phương, 108869966055, Vietinbank Kiên Giang	371853337		
43	Đoàn Thị Ngọc Diệp	36	Danh Thị Ngọc Duyên	18/12/2020	Danh Thiện	371250220	1.000.000	Đoàn Thị Ngọc Diệp, 100003422517, Vietinbank Kiên Giang	371100483		
44	Võ Thị Mỹ Xuyên	35	Phan Hữu Nhân	06/09/2021	Phan Văn Vũ Linh	371761543	1.000.000	Võ Thị Mỹ Xuyên, 108002913811, Vietinbank Kiên Giang	371858223		
XVII	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN THANH BÌNH						180.675.000				
17.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						157.675.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Kha	Phòng khám 8	Không thời hạn	01/10/2016	9116017776	14/07/2021	14/07/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Kha - 27907373 - Kiên Long CN Rạch Giá	371693282	
2	Huỳnh Ngọc Lợi	Phòng khám 25	1 năm	03/02/2020	7911146341	24/07/2021	24/07/2021 - 04/09/2021	3.710.000	Huỳnh Ngọc Lợi - 29608183 - Kiên Long CN Rạch Giá	371561246	
3	Thị Tuyết Hoa	Phòng khám 02	Không thời hạn	20/05/2017	5306001125	19/07/2021	19/07/2021- 30/09/2021	3.710.000	Thị Tuyết Hoa - 28337863 - Kiên Long CN Rạch Giá	370798050	
4	Trần Xuân Dũng	Phòng khám 4	Không thời hạn	01/01/2015	9116014849	21/07/2021	21/07/2021- 30/09/2021	3.710.000	Trần Xuân Dũng - 16077663 - Kiên Long CN Rạch Giá	371802816	



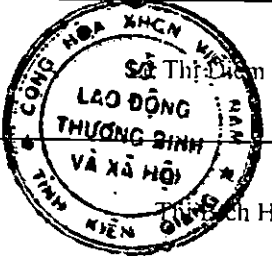
5	Nguyễn Văn Thệ	Phòng khám 6	Không thời hạn	24/11/2017	9110003165	21/07/2021	21/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thệ - 27907603 - Kiên Long CN Rạch Giá	370758186	
6	Võ Thị Diệp Lan	Phòng khám 1	1 năm	01/07/2019	9122811040	19/07/2021	19/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Võ Thị Diệp Lan - 27881643 - Kiên Long CN Rạch Giá	371645267	
7	Lâm Ngọc Huệ	Phòng khám 2	Không thời hạn	16/06/2019	9122299971	19/07/2021	19/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Lâm Ngọc Huệ - 27881953 - Kiên Long CN Rạch Giá	371755899	
8	Thị Hương	Phòng khám 4	1 năm	01/10/2020	9122306440	21/07/2021	21/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Thị Hương - 27881363 - Kiên Long CN Rạch Giá	371430527	
9	Danh Thị Mỹ Quyền	Phòng khám 9	Không thời hạn	13/08/2017	9123883375	20/07/2021	20/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Mỹ Quyền - 27906163 - Kiên Long CN Rạch Giá	371633752	
10	Trần Thị Mỹ Phương	Nhận bệnh BHYT	Không thời hạn	03/07/2014	9116006933	20/07/2021	20/07/2021-03/08/2021	1.855.000	Trần Thị Mỹ Phương - 27881443 - Kiên Long CN Rạch Giá	371592992	
11	Trương Thị Hải Âu	P.Tài chính - kế toán	Không thời hạn	17/10/2016	9114000053	13/07/2021	13/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Trương Thị Hải Âu - 27906623 - Kiên Long CN Rạch Giá	371210875	
12	Lê Thị Thơi	Phòng khám 1	1 năm	12/08/2018	9122594569	20/07/2021	20/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Thơi - 27907233 - Kiên Long CN Rạch Giá	371794957	
13	Lê Thị Diễm Sương	Phòng cấp cứu	Không thời hạn	14/09/2018	9123765397	14/07/2021	14/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Diễm Sương - 27881253 - Kiên Long CN Rạch Giá	371615422	
14	Thị Bích Hạnh	Nhận bệnh BHYT	1 năm	05/04/2020	9122250703	12/07/2021	12/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Thị Bích Hạnh - 27881853 - Kiên Long CN Rạch Giá	371541758	
15	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nhận bệnh Dịch vụ	1 năm	05/03/2020	9116020496	21/07/2021	21/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Tiên - 30276963 - Kiên Long CN Rạch Giá	371699195	

16	Danh Thị Thu Hương	Phòng 25	1 năm	01/02/2021	9122299395	12/07/2021	12/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Thu Hương - 30593853 - Kiên Long CN Rạch Giá	371756891	
17	Danh Thị Thu Hương	Nhận bệnh Dịch vụ	1 năm	17/02/2016	9116017910	21/07/2021	21/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Thu Hương - 27907853 - Kiên Long CN Rạch Giá	371536408	
18	Lê Lâm Mỹ Ngọc	Phòng xét nghiệm	1 năm	05/04/2019	9121732558	23/07/2021	23/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Lê Lâm Mỹ Ngọc - 27881483 - Kiên Long CN Rạch Giá	371662915	
19	Trần Thị Mỹ Nga	Dược BHYT	1 năm	01/10/2020	9123093072	21/07/2021	21/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Trần Thị Mỹ Nga - 30593803 - Kiên Long CN Rạch Giá	371521968	
20	Hà My	Dược BHYT	Không thời hạn	05/12/2017	9122544344	22/07/2021	22/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Hà My - 27881793 - Kiên Long CN Rạch Giá	371649128	
21	Đặng Thị Bích Quyên	Dược BHYT	Không thời hạn	01/10/2017	9121657042	23/07/2021	23/07/2021-30/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Bích Quyên - 27906033 - Kiên Long CN Rạch Giá	371664153	
22	Võ Lâm Bảo Trung	Nội Soi	Không thời hạn	02/04/2018	9122274830	01/08/2021	01/08/2021 - 27/09/2021	3.710.000	Võ Lâm Bảo Trung - 27881703 - Kiên Long CN Rạch Giá	371797925	
23	Danh Thị Thắm	Siêu Âm	Không thời hạn	15/05/2017	9123624201	01/08/2021	01/08/2021-04/09/2021	3.710.000	Danh Thị Thắm - 27881903 - Kiên Long CN Rạch Giá	371541754	
24	Trần Yến Nhi	Siêu Âm	Không thời hạn	06/10/2018	9122804588	01/08/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Trần Yến Nhi - 27881933 - Kiên Long CN Rạch Giá	371816450	
25	Ngô Hà Minh Tiến	Khai báo y tế	Không thời hạn	06/09/2018	9122788401	27/07/2021	27/07/2021-31/08/2021	3.710.000	Ngô Hà Minh Tiến - 27881863 - Kiên Long CN Rạch Giá	371606447	
26	Phù Nghi Trân	Siêu Âm	Không thời hạn	01/01/2016	9116017906	05/09/2021	05/09/2021-30/09/2021	1.855.000	Phù Nghi Trân - 27874293 - Kiên Long CN Rạch Giá	371738505	

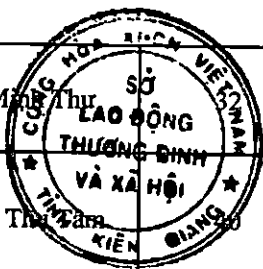


27	Trương Mỹ Linh	Phòng 25	1 năm	14/07/2018	9122316455	26/07/2021	26/07/2021 - 16/09/2021	3.710.000	Trương Mỹ Linh - 27881883 - Kiên Long CN Rạch Giá	371757710	
28	Nguyễn Thiện Tâm		Không thời hạn	09/12/2017	9122519760	15/07/2021	15/07/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thiện Đức - 27881563 - Kiên Long CN Rạch Giá	371509503	
29	Ngô Kiều Nga	Hộ Lý	1 năm	01/07/2019	9122513541	19/07/2021	19/07/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Ngô Kiều Nga - 27881633 - Kiên Long CN Rạch Giá	371315540	
30	Lê Thị Minh Thư	P.KHTH	Không thời hạn	01/01/2016	9116017774	15/07/2021	15/07/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Minh Thư - 29520223 - Kiên Long CN Rạch Giá	371656521	
31	Khuu Thị Nhiều	Bác sĩ	Không thời hạn	01/11/2018	5399001407	20/07/2021	20/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Khuu Thị Nhiều - 27907973 - Kiên Long CN Rạch Giá	370514618	
32	Nguyễn Danh Cẩm Tú	Thu viện phí	1 năm	01/06/2021	9122247119	19/07/2021	19/07/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Danh Cẩm Tú - 31990453 - Kiên Long CN Rạch Giá	371621705	
33	Dương Trung Thành	Phòng CC	1 năm	04/02/2018	9121695116	27/07/2021	27/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Dương Trung Thành - 28096993 - Kiên Long CN Rạch Giá	371557855	
34	Danh Băng Thụy	Phòng CC	1 năm	30/10/2019	9124179589	01/08/2021	01/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Danh Băng Thụy - 28302873 - Kiên Long CN Rạch Giá	371676472	
35	Phạm Thị Liên	Phòng 14	1 năm	01/07/2019	9122948176	19/07/2021	19/07/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Liên - 27881383 - Kiên Long CN Rạch Giá	371819078	
36	Trần Văn sang	Phòng Xquang	1 năm	23/02/2016	9116017908	01/08/2021	01/08/2021 - 17/09/2021	3.710.000	Trần Văn sang - 27881973 - Kiên Long CN Rạch Giá	371286041	
37	Trần Huyền Trân	Phòng Nhi	Không thời hạn	22/06/2015	9116017904	01/08/2021	01/08/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Trần Huyền Trân - 27906873 - Kiên Long CN Rạch Giá	371626006	

38	Lâm Thị Thu Tâm	Phòng YHCT	Không thời hạn	28/04/2017	9122247151	12/08/2021	12/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Thu Tâm - 27881773 - Kiên Long CN Rạch Giá	371641276	
39	Huỳnh Văn Thành	Bảo vệ	1 năm	15/03/2017	9122841168	17/08/2021	17/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Thành - 27881343 - Kiên Long CN Rạch Giá	371450319	
40	Ngô Khắc Thọ	Bảo vệ	1 năm	20/06/2021	9122360034	01/09/2021	01/09/2021 - 15/09/2021	1.855.000	Ngô Khắc Thọ - 35314643 - Kiên Long CN Rạch Giá	371757139	
41	Trần Thị Cúc	Dược BHYT	1 năm	05/09/2019	4220599308	17/08/2021	17/08/2021 - 31/08/2021	1.855.000	Trần Thị Cúc - 27906853 - Kiên Long CN Rạch Giá	183843409	
42	Trần Minh Trị	Dược BHYT	Không thời hạn	01/01/2015	9116017775	16/08/2021	16/08/2021 - 31/08/2021	1.855.000	Trần Minh Trị - 27907903 - Kiên Long CN Rạch Giá	371339565	
43	Nguyễn Trọng Hiếu	Y sĩ	Không thời hạn	27/01/2018	9123662903	18/08/2021	18/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Trọng Hiếu - 27881743 - Kiên Long CN Rạch Giá	371737132	
44	Đồ Xuân Huệ	Kế Toán	Không thời hạn	25/02/2016	9116017772	17/08/2021	17/08/2021 - 31/08/2021	1.855.000	Đồ Xuân Huệ - 19910707 - Kiên Long CN Rạch Giá	371484134	
45	Danh Thị Hồng Nguyệt	Hộ Lý	1 năm	19/05/2021	9122328012	12/08/2021	12/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Danh Thị Hồng Nguyệt - 35314963 - Kiên Long CN Rạch Giá	370787348	
46	Lục Hán Văn	Cử nhân tin học	Không thời hạn	15/08/2013	7912017319	12/09/2021	12/09/2021 - 26/09/2021	1.855.000	Lục Hán Văn - 28097163 - Kiên Long CN Rạch Giá	371249477	
17.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							4.000.000			
Stt	Họ và tên		Thứ tự tại mục 17.1					Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú

1	 Lê Thị Diễm Sương		13	1.000.000	Lê Thị Diễm Sương - 27881253 - Kiên Long CN Rạch Giá	371615422				
2	Thị Bích Hạnh		14	1.000.000	Thị Bích Hạnh - 27881853 - Kiên Long CN Rạch Giá	371541758				
3	Danh Thị Thu Hương		16	1.000.000	Danh Thị Thu Hương - 27907853 - Kiên Long CN Rạch Giá	371756891				
4	Lê Lâm Mỹ Ngọc		18	1.000.000	Lê Lâm Mỹ Ngọc - 27881483 - Kiên Long CN Rạch Giá	371662915				
17.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em				19.000.000					
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 17.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Trọng Hiếu	45	Nguyễn Huỳnh Tiến Đăng	25/02/2018	Huỳnh Thị Gia Ân	371737132	1.000.000	Nguyễn Trọng Hiếu - 27881743 - Kiên Long CN Rạch Giá	371737132	
2	Võ Thị Diệp Lanh	6	Nguyễn Ngọc Ái Linh	18/12/2020	Nguyễn Văn Linh	371645267	1.000.000	Võ Thị Diệp Lanh - 27881643 - Kiên Long CN Rạch Giá	371645267	
3	Thị Hương	8	Danh Thị Minh Thu	10/08/2016	Danh Đa Quít	371430527	1.000.000	Thị Hương - 27881363 - Kiên Long CN Rạch Giá	371430527	
4	Trần Xuân Dũng	4	Trần Xuân Bảo Ngọc	29/08/2018	Nguyễn Bích Phượng	371802816	1.000.000	Trần Xuân Dũng - 16077663 - Kiên Long CN Rạch Giá	371802816	

5	Danh Thị Mỹ Quyền	9	Kha Minh Đức	04/02/2020	Kha Đắc Đạo	371633752	1.000.000	Danh Thị Mỹ Quyền - 27906163 - Kiên Long CN Rạch Giá	371633752	
6	Trần Thị Cúc	43	Đào Khắc Nguyên Khôi	26/05/2020	Đào Khắc Yên	183843409	1.000.000	Trần Thị Cúc - 27906853 - Kiên Long CN Rạch Giá	183843409	
7	Danh Thị Thu Hương	16	Trần Danh Thanh Luân	18/07/2020	Trần Thanh Lợi	371536408	1.000.000	Danh Thị Thu Hương - 27907853 - Kiên Long CN Rạch Giá	371536408	
8	Đỗ Xuân Huệ	46	Lý Hưng Tuấn	15/11/2015	Lý Thái Trung	371484134	1.000.000	Đỗ Xuân Huệ - 19910707 - Kiên Long CN Rạch Giá	371484134	
9	Đỗ Xuân Huệ	46	Lý Hưng Thịnh	22/01/2021	Lý Thái Trung	371484134	1.000.000	Đỗ Xuân Huệ - 19910707 - Kiên Long CN Rạch Giá	371484134	
10	Trần Thị Mỹ Phương	10	Nguyễn Hữu Tấn Bách	06/09/2018	Nguyễn Hữu Mười	371592992	1.000.000	Trần Thị Mỹ Phương - 27881443 - Kiên Long CN Rạch Giá	371592992	
11	Trần Huyền Trân	39	Đặng TRẦN Đông Quân	27/10/2019	Đặng Minh Tính	371626006	1.000.000	Trần Huyền Trân - 27906873 - Kiên Long CN Rạch Giá	371626006	
12	Trương Thị Hải Âu	11	Châu Ngọc Diệp	02/12/2019	Châu Đăng Khoa	371210875	1.000.000	Trương Thị Hải Âu - 27906623 - Kiên Long CN Rạch Giá	371210875	
13	Thị Bích Hạnh	14	Nguyễn Thị Hồng Phúc	14/12/2016	Nguyễn Thanh Tinh	371541758	1.000.000	Thị Bích Hạnh - 27881853 - Kiên Long CN Rạch Giá	371541758	
14	Danh Thị Thắm	24	Danh Ca Bảo Trâm	29/11/2019	Danh Tín	371541754	1.000.000	Danh Thị Thắm - 27881903 - Kiên Long CN Rạch Giá	371541754	
15	Võ Lâm Bảo Trung	22	Võ Lâm Bảo Đăng	09/06/2018	Nguyễn Thị Thu Hoa	371797925	1.000.000	Võ Lâm Bảo Trung - 27881703 - Kiên Long CN Rạch Giá	371797925	

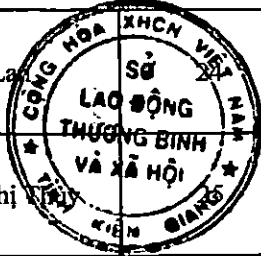


16	Lê Thị Minh Thu		Phạm Minh Đăng	14/06/2019	Phạm Hoàng Minh Trí	371656521	1.000.000	Lê Thị Minh Thu - 29520223 - Kiên Long CN Rạch Giá	371656521		
17	Lâm Thị Thu Tâm		Nguyễn Lâm Chí Thiện	14/09/2018	Nguyễn Thanh Xuân	371641276	1.000.000	Lâm Thị Thu Tâm - 27881773 - Kiên Long CN Rạch Giá	371641276		
18	Phù Nghi Trân	26	Trần Phương Nghi	01/09/2018	Trần Hữu Tình	372943779	1.000.000	Nguyễn Trọng Hiếu - 27881743 - Kiên Long CN Rạch Giá	371738505		
19	Nguyễn Danh Cẩm Tú	32	Lâm Ngọc Yến	12/11/2019	Lâm Đức Nguyên	374321802,2	1.000.000	Võ Thị Diệp Lanh - 27881643 - Kiên Long CN Rạch Giá	371621705		
XVIII	CÔNG TY TNHH THẾ KHÁNH						105.460.000				
18.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						96.460.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Trung	Kế Toán	24 tháng	01/03/2020	9122836477	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Nguyen Huu Trung, STK: 245957629 NH ACB CN Kiên Giang	371107152	
2	Huỳnh Văn Sang	Phòng Máy	24 tháng	25/09/2020	9122433311	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Huynh Van Sang, STK: 10382007 NH ACB CN Kiên Giang	371401037	
3	Danh Thành	CN Bao Bì	24 tháng	01/04/2021	9122370772	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Danh Thanh, STK: 245928789 ACB	371717637	
4	Phan Trọng Đợi	Bảo vệ	36 tháng	01/06/2021	9124064485	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Phan Trong Doi, STK: 153037 NH ACB CN Kiên Giang	184287821	

5	Danh Siem	Xếp khuôn	36 tháng	01/06/2021	9123251839	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Danh Siem, STK: 245957689 NH ACB CN Kiên Giang	371249916	
6	Nguyễn Thị Thanh Tâm	NV KCS	36 tháng	01/05/2021	9122033084	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thanh Tâm, STK: 245957619 NH ACB CN Kiên Giang	371692908	
7	Ngô Văn Võ	Phòng Máy	24 tháng	01/05/2020	9121936095	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Ngo Van Vo, STK: 245957759 NH ACB CN Kiên Giang	371511615	
8	Danh Lanh	Phòng Máy	24 tháng	01/07/2019	9122262486	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Danh Lanh, STK: 245957609 NH ACB CN Kiên Giang	370577995	
9	Thị Dim	Thống Kê	24 tháng	01/05/2021	9122534996	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Thi Dim, STK: 258543479 NH ACB CN Kiên Giang	371530612	
10	Trương Quốc Vĩnh	Điều hành	24 tháng	01/01/2020	9402001271	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Truong Quoc Vinh, STK: 249498159 NH ACB CN Kiên Giang	362161705	
11	Danh Vũ Linh	CN kho	12 tháng	02/01/2020	9123251846	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Danh Vu Linh, STK: 245491709 NH ACB CN Kiên Giang	371672002	
12	Danh Bô	Cấp đông	24 tháng	10/03/2020	9123964048	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Danh Bo, STK: 245794749 NH ACB CN Kiên Giang	371384923	
13	Trần Văn Phúc	Phòng Máy	24 tháng	01/09/2020	9108007598	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Tran Van Phuc, STK: 13768347 NH ACB CN Kiên Giang	371107183	
14	Danh Tô	CN kho	24 tháng	01/05/2021	9115007072	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Danh To, STK: 250470959 NH ACB CN Kiên Giang	371755659	

15	Nguyễn Văn Hai	Quản lý	Không xác định	01/01/2018	9116006911	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Nguyen Van Hai, STK: 994888 NH ACB CN Kiên Giang	271808654	
16	Nguyễn Văn Hậu	NV Haccp	24 tháng	01/03/2020	5307003282	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Nguyen Van Hau, STK: 11460807 NH ACB CN Kiên Giang	370929994	
17	Dương Thị Thủy	Quản lý	Không xác định	01/05/2021	9116006907	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Duong Thi Thuy, STK: 994988 NH ACB CN Kiên Giang	371755400	
18	Lê Thị Ngọc Trang	Thu mua	Không xác định	01/03/2020	7938646515	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Le Thi Ngoc Trang, STK: 902168 NH ACB CN Kiên Giang	381390322	
19	Trần Thị Tho	Điều hành	24 tháng	01/06/2021	9110007067	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Tran Thi Tho, STK: 0091000129611 NH Vietcombank CN Kiên Giang	371083369	
20	Tạ Bích Như	Phòng sạch	24 tháng	01/06/2021	9122331831	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Ta Bích Như, STK: 247843059 NH ACB CN Kiên Giang	371227598	
21	Vũ Thị Minh Huệ	NV Haccp	24 tháng	20/03/2021	9122165940	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Vu Thi Minh Hue, STK: 8990317 NH ACB CN Kiên Giang	371992853	
22	Đỗ Bích Diệp	Thống kê	24 tháng	01/01/2020	9123251798	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Do Bích Diệp, STK: 245719179 NH ACB CN Kiên Giang	371390223	
23	Quách Tú Quyên	Kế Toán	24 tháng	01/01/2020	9110004213	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Quach Tu Quyen, STK: 246250799 NH ACB CN Kiên Giang	371093738	
24	Trần Thị Lan	Kế Toán	24 tháng	01/03/2020	9116007033	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Tran Thi Lan, STK: 259762299 NH ACB CN Kiên Giang	371601269	

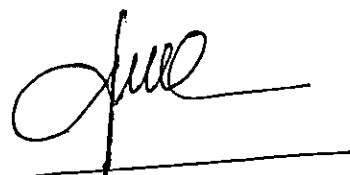
25	Nguyễn Thị Thùy	Thủ kho	24 tháng	01/01/2021	9122252255	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thùy, STK: 10381997 NH ACB CN Kiên Giang	372046268	
26	Nguyễn Thị Thuần	Thống Kê	24 tháng	01/01/2020	9123251794	18/07/2021	18/7/2021-31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thuần, STK: 245957749 NH ACB CN Kiên Giang	186699518	
18.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							9.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 18.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Dương Thị Thùy	17	Nguyễn Dương Bảo Châu	12/06/2020	Nguyễn Văn Tịnh	371.623.266	1.000.000	Duong Thi Thuy, STK: 994988 NH ACB CN Kiên Giang	371.755.400		
2	Lê Thị Ngọc Trang	18	Nguyễn Hải Đăng	25/04/2019	Nguyễn Văn Hải	271.808.654	1.000.000	Le Thi Ngoc Trang, STK: 902168 NH ACB CN Kiên Giang	381.390.322		
3	Trần Thị Tho	19	Huỳnh Ngọc Nữ	26/04/2018	Huỳnh Minh Tâm	371.249.688	1.000.000	Tran Thi Tho, STK: 0091000129611 NH Vietcombank CN Kiên Giang	371.083.369		
4	Vũ Thị Minh Huệ	21	Nguyễn Vũ Thảo My	17/04/2016	Nguyễn Bá Mận	241.469.753	1.000.000	Vu Thi Minh Hue, STK: 8990317 NH ACB CN Kiên Giang	371992853		
5	Đỗ Bích Diệp	22	Võ Ngọc Thiên An	01/04/2020	Võ Hoàng Em	371.462.025	1.000.000	Đo Bích Diệp, STK: 245719179 NH ACB CN Kiên Giang	371.390.223		
6	Quách Tú Quyên	23	Tạ Ngọc Tú	19/12/2019	Tạ Quang Vinh	371.063.907	1.000.000	Quach Tu Quyen STK: 246250799 NH ACB CN Kiên Giang	371.093.738		

7	Trần Thị Lan		Nguyễn Công Luận	25/07/2017	Nguyễn Minh Tường	371.799.891	1.000.000	Trần Thị Lan, STK: 259762299 NH ACB CN Kiên Giang	371.601.269	
8	Nguyễn Thị Thuý		Dương Tuấn Ý	01/11/2016	Dương Văn Thương	40083004055	1.000.000	Nguyễn Thị Thuý, STK: 10381997 NH ACB CN Kiên Giang	372.046.268	
9	Nguyễn Thị Thuần	26	Nguyễn Thị Nhã Uyên	29/04/2016	Nguyễn Văn Ngọc	186.129.144	1.000.000	Nguyễn Thị Thuần, STK: 245957749 NH ACB CN Kiên Giang	186.699.518	
1.459	Tổng cộng (I đến XVIII):						4.513.415.000			

Tổng cộng: Số trường hợp được hỗ trợ: 1.459; Số tiền hỗ trợ: 4.513.415.000.000 đồng; Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm mười ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng.

Kiên Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2021
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Văn Tùng



Dương Hồng Sơn

PHỤ LỤC 09

Danh sách đề nghị không hỗ trợ trên địa bàn huyện Châu Thành
(Kèm theo Tờ trình số 2920/TTr-LĐTBXH ngày 10/11/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

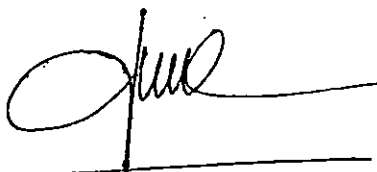
I		CÔNG TY TNHH HÒA HIỆP					2.000.000			
		Danh sách người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em không hỗ trợ					2.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền không hỗ trợ	Số CMT/ Thẻ CCCD	Lý do không hỗ trợ		
		Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	Danh Thị Xà Oanh	Huỳnh Văn Ngoan	15/03/2021	Danh Thị Xà Oanh	371374138	1.000.000	371374138	Người lao động đang hưởng chế độ thai sản		
2	Thị Mỹ Dung	Danh Thị Thảo Vy	14/04/2021	Thị Mỹ Dung	371607214	1.000.000	371607214	Người lao động đang hưởng chế độ thai sản		
II		CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ Ô TÔ KIÊN GIANG					4.710.000			
2.1		Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương không hỗ trợ					3.710.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền không hỗ trợ	Số CMT/ Thẻ CCCD	Lý do không hỗ trợ
1	Phan Thị Thái Huyền	Tư vấn bán hàng	12 tháng	01/12/2020	9122106847	19/7/2021	19/07/2021 - 25/08/2021	3.710.000	371717871	Thời điểm ngày 19/7/2021 người lao động đang hưởng chế độ thai sản
2.2		Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em					1.000.000			

1	Nguyễn Quốc Thuận	Giám đốc	01/2018	9113006776	19/7/2021	19/7/2021- 29/09/2021	3.710.000	371879149	Nguyễn Quốc Thuận là Giám đốc Công ty và là người sử dụng lao động (không phải người lao động), không có hợp đồng lao động	
VI	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUẬN QUI						3.710.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương không hỗ trợ						3.710.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền không hỗ trợ	Số CMT/ Thẻ CCCD	Lý do không hỗ trợ	
1	Đàm Thanh Thuận	Giám đốc	01/01/2021	5304000091	01/08/2021	01/08/2021 - 30/9/2021	3.710.000	370843810	Đàm Thanh Thuận là Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc và là người sử dụng lao động (không phải là người lao động), không có hợp đồng lao động	
VI	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN NT						44.520.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương không hỗ trợ						44.520.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền không hỗ trợ	Số CMT/ Thẻ CCCD	Lý do không hỗ trợ

15	Thạch Văn Dư	Công nhân bốc xếp	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2019	9611003756	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	371316069	Như trên
16	Triệu Quốc Tính	Công nhân vận hành máy lạnh	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2019	9122784926	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	371783162	Như trên
17	Trang Lộc Thịnh	Công nhân vận hành máy lạnh	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2019	9510002724	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	385455435	Như trên
18	Huỳnh Thu Hà	Công nhân vệ sinh	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2019	9123659462	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	371104233	Như trên
19	Nguyễn Minh Tuấn	Công nhân bốc xếp	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2019	9122363366	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	371633733	Như trên
20	Huỳnh Ngọc Duy	Công nhân nuôi tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2019	9124184443	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	371285183	Như trên
21	Danh Ra	Công nhân bao gói	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2020	9122352969	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	371938952	Như trên
22	Danh Quang	Tài xế xe 47 chỗ	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2020	9116005022	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	371075749	Như trên
23	Lê Văn Lân	Công nhân phục vụ	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2021	9116019018	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	371721087	Như trên
24	Nguyễn Văn Lượm Em	Công nhân nuôi tôm	HĐLĐ xác định thời hạn	02/05/2021	7934466947	01/09/2021	01.09.2021 đến 20.09.2021	1.855.000	351633897	Như trên
31	Tổng cộng:							62.360.000		

Tổng cộng: Số trường hợp không hỗ trợ: 31; Số tiền không hỗ trợ: 62.360.000.000 đồng; Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Văn Tùng

Kiên Giang, ngày 10 tháng 10 năm 2021
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

GIÁM ĐỐC



Dặng Hồng Sơn